CTCP DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

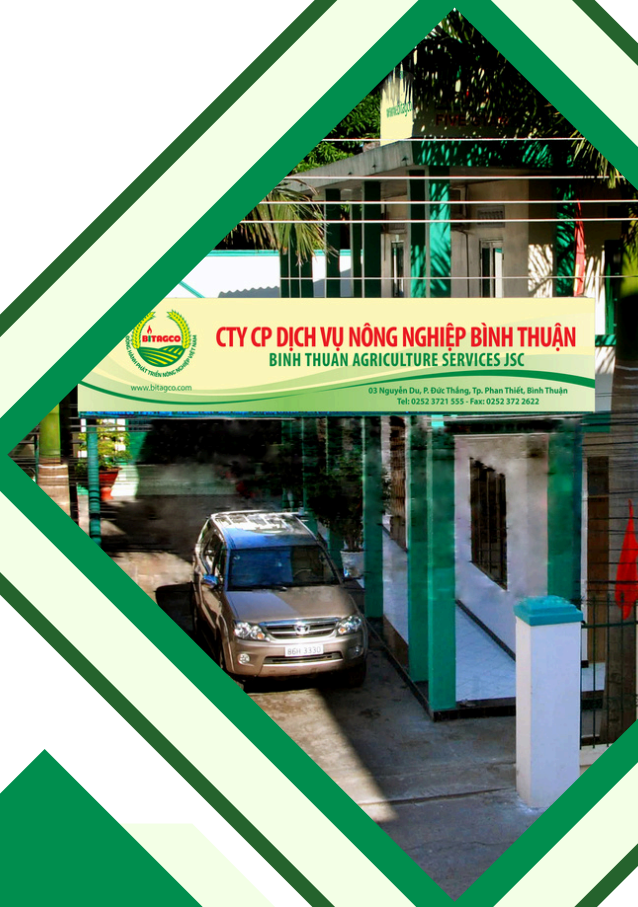

2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN VĂN MƯỜI
CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên,

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục bước vào giai đoạn điều chỉnh sau những biến động kéo dài trong các năm trước. Các xu hướng mới như chuyển đổi số, phát triển bền vững, trí tuệ nhân tạo và chuỗi cung ứng linh hoạt đang tái định hình toàn bộ cục diện thị trường. Bên cạnh đó, bất ổn địa chính trị và biến đổi khí hậu vẫn là những yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang từng bước phục hồi và khẳng định vai trò là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, với tốc độ tăng trưởng kinh tế được kỳ vọng phục hồi tích cực nhờ vào các chính sách ổn định vĩ mô và thúc đẩy đầu tư công, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận – Bitagco, với nền tảng vững chắc được gây dựng suốt nhiều năm qua, xác định rõ sứ mệnh đồng hành cùng người nông dân, phát triển nông nghiệp bền vững, và tiên phong trong đổi mới. Trong năm vừa qua, dù còn đối mặt với không ít khó khăn, chúng ta đã nỗ lực không ngừng để giữ vững vị thế, nâng cao năng lực vận hành và thích ứng nhanh với bối cảnh thị trường mới.

Bước sang năm 2025, với thông điệp **"Kiến tạo đổi mới – Vững bước tương lai"**, Hội đồng Quản trị cam kết cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên tiếp tục hành trình đổi mới toàn diện và phát triển bền vững, tập trung vào ba trọng tâm chiến lược:

1. Chuyển đổi số và tự động hóa trong sản xuất – kinh doanh: Tận dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động, minh bạch thông tin, cải thiện trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa chuỗi cung ứng.
2. Tái cấu trúc mô hình quản trị và danh mục đầu tư: Củng cố lĩnh vực nông nghiệp là cốt lõi, đồng thời phát triển mở rộng các ngành bất động sản, nhiên liệu sinh học và logistics nhằm tạo nền tảng đa ngành bền vững.
3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo đội ngũ kế thừa, xây dựng cơ chế đãi ngộ công bằng và môi trường làm việc khuyến khích đổi mới sáng tạo, lấy con người làm trung tâm cho mọi chiến lược tăng trưởng.

Chúng ta hiểu rằng, không có thành công nào đến dễ dàng. Trên hành trình phía trước, điều quan trọng không chỉ là có tầm nhìn xa mà còn là bản lĩnh hành động, tinh thần đoàn kết và sự kiên định. Bitagco sẽ tiếp tục giữ vững các giá trị cốt lõi: liêm chính – trách nhiệm – sáng tạo – đồng hành cùng nông dân và cộng đồng. Chúng ta cam kết bảo vệ lợi ích hài hòa và bền vững cho cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động.

Với sự tin tưởng, đồng hành và cống hiến không ngừng của tập thể Bitagco, tôi tin tưởng rằng chúng ta sẽ không chỉ vượt qua mọi thử thách mà còn chinh phục những cột mốc mới, vươn xa hơn trong hành trình trở thành Tập đoàn kinh tế đa ngành hàng đầu Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị **Sức khỏe – Thành công – Thịnh vượng**!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN VĂN MƯỜI

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

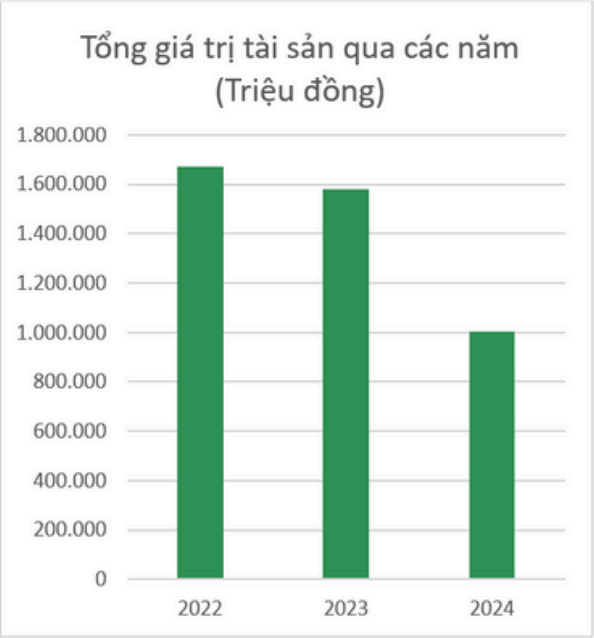

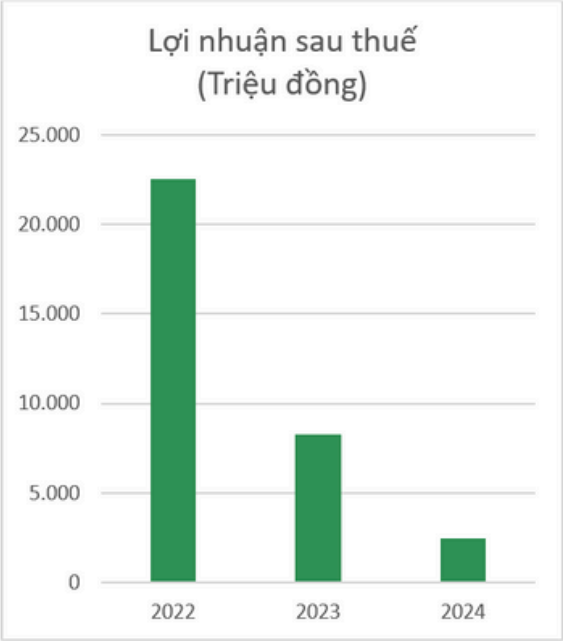

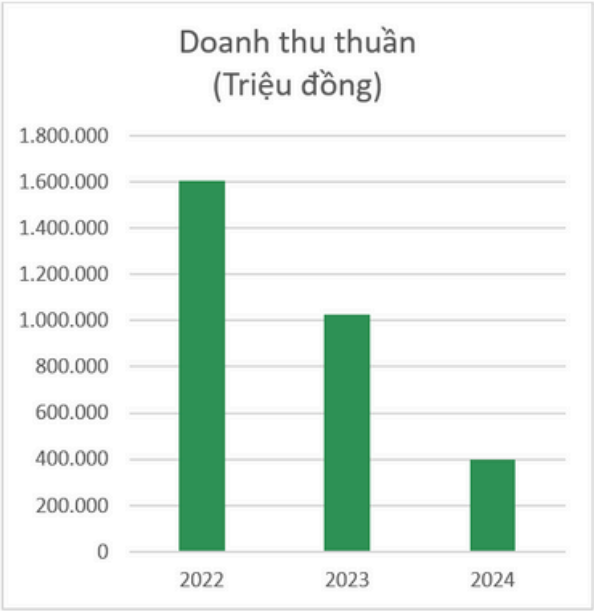

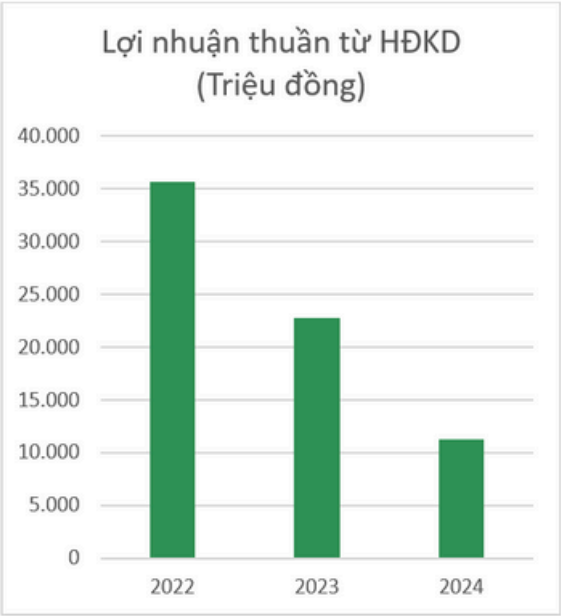

Chương 1:
THÔNG TIN CHUNG

1 Thông tin khái quát

2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị

4 Định hướng phát triển

5 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400382278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/05/2004, thay đổi tùy từng thời điểm
Vốn điều lệ	800.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	800.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 03 Nguyễn Du, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Số điện thoại	(+84) 2523 816 823
Số fax	(+84) 2523 814 599
Website	http://bitagco.com
Mã cổ phiếu	ABS

DANH HIỆU VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

Nhờ những nỗ lực ấy cùng với ban lãnh đạo tâm huyết, có tầm nhìn chiến lược và đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, trong suốt chặng đường hoạt động của mình, BITAGCO đã được các ban ngành của tỉnh đánh giá cao và trao tặng nhiều bằng khen và giải thưởng như:

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Do đã có thành tích công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc năm 2006 -2008

Bằng khen của Trung ương hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam

Do đã có thành tích xuất sắc trong phát triển sản xuất kinh doanh và tham gia hoạt động doanh nghiệp trẻ của tỉnh Bình Thuận năm 2007

Bằng khen của Trung ương hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt nam

Do đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập Kinh tế quốc tế

Thương hiệu tiêu biểu khu vực Đông Nam Bộ và Giải thưởng Sao Vàng Đông Nam Bộ năm 2008

Giấy khen của hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận

Do có thành tích trong hoạt động và xây dựng hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận.

Bằng khen của Ban chấp hành hội nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận

Do đã có thành tích trong phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi tỉnh Bình Thuận lần thứ X năm 2022.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975

Trong bối cảnh phát triển đất nước sau chiến tranh, Công ty Vật tư Nông nghiệp Thuận Hải được thành lập, là tiền thân của Công ty Cổ phần dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận viết tắt là BITAGCO với mục tiêu cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp như: phân bón, lúa giống, thuốc trừ sâu,... cho hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay.

Là doanh nghiệp nhà nước trọng điểm và được sự quan tâm của tỉnh ủy, ngay trong những năm đầu thành lập Công ty đã có quy mô lớn với 150 cán bộ công nhân viên và mạng lưới với 11 trạm vật tư nông nghiệp huyện, thị xã và văn phòng làm việc.

1993

Công ty được đổi tên thành Công ty Vật tư Nông Nghiệp Bình Thuận.

2004

Công ty được cổ phần hóa và có tên gọi Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận. Trong những năm hoạt động phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng doanh nghiệp hạng IV.

2006

Năm đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao quyết định mua lại đa số cổ phần và trở thành cổ đông chiến lược của BITAGCO.

2018

Uỷ ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 8158/UBCK-GSĐC ngày 12/12/2018

2019

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 12/2019/GCNCP- VSD ngày 15/03/2019

Nay

Chặng đường mới của BITAGCO giờ đây được đón một người thuyền trưởng đầy tài năng - Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu - ông Trần Văn Mười - người thuyền trưởng dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, phó chủ tịch Hiệp hội phân bón Việt Nam và cũng là người đã dẫn dắt thương hiệu Phân bón Năm Sao thành công trong nhiều năm qua.

Thấu hiểu, sẻ chia nỗi vất vả, khó khăn của người nông dân, doanh nhân Trần Văn Mười luôn mong muốn tạo dựng các giá trị cốt lõi cho công ty với uy tín, tận tâm qua từng sản phẩm, phát triển thêm nhiều mặt hàng thiết thực.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

25/12/1975	Thành lập Công ty Vật Tư Nông Nghiệp Thuận Hải
1993	Đổi tên thành Công ty Vật tư Nông Nghiệp Bình Thuận
2004	Công ty Vật Tư Nông Nghiệp Bình Thuận chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Nhà nước nắm giữ 47.353 CP/54.588 CP chiếm 86,75%
2006	Nhà nước chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty
2007	Tăng vốn điều lệ lên 8,5 tỷ đồng
2008	Năm 2008, tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng
2012	Tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng
2016	Tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng
12/12/2018	ABS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng
27/12/2019	ABS đã được Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết
18/03/2020	Cổ phiếu ABS chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán
2021	Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng Công bố tham gia phát triển dự án bất động sản đẳng cấp nhất TP. Vũng Tàu, cụ thể là dự án khách sạn 5 sao và căn hộ nghỉ dưỡng Fivestar Odyssey cùng Tập đoàn Five Star Group có tổng vốn đầu tư hơn 5.000 tỷ đồng
2022	Công bố dự án Khu đô thị Five Star Eco City có tổng diện tích quy hoạch lên đến 650ha với 3 phân khu, chính thức "thông tuyến huyết mạch" đường nội bộ kết nối các phân khu giai đoạn 1 Lucky Land và giai đoạn 2 Golden Land
2023	Hợp tác đầu tư dự án mới Khu nhà ở cao tầng tại Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City với tổng mức đầu tư dự án 2.510.206.000.000 đồng
2024	Công ty mở rộng mảng nhập khẩu nguyên liệu phân bón từ nước ngoài, củng cố phân phối phân bón tại miền Trung và Đông Nam Bộ, đồng thời phát triển hệ thống xăng dầu, tối ưu quỹ đất tại Bình Thuận

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669 (chính)
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan	4661

Địa bàn kinh doanh chính:

- Lĩnh vực kinh doanh phân bón: Địa bàn hoạt động chủ yếu miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trải dài khắp các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, TP. HCM, Long An và bán qua cả nước bạn Campuchia;
- Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Chủ yếu hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty BITAGCO được thành lập với mục tiêu ban đầu là cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp như : phân bón, lúa giống, thuốc trừ sâu,... cho hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay.

Từ năm 2006 nhờ sự đầu tư về tài chính, công nghệ của Tập đoàn Quốc tế Năm Sao, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng phát triển, Công ty đã đầu tư kinh doanh phân phối xăng – dầu – nhớt, cho thuê kho bãi và hợp tác đầu tư bất động sản.

Với truyền thống hơn 40 năm kinh doanh phân phối vật tư nông nghiệp, BITAGCO đã tạo cho mình một lượng lớn khách hàng thân thiết. Không chỉ vậy, Công ty cũng không ngừng cải thiện công tác bán hàng, chính sách ưu đãi để nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

Hiện nay BITAGCO đang là một trong những nhà phân phối phân bón lớn nhất khu vực. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho BITAGCO đều là các doanh nghiệp uy tín và lâu năm trên thị trường như Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao, Công ty Cổ phần Phân Bón Công nghệ cao Năm Sao, Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa Chất Lâm Thao,.... Bởi vậy, nguồn cung cấp sản phẩm được kiểm định, đảm bảo về chất lượng, giảm thiểu được các rủi ro.

Công ty còn kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp khác phục vụ sản xuất như: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, thuốc trừ nấm bệnh...

BITAGCO luôn phấn đấu với tiêu chí **"chân tình, cởi mở, hết sức thân thiện với tất cả các khách hàng"**.

SẢN PHẨM PHÂN BÓN CHUYÊN DÙNG CÔNG NGHỆ CAO - THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Đằng sau những thành tựu nông nghiệp của khu vực Nam Trung Bộ nói chung và Bình Thuận nói riêng với nhiều giống cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, không thể không kể đến những đóng góp thầm lặng nhưng vô cùng quan trọng của BITAGCO trong việc phân phối những sản phẩm nông nghiệp không chỉ chất lượng, có giá thành hợp lý mà còn phù hợp cho nhiều loại cây trồng và phương pháp canh tác.
Bên cạnh đó, những năm gần đây, các công ty cung ứng sản phẩm cho BITAGCO cũng đã thực hiện nâng cấp máy móc, dây chuyền sản xuất, tập trung nâng cao chất lượng, đa dạng chủng loại, phù hợp với nhiều loại cây trồng. Điều này đặc biệt thuận lợi cho việc công ty mang đến các sản phẩm chất lượng, duy trì lượng khách hàng ổn định và tăng trưởng qua các năm.

Trong nhiều năm qua bà con nông dân đã luôn tin dùng phân bón Năm Sao cho các cây công nghiệp, nông nghiệp có giá trị cao đạt hiệu quả vượt trội. Đặc biệt tại Bình Thuận người dân nơi đây vẫn luôn tin tưởng và sử dụng phân bón chuyên dùng dạng một hạt 20-20-15+TE (Violet Plus) (được ABS độc quyền phân phối) cho cây Thanh long - giống cây kinh tế chủ lực của vùng

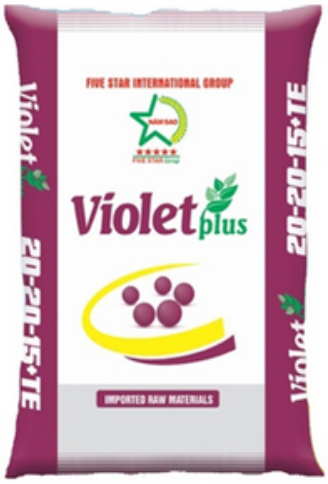

Sau hơn 45 năm phát triển, BITAGCO đã tạo dựng được cho mình sự uy tín và thương hiệu hàng đầu tại Bình Thuận cũng như các tỉnh lân cận. Từ một doanh nghiệp khởi đầu với 150 cán bộ công nhân và 11 trạm vật tư nông nghiệp, đến nay, Công ty đã xây dựng được một mạng lưới tiêu thụ vật tư nông nghiệp rộng khắp Nam Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên với 8 chi nhánh và hơn 500 đại lý phân phối, tiêu thụ khoảng 50 nghìn tấn phân bón mỗi năm, và cung ứng khoảng 10 triệu lít xăng dầu cho người dân doanh nghiệp trong khu vực trải đều khắp toàn tỉnh Bình Thuận và các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, nâng tổng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng.

Một số sản phẩm phân bón BITAGCO phân phối

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC, NHÀ CUNG CẤP PHÂN BÓN LỚN

Công ty là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm phân bón của tập đoàn Năm Sao – doanh nghiệp sở hữu nhà máy sản xuất phân bón với công suất 600.000 tấn/năm. Các sản phẩm này đều có chất lượng cao được sản xuất dưới sự nghiên cứu trong nhiều năm của Hội đồng Các nhà khoa học và các chuyên gia đầu ngành tạo ra một dây chuyền cung ứng hiện đại, tiên tiến, chất lượng cao và an toàn. Ngoài ra, Công ty còn là nhà phân phối lớn cho Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (Đạm Phú Mỹ), Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Công ty Đạm Cà Mau, Công ty cổ phần Vinacam, Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển,...

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

BITAGCO đã biến sự thành công trong lĩnh vực nông nghiệp thành tiền đề cho sự phát triển vào các lĩnh vực mới. Năng lượng, giao thương vận chuyển là trái tim của cuộc sống, là yếu tố sống còn giúp kinh tế phát triển, quyết định đến sự phồn thịnh của cả một khu vực.

Nhận thấy tầm quan trọng của yếu tố này, BITAGCO tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực xăng dầu, với chuỗi 5 cửa hàng phân phối các sản phẩm xăng, dầu và nhớt các loại đều nằm tại các tuyến đường quan trọng như quốc lộ 1A, QL 28, QL 55 giúp phân phối, bán buôn cho địa bàn tỉnh Bình Thuận và khu vực lân cận, đảm bảo nguồn cung cho vận tải đường bộ cũng như thuỷ, giúp hàng ngàn tàu thuyền của ngư dân đánh bắt trên ngư trường truyền thống, vương khơi bám biển và bảo vệ chủ quyền.

Bên cạnh đó, để tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty cũng thực hiện tái phân phối nguồn xăng dầu tới các đại lý tư nhân nhỏ hơn.

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 9
Số 301, Đường 19/4, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Bình Thuận
Diện tích: 2.247m2
• Số trụ bơm: 5 trụ • Sức chứa: 115m3

CỬA HÀNG XĂNG DẦU Km29
Khu phố Lập Hòa, Thị trấn Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận
Diện tích: 868.8 m2
• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 37m3

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN HÒA
QL 28, Thôn Dân Trí, Xã Thuận Hòa, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
Diện tích: 4.897m2
• Số trụ bơm: 3 trụ • Sức chứa: 24m3

CỬA HÀNG XĂNG DẦU NGÃ BA GỘP
Thôn 3, Xã Hồng Sơn, Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận
Diện tích: 1.196.6m2
• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 57m3

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THẮNG HẢI
QL 55, Thôn Thắng Hải, Xã Thắng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận
Diện tích: 1.439m2
• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 50m3

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

Sản phẩm xăng dầu của Công ty được mua từ tập đoàn Petrolimex, PV Oil, Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (PETIMEX) và phân phối qua hệ thống các cây xăng của Công ty và bán buôn cho các đại lý nhỏ hơn trong địa bàn tỉnh Bình Thuận và các tỉnh lân cận. Hiện nay, công ty sở hữu 05 trạm xăng với tổng sức chứa kho vào khoảng 283m3, có khả năng tiêu thụ trên 10 triệu lít xăng dầu, nhớt mỗi năm, chiếm khoảng 10% trên tổng số 61 trạm xăng hiện tại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI XĂNG DẦU

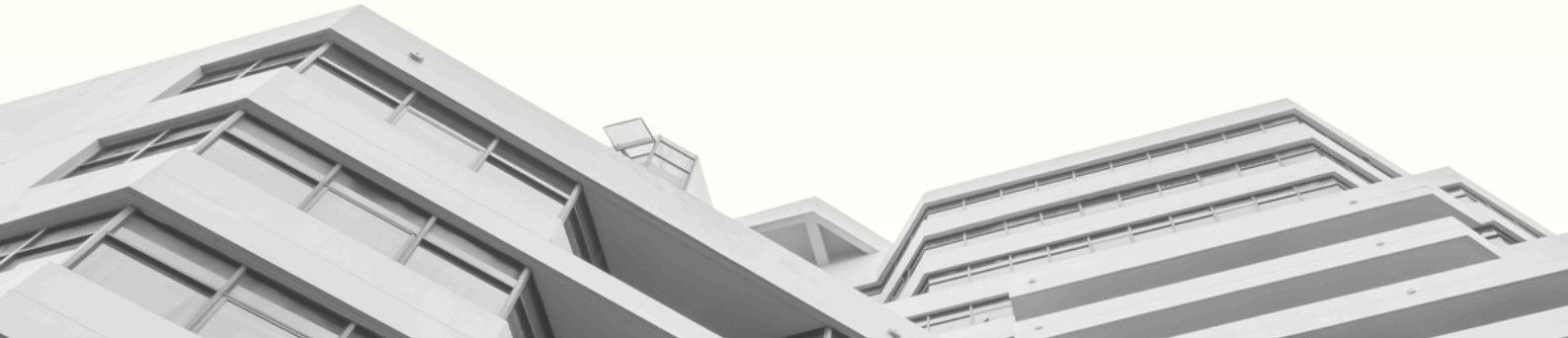

DỊCH VỤ CHO THUÊ KHO BÃI

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nông nghiệp Bình Thuận - BITAGCO hiện đang cho thuê các địa điểm làm bến đỗ, kho bãi.

BẾN ĐỖ CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 9
QL 1A, Đường 19/4, Phường Xuân An,
TP. Phan Thiết, Bình Thuận
Diện tích: 2.247m2

Bến đỗ

Công ty cho thuê diện tích bến bãi của Cửa hàng xăng dầu số 9 làm nơi đỗ xe, rửa xe và bơm xăng của công ty Taxi Mai Linh và Taxi Quốc tế

- Địa chỉ: Đường 19/4, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Bình Thuận
- Diện tích: 2.247 m2

TỔNG KHO HÀM MỸ
Thôn Phú Sum, Xã Hàm Mỹ, Huyện
Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận
Diện tích : ~15.000m2
Sức chứa: ~10.000 tấn

Kho tàng

Công ty cho các đơn vị kinh doanh nông nghiệp thuê kho bãi làm nơi tập kết, vận chuyển nông sản.

- Kho số 1 tại Thôn Phú Sum, Xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Diện tích khoảng 15.000 m2; Sức chứa trên 10.000 tấn
- Kho số 2 tại Thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Diện tích: 492m

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN

Tháng 8/2024, Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư đối với các dự án bất động sản đang triển khai và trên cơ sở đó, đã thực hiện thanh lý khoản đầu tư vào Dự án Khu nhà ở cao tầng thuộc Khu đô thị sinh thái Năm Sao – Five Star Eco City. Đầu năm 2025, Công ty cũng đã tiến hành thanh lý các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng mua bán nhà hình thành trong tương lai tại khu vực này. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không còn nắm giữ bất kỳ dự án đầu tư bất động sản nào trong danh mục tài sản.

Việc tái cơ cấu danh mục đầu tư bất động sản nói trên nằm trong chiến lược tập trung hóa nguồn lực và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh thị trường bất động sản vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro, đặc biệt là sự biến động về pháp lý, lãi suất, và thanh khoản thị trường.

Trong giai đoạn tới, Công ty xác định tạm thời chưa tiếp tục triển khai các dự án bất động sản mới mà sẽ tập trung theo dõi sát diễn biến của thị trường, tìm kiếm và nghiên cứu các cơ hội đầu tư có tiềm năng sinh lời cao, pháp lý minh bạch và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Đồng thời, Công ty cũng sẽ từng bước hoàn thiện hệ thống đánh giá, kiểm soát rủi ro đầu tư để đảm bảo sự chủ động và linh hoạt hơn trong việc tham gia trở lại lĩnh vực bất động sản khi điều kiện thị trường thuận lợi.

ABS cam kết duy trì định hướng đầu tư thận trọng, hiệu quả và bền vững, lấy giá trị thực và hiệu quả kinh tế làm cơ sở cho mọi quyết định đầu tư, trong đó lĩnh vực bất động sản tiếp tục được xem xét là một trong những hướng đi chiến lược trong dài hạn khi hội tụ đủ các yếu tố thuận lợi về thị trường và chính sách.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty tại 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

CHI NHÁNH | **CỬA HÀNG**

+ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận:**
+ **Địa chỉ**: Số 03 Nguyễn Du, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
+ **Điện thoại:** +84 2523 816 823 - Fax: +84 2523 814 599
+ **Website:** http://bitagco.com
+ **Email:** dvnnbinhthuan@gmail.com

+ **Công ty con**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty không có công ty con.

+ **Các chi nhánh**

Các Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận và hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm 8 chi nhánh:

- Chi nhánh kinh doanh Vật tư nông nghiệp I
- Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp II
- Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp III
- Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp IV
- Chi nhánh tại Tỉnh Ninh Thuận
- Chi nhánh tại Phú Yên, Chi nhánh tại Tỉnh Bình Định
- Chi nhánh tại tỉnh Long An

và 5 cửa hàng xăng dầu :

- Cửa hàng xăng dầu số 9
- Cửa hàng xăng dầu Ngã Ba Gộp
- Cửa hàng xăng dầu Thuận Hòa
- Cửa hàng xăng dầu Km29
- Cửa hàng xăng dầu Thắng Hải

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

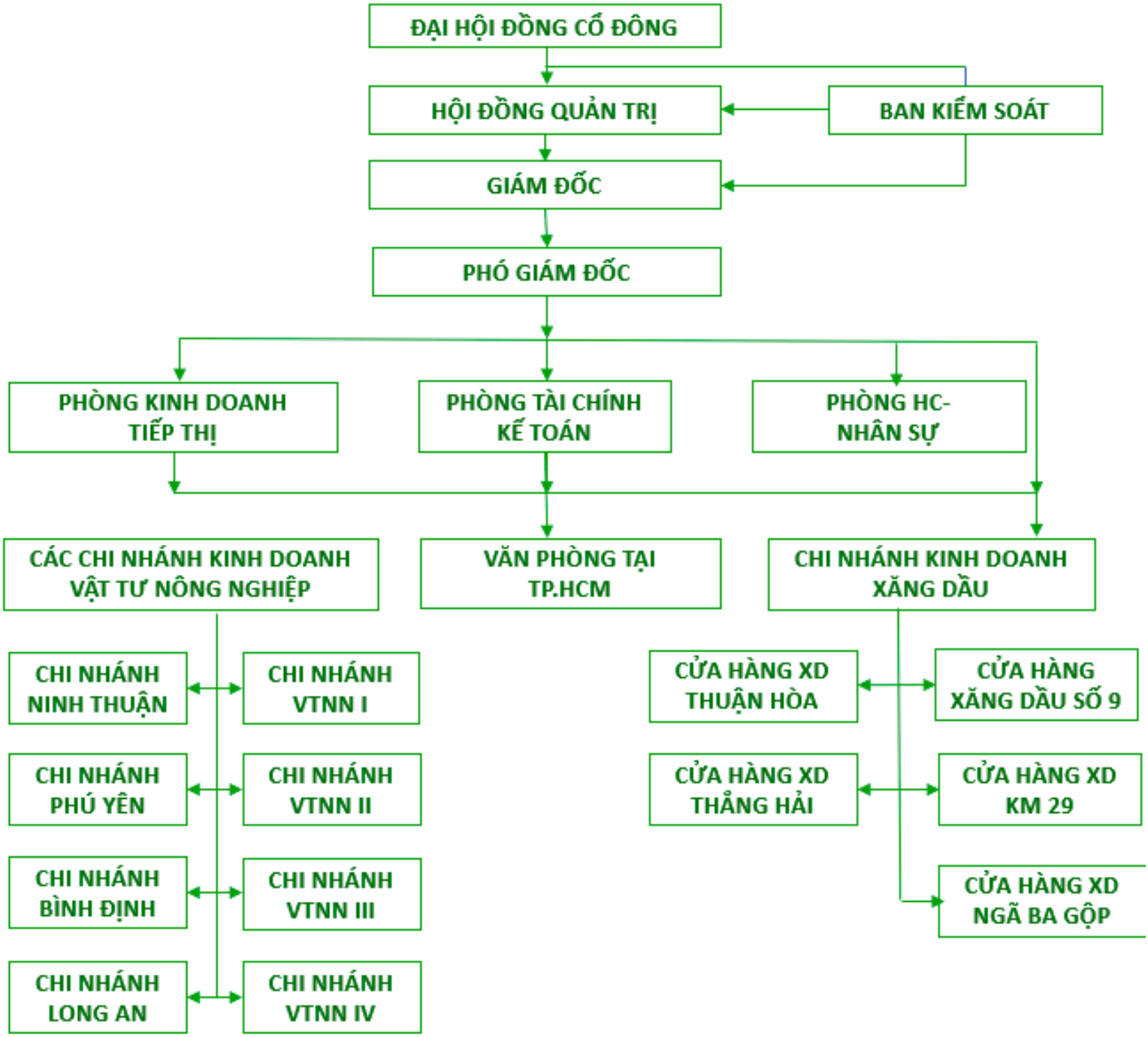

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên Hội đồng quản trị;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Loại thành viên
1	Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Bà Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Độc lập
3	Bà Bùi Thị Hà Lâm	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông Đỗ Viết Hà	Thành viên HĐQT	Điều hành
5	Bà Vũ Thị Hải	Thành viên HĐQT (Có đơn từ nhiệm ngày 04/10/2024)	Độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Mai Thị Thanh Hải	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Đoàn Đình Chiến	Thành viên ban kiểm soát
3	Ông Phạm Văn Hiền	Thành viên ban kiểm soát

BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Bá Mai Anh Vũ	Giám đốc
2	Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc
3	Ông Trần Duy Toàn	Phó Giám đốc

Ghi chú: Tại thời điểm ngày 14/03/2025 đến nay, Ông Đỗ Viết Hà nắm giữ chức vụ Giám đốc của Công ty.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Là Phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán – Tín dụng của Công ty ; Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, bao gồm : Kế toán trưởng, Phó phòng phụ trách tổng hợp, Nhân viên kế toán hàng hóa, Nhân viên kế toán thanh toán – ngân hàng, Nhân viên thủ quỹ, Nhân viên kế toán xăng dầu.

PHÒNG KINH DOANH TIẾP THỊ

Là đơn vị nghiệp vụ chuyên môn thuộc cơ cấu tổ chức Công ty đặt dưới sự chỉ đạo của Giám đốc và sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Giám đốc điều hành. Phòng kinh doanh tiếp thị bao gồm : Trưởng phòng kinh doanh, Phó phòng kinh doanh, Trưởng chi nhánh, Nhân viên thị trường, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên quảng bá thương hiệu, Nhân viên giao nhận, Nhân viên thống kê tổng hợp theo dõi tình hình mua bán-công nợ, Nhân viên thủ kho, Nhân viên lái xe.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Là Phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác tổ chức, hành chính, quản trị nhân sự và hậu cần phục vụ hoạt động SXKD của Công ty; đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách lao động – tiền lương, công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự. Phòng Hành chính - Nhân sự bao gồm: Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự, Nhân viên hành chính – văn thư – lao động tiền lương, Nhân viên bảo vệ – tạp vụ, Nhân viên lái xe con.

CHI NHÁNH XĂNG DẦU

Bao gồm: Phó phòng kinh doanh phụ trách xăng dầu ; Kế toán xăng dầu ; 05 cửa hàng xăng dầu : Cửa hàng xăng dầu số 9 ; Cửa hàng xăng dầu Ngã Ba Gộp ; Cửa hàng xăng dầu Km29 ; Cửa hàng xăng dầu Thuận Hòa ; Cửa hàng xăng dầu Thắng Hải.

Chức năng và nhiệm vụ của Chi nhánh xăng dầu :

- Chi nhánh kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể hàng năm, quý, tháng từng mặt hàng phù hợp với yêu cầu kinh doanh;
- Tổ chức mạng lưới đại lý, khách hàng bán lẻ và bán buôn theo cơ chế thị trường;
-Chủ động nắm bắt các nguồn hàng, tổ chức tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản đúng theo quy định của Công ty. Theo dõi quản lý hệ thống Cửa hàng, đại lý, đáp ứng hàng hóa kịp thời, đối chiếu tiền hàng, công nợ và tích cực thu hồi vốn đúng theo quy định của Công ty. Không để Đại lý, khách hàng chiếm dụng vốn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả của đơn vị;
- Chịu trách nhiệm tổ chức mở sổ sách theo dõi, báo cáo theo quy định của Phòng Tài Chính – Kế Toán, Phòng Kinh doanh Tiếp thị;
- Tổ chức bảo vệ an toàn nhà cửa, kho hàng, tiền, hàng hóa vật tư, tài sản không để xảy ra mất mát, cháy nổ.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT TÍNH ĐẾN 31/12/2024

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty không có Công ty con và không có Công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Về định hướng phát triển kinh doanh

Với sứ mệnh phân phối các sản phẩm phân bón và xăng dầu có nguồn gốc đáng tin cậy, ổn định, kịp thời với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước, Công ty định hướng cải thiện hoạt động bằng mua, cải thiện các phương tiện vận tải, nhà kho, điều kiện lưu trữ, trưng bày và buôn bán sản phẩm.

Trong bối cảnh năm 2024 hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cả yếu tố nội tại và các biến động kinh tế vĩ mô, ABS thận trọng rà soát lại danh mục đầu tư, trong đó đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi các dự án bất động sản không còn phù hợp. Công ty hiện tạm thời dừng triển khai các dự án bất động sản mới, nhằm tập trung nguồn lực tái cấu trúc hoạt động và tìm kiếm các cơ hội đầu tư thực sự tiềm năng, bền vững và có khả năng tạo giá trị gia tăng cao trong tương lai.

ABS định hướng tiếp tục phát triển ổn định trên nền tảng kinh doanh cốt lõi, đồng thời từng bước mở rộng lĩnh vực hoạt động một cách chọn lọc, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, chính sách của Nhà nước và nhu cầu thực tế của thị trường.

Mục tiêu về thị trường

Với thương hiệu và uy tín hiện tại, công ty chỉ phân phối các sản phẩm phân bón và xăng dầu có nguồn gốc tin cậy, chất lượng cao và ổn định với giá cả hợp lý, thân thiện với môi trường.

Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, luôn bám sát thay đổi cung cầu của thị trường để điều chỉnh cho phù hợp và kịp thời.

Củng cố hệ thống khách hàng hơn 500 đại lý phân phối trải dài từ miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện có, không ngừng tìm kiếm, phát triển thị trường mới.

Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực bất động sản, tận dụng các đòn bẩy kinh doanh và tài chính nhằm tăng doanh thu của công ty

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu Tuân thủ pháp luật

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty

Mục tiêu Quản lý, công tác tổ chức

Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Hoàn thiện hệ thống quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng, cải thiện chính sách nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.

Đào tạo các đội ngũ liên kết, hướng dẫn bán hàng tại các đại lý, lập kế hoạch kinh doanh rõ ràng, đánh giá đúng về tiềm lực và định hướng phát triển của công ty trong sự phát triển chung của thị trường.

Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

Mục tiêu Phát triển nguồn nhân lực

Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

Mục tiêu về lợi nhuận

- Đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và đủ sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư mới;
- Đảm bảo kế hoạch Hội đồng quản trị đặt ra và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong giai đoạn trung và dài hạn, ABS xác định rõ định hướng phát triển trở thành một doanh nghiệp đa ngành, hoạt động hiệu quả và bền vững, trên cơ sở phát huy thế mạnh sẵn có, đồng thời chủ động nắm bắt cơ hội mới từ thị trường. Cụ thể:

- Củng cố và phát triển các ngành nghề truyền thống, đặc biệt là kinh doanh phân bón và xăng dầu – những lĩnh vực đã tạo dựng nền tảng vững chắc cho Công ty trong nhiều năm qua. ABS tiếp tục tối ưu hoá chuỗi cung ứng, mở rộng mạng lưới phân phối và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, hướng đến thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.
- Đẩy mạnh chiến lược mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất phân bón, nhằm chủ động nguồn cung, kiểm soát chất lượng và chi phí, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Thận trọng tìm kiếm các cơ hội trong lĩnh thông qua hình thức hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác uy tín và phù hợp.

ABS sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư chọn lọc, linh hoạt, tập trung vào hiệu quả và kiểm soát rủi ro, từng bước khẳng định vị thế là doanh nghiệp đa ngành năng động, có năng lực thích ứng cao với những biến động của thị trường.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

ABS luôn định hướng phát triển doanh nghiệp một cách hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Trong ngắn hạn và trung hạn, Công ty xác định các mục tiêu phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển dài hạn.

Trọng tâm trong giai đoạn tới bao gồm:

- Tăng trưởng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội: Phát triển doanh nghiệp vẫn là mục tiêu trọng yếu, bởi đây là điều kiện tiên quyết để Công ty có nguồn lực thực hiện các cam kết với người lao động, cộng đồng và các bên liên quan. ABS cam kết đảm bảo hài hòa lợi ích cổ đông, người lao động và xã hội, xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và gắn kết.
- Bảo vệ môi trường trong hoạt động vận hành: Công ty tiếp tục triển khai các chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, kiểm soát chất thải và giảm thiểu tác động đến môi trường. ABS hợp tác chặt chẽ với các đơn vị xử lý chất thải đạt chuẩn, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn bộ hệ thống nhân sự.
- Cân bằng lợi ích các bên trong hiện tại và tương lai: Thông qua việc xây dựng các chính sách điều hành linh hoạt, kiểm soát rủi ro tốt và thực hiện chiến lược tăng trưởng bền vững, ABS hướng tới việc gìn giữ và phát triển giá trị cho cổ đông, tạo niềm tin cho đối tác, khách hàng, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cộng đồng và nền kinh tế.

Thông qua các mục tiêu và chương trình hành động cụ thể, ABS khẳng định vai trò là một doanh nghiệp phát triển bền vững, có trách nhiệm và sẵn sàng thích ứng với những thách thức của thời đại.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là tốc độ tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ lạm phát và lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh phân bón và xăng dầu nên những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách vĩ mô của Chính phủ đều có tác động không nhỏ tới hoạt động của Công ty. Nền kinh tế có sự phục hồi, tăng trưởng hơn so với năm trước, nhu cầu tiêu dùng và sản xuất khởi sắc, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế nói chung, đặc biệt là hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Bước sang năm 2025, Việt Nam cũng phải đối mặt với áp lực lạm phát từ một số yếu tố. Hiện nay xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cùng với đó, hiện tượng thời tiết cực đoan tác động nghiêm trọng tới kinh tế - xã hội toàn cầu. Điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá các mặt hàng chiến lược trên thế giới, gây ra các rủi ro về an ninh năng lượng, an ninh lương thực. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, nên những thay đổi của thế giới sẽ có tác động rất nhanh đến kinh tế của Việt Nam. Vì vậy, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm bảo đảm nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

CÁC RỦI RO

RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một doanh nghiêp Việt Nam, các hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận luôn chịu sự điều chỉnh của pháp luật, các chính sách và quy định tại Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Đầu tư, pháp luật về thuế... Ngoài ra, Công ty được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, và các quy định pháp luật liên quan.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về thời tiết

Ngành sản xuất và kinh doanh phân bón có mối quan hệ mật thiết với hoạt động sản xuất Nông nghiệp. Việt Nam là quốc gia có khí hậu nhiệt đới gió mùa, là khu vực có rất nhiều yếu tố thuận lợi về khí hậu và thổ nhưỡng cho phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, khí hậu cũng thường xuyên thay đổi thất thường tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới ngành sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh nghiệp cũng từ đó chịu không ít các ảnh hưởng mà thời tiết mang lại, nhất là với một doanh nghiệp liên quan nhiều đến nông nghiệp như ABS.

Rủi ro từ nhà cung cấp các nguyên liệu đầu vào

Công ty ngoài là đại lý bán buôn các mặt hàng phân bón và xăng dầu thì còn thực hiện sản xuất phân bón. Bởi vậy, sự biến động giá và chính sách bán hàng của các nhà cung cấp nguyên vật liệu sản xuất cũng tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro về biến động giá xăng dầu trên thế giới

Trong năm 2024, giá xăng dầu đã trải qua nhiều biến động do ảnh hưởng của các yếu tố như: Nhu cầu dầu mỏ tăng khi các nền kinh tế lớn phục hồi sau đại dịch COVID-19, trong khi nguồn cung bị hạn chế do các quyết định cắt giảm sản lượng của OPEC+ và các quốc gia sản xuất lớn khác; Các xung đột và căng thẳng chính trị tại các khu vực quan trọng như Trung Đông và Đông Âu đã gây lo ngại về an ninh nguồn cung, dẫn đến sự biến động của giá dầu; Các chính sách chuyển đổi năng lượng và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo tại nhiều quốc gia đã ảnh hưởng đến nhu cầu và giá cả dầu mỏ.

Rủi ro về biến động giá bất động sản

Năm 2024, thị trường bất động sản Việt Nam có dấu hiệu phục hồi nhưng còn yếu, thanh khoản cải thiện chủ yếu ở phân khúc nhà ở thực, trong khi các dự án đầu tư vẫn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù Chính phủ đã có một số chính sách hỗ trợ như tháo gỡ pháp lý, giãn nợ, giảm lãi suất..., nhưng việc tiếp cận vốn vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, việc Công ty đã hoàn tất thanh lý các khoản đầu tư bất động sản trong năm 2024 giúp giảm thiểu rủi ro do biến động giá, tuy nhiên cũng cho thấy cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực này vẫn cần được cân nhắc kỹ lưỡng.

CÁC RỦI RO

RỦI RO GIÁ CỔ PHIẾU

Hiện tại cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như : tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng. Trong thực tế thì những rủi ro này rất ít gặp nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, bên cạnh việc trang bị các thiết bị lao động, phòng cháy chữa cháy Công ty còn luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cho nhân viên.

Phần 2:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2 Tổ chức và nhân sự

3 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

4 Tình hình tài chính

5 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6 Báo cáo các hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội trong công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả

Do các yếu tố bất lợi ngoại cảnh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 tương đối khiêm tốn. Doanh thu thuần của Công ty giảm mạnh khoảng 61,36% so với cùng kỳ năm ngoái, do đó, chưa đạt kế hoạch đề ra là 800.000 tỷ đồng. Đồng thời, lợi nhuận thuần cũng giảm khoảng 50,36%, kéo theo đó lợi nhuận sau thuế thực hiện được giảm mạnh xuống còn khoảng 2,43 tỷ đồng, thực hiện được khoảng 16,2% só với kế hoạch đề ra.

Những thay đổi, biến động lớn

Mảng Phân bón: Lĩnh vực phân bón, do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết, giá nông sản thấp và không có sự ổn định, nông dân giảm diện tích cây trồng giảm đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón của bà con nông dân giảm. Các hàng hóa phân bón nhập khẩu từ nước ngoài cạnh tranh trực tiếp về giá so với hàng hóa trong nước, đặc biệt là hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Vì vậy, để đảm bảo thị phần kinh doanh, Công ty phải chia sẻ lợi nhuận cho hệ thống phân phối cấp 2 để giữ vững thị phần phân phối truyền thống. Trong năm Công ty ghi nhận 293 tỷ đồng doanh thu cho mảng phân bón, giảm 66.6% so với năm 2023.

Mảng xăng dầu: Doanh thu mảng xăng dầu đạt khoảng 103 tỷ đồng, giảm 29.5% so với năm 2023. Nguyên nhân do ảnh hưởng xung đột Nga – Ukraine, Israel – Hamas ngày càng nghiêm trọng dẫn đến suy thoái kinh tế nặng nề hơn, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu có hiệu quả thấp hơn so với các năm trước so chiết khấu xăng dầu chung ở mức thấp, có nhiều thời điểm chiết khấu gần như bằng 0đ/lít và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu cũng không cao so với các năm trước. Đồng thời doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gặp phải những bất cập về chính sách, nhất là chính sách hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, chính sách này yêu cầu doanh nghiệp phải đảm bảo lượng xăng dầu tối thiểu dù một số doanh nghiệp nguồn cung dồi dào và đang tồn kho. Điều này dẫn đến việc lợi nhuận bị giảm đi.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 1: Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		
	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện
1. Doanh thu thuần	800.000	396.141	49.5%
2. Lợi nhuận trước thuế	25.000	9.143	36.6%
3. Lợi nhuận sau thuế	15.000	2.435	16.2%

Nguyên nhân

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi của môi trường vĩ mô và ngành nghề:

- **Ngành phân bón:** Trong bối cảnh dân số nông nghiệp chiếm hơn 50%, nhu cầu phân bón tại Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, năm 2024 ngành phân bón đối diện nhiều thách thức: kinh tế suy thoái khiến người dân cắt giảm sản xuất nông nghiệp, chính sách quản lý còn bất cập, và tác động từ xung đột quốc tế cùng giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh.
- **Giá dầu:** Giá dầu năm 2024 có xu hướng giảm, kết thúc năm ở mức khoảng 70 USD/thùng, thấp hơn so với hơn 80 USD/thùng vào tháng 7/2024, do nhu cầu toàn cầu chậm lại và nguồn cung tăng từ OPEC+. Tuy vậy, giá dầu vẫn tiềm ẩn rủi ro tăng trở lại trong 2025 bởi yếu tố địa chính trị, triển vọng kinh tế toàn cầu và chính sách tài khóa – tiền tệ. Ở Việt Nam, giá dầu tăng làm gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến hoạt động các doanh nghiệp và nguy cơ lạm phát, đặc biệt khi thuế bảo vệ môi trường có thể quay về mức trần trong 2025.
- **Thị trường bất động sản:** Thị trường bất động sản năm 2024 có dấu hiệu phục hồi nhưng ở mức khiêm tốn. Tổng lượng sản phẩm chào bán tăng hơn 40% so với năm 2023, tuy nhiên chỉ đạt khoảng 7% so với thời điểm trước đại dịch. Thanh khoản tập trung vào các sản phẩm có pháp lý rõ ràng, phục vụ nhu cầu thực. Do bất động sản không phải là ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và Công ty đang tìm kiếm cơ hội đầu tư mới, dẫn đến không ghi nhận doanh thu từ mảng này trong năm nay.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban điều hành của Công ty tại thời điểm 31/12/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Ghi chú
1	Ông Trần Bá Mai Anh Vũ	Giám đốc	0 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 12/12/2024
2	Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc	272 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 04/12/2021
3	Ông Trần Duy Toàn	Phó Giám đốc	250 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 16/12/2024
4	Ông Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng	62.250 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 05/03/2010

Ông Trần Bá Mai Anh Vũ – Giám đốc
Ông Vũ là cử nhân kinh tế. Ông được bổ nhiệm Giám đốc của Công ty từ ngày 12/12/2024 đến thời điểm hiện tại. Ông có nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí lãnh đạo tại các công ty lớn.

Ông Đỗ Viết Hà – Phó Giám đốc
Ông Hà là cử nhân thương mại tốt nghiệp trường RMIT. Ông Hà là cử nhân kinh tế. Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc của Công ty từ ngày 04/12/2021 đến thời điểm hiện tại. Ông có nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí tại các công ty lớn.

Ông Trần Duy Toàn – Phó Giám đốc
Ông Toàn là cử nhân kế toán. Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc của Công ty từ ngày 16/12/2024 đến thời điểm hiện tại. Ông có nhiều năm kinh nghiệm ở lĩnh vực kinh doanh phân bón tại các công ty lớn

Ông Nguyễn Văn Thủy – Kế toán trưởng
Ông Thủy là cử nhân kinh tế, tốt nghiệp trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Ông làm kế toán cho Công ty từ khi Công ty còn là Công ty 100% vốn nhà nước, đến nay Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm về kế toán tài chính.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2024

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	40	
Phân loại theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	14	35%
Trình độ Cao đẳng	4	10%
Trình độ Trung cấp	4	10
Chứng chỉ nghề	16	40%
Lao động phổ thông	2	5%
Phân theo loại hợp đồng lao động		
Hợp đồng lao động không thời hạn	27	67.5%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	8	20%
Hợp đồng thời vụ	5	12.5%
Phân theo giới tính		
Nam	30	75%
Nữ	10	25%

Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- **Công tác tuyển dụng:** Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty. Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường đồng thời đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nội bộ vẫn là trọng tâm của công ty trong năm 2024.
- **Công tác lương thưởng:** Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt, tuân thủ quy chế tiền lương của công ty cũng như các quy định của pháp luật. Tất cả nhân viên làm việc được hưởng lương theo đúng chức danh công việc đảm nhận, và đảm bảo đúng với năng lực làm việc. Công ty tiếp tục hoàn thiện quy chế lương thưởng để tăng sự gắn kết của nhân viên.
- **Chính sách đãi ngộ, phúc lợi:** Bên cạnh việc tuân thủ đúng các chế độ lương thưởng đã đăng ký với cơ quan chính quyền và cam kết với người lao động, Công ty còn xây dựng và thực hiện rất nhiều các chế đội đãi ngộ, phúc lợi khác để động viên nhân viên cũng như ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể: Ngoài chương trình bảo hiểm y tế bắt buộc theo luật bảo hiểm xã hội (BHXH); nhân viên được trợ cấp, tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, khen thưởng con em học giỏi và có thành tích xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tất niên, nghỉ mát, chế độ hưu trí, đào tạo nhân viên, duy trì các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội đoàn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City giai đoạn 2 đã thanh lý thu hồi về 132,66 tỷ và Công ty cũng lên kế hoạch sẽ thu hồi hết số còn lại trong năm 2025 là 299,36 tỷ.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đến ngày 31/12/2024, Công ty không có các khoản đầu tư lớn.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Đến ngày 31/12/2024, Công ty không có Công ty con.

Công ty liên kết: Đến ngày 31/12/2024, Công ty không có Công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính công ty giai đoạn 2023-2024

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2023	2024	% thay đổi
1. Tổng giá trị tài sản	1.579.205.344.498	1.001.585.159.558	-36,58%
2. Vốn chủ sở hữu	913.963.226.279	916.398.614.358	0,27%
3. Doanh thu thuần	1.025.222.515.712	396.140.857.414	-61,36%
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	22.720.953.375	11.278.970.016	-50,36%
5. Lợi nhuận khác	-487.806.475	-2.136.420.143	-337,96%
6. Lợi nhuận trước thuế	22.233.146.900	9.142.549.873	-58,88%
7. Lợi nhuận sau thuế	8.287.009.671	2.435.388.079	-70,61%
8. Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến)	-	-	N/A

Tổng tài sản của Bitagco tại thời điểm cuối năm 2024 đạt 1.002 tỷ đồng, giảm 36,58% so với năm 2023. Lũy kế cả năm, Công ty ghi nhận doanh thu thuần 396.141 tỷ đồng, giảm 61,36% so với cùng kỳ, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 50,36%, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 2.435 tỷ đồng, giảm 70,61% so với năm trước.

So với kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, Công ty chưa hoàn thành mục tiêu khi tỷ lệ thực hiện lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 16,2% so với kế hoạch đề ra (15 tỷ đồng).

Kết quả kinh doanh năm 2024 sụt giảm do nhiều yếu tố bất lợi, trong đó tác động của thời tiết, nhu cầu tiêu thụ giảm và sự biến động thất thường của thị trường là những nguyên nhân chính. Trong lĩnh vực phân bón, điều kiện thời tiết không thuận lợi, giá nông sản duy trì ở mức thấp và thiếu ổn định khiến nông dân thu hẹp diện tích canh tác, giảm đầu tư, dẫn đến nhu cầu phân bón suy giảm đáng kể. Đồng thời, sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu, đặc biệt là phân bón từ Trung Quốc với mức giá cạnh tranh, buộc Công ty phải gia tăng chính sách hỗ trợ hệ thống phân phối cấp 2 nhằm duy trì thị phần trong kênh phân phối truyền thống.

Bên cạnh đó, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu cũng chịu tác động tiêu cực từ suy thoái kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của xung đột Nga - Ukraine và cuộc khủng hoảng tại Trung Đông. Tình trạng chiết khấu gần như bằng 0 đồng/lít, cùng với nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước sụt giảm, đã khiến hiệu quả kinh doanh của mảng này thấp hơn đáng kể so với các năm trước. Điều này tiếp tục gây áp lực lên tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2024.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,69	11,20
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)	Lần	1,68	11,18
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,13%	8,51%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72,79%	9,30%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	222,23	139,13
Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho BQ			
Vòng quay Tổng tài sản:	Lần	0,63	0,31
Doanh thu thuần			
Tổng tài sản BQ			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,81%	0,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	0,91%	0,27%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	0,51%	0,19%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,22%	2,85%
Thu nhập trên vốn cổ phần EPS	Đồng/CP	104	30

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty: Hệ số này phản ánh khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Năm 2024 hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty cao so với năm ngoái (2023 là 1,69 trong khi đó 2024 là 11,2). Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản nợ ngắn hạn của Công ty được giảm đáng kể, đặc biệt là khoản Vay và nợ thuê tài chỉnh ngắn hạn, dẫn đến chỉ tiêu này tăng cao. Điều này cho thấy khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đang được đảm bảo.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty tăng từ 1,68 lần vào năm 2023 lên 11,18 lần vào năm 2024. Nguyên nhân do giá trị Hàng tồn kho giảm một nửa so với năm 2023 và khoản Vay và nợ thuê tài chỉnh ngắn hạn trong cơ cấu Nợ ngắn hạn của Công ty giảm trong năm 2024.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong hai năm gần đây, giá trị các khoản nợ của Công ty giảm mạnh. Vòng quay Hàng tồn kho và Vòng quay Tổng tài sản của Công ty lần lượt giảm từ 42,13% xuống 8,51% và từ 72,79% xuống 9,30% vào năm 2024. Tỷ lệ đòn bẩy giảm và đạt ở mức thấp.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2024, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm gần một nửa so với năm 2023, từ 222,23 lần xuống còn 139,13 lần. Nguyên nhân là do tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn, giá vốn hàng bán và hàng tồn kho của Công ty giảm mạnh trong năm 2024. Vòng quay Tổng tài sản của Công ty cũng giảm từ 0,63 lần xuống 0,31 lần. Nhìn chung, chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có sụt giảm tuy nhiên không ở mức quá thấp, không ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời năm 2024 cũng ghi nhận giảm đáng kể do tác động tiêu cực từ các yếu tô vĩ mô, giá vốn hàng bán cao và tình hình kinh doanh tương đối khó khăn của Công ty, khiến hiệu suất sinh lời của Công ty bị ảnh hưởng. ROA của Công ty giảm từ 1,38% xuống còn 0,51% ROE của Công ty giảm từ 0,91% xuống còn 0,27%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Tổng số cổ phần tại thời điểm 31/12/2023: 80.000.000 cổ phiếu
- Trong đó:
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng : 80.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của công ty tại thời điểm 31/12/2024

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**8.185**	**79.998.733**	**99.99%**
1	Tổ chức	11	397.684	0.498%
2	Cá nhân	8.174	79.601.049	99.5
3	Cổ đông ưu đãi	0		
II	**Cổ đông nước ngoài**	**4**	**1.267**	**0.0015%**
1	Tổ chức	1	5	
2	Cá nhân	3	1.262	0.0015%
3	Cổ đông ưu đãi	0		
III	**Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**			
IV	**Cổ đông Nhà nước**			
	Tổng		**80.000.000**	**100%**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2024

TT	Tên	Địa chỉ	Số CCCD/ Hộ chiếu, Nơi cấp, Ngày cấp	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Mười			10.000.000	12.5%

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**
  Không có

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**
  Không có

- **Các chứng khoán khác:**
  Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESG) CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp : Không có

- Tất cả các nguồn thải (nước thải, khí thải) đều được xử lý và đáp ứng tiêu chuẩn ISO14001:2015 trước khi xả thải ra môi trường. Chất thải rắn, chất thải nguy hại đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư, Nghị định hiện hành.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Đầu tư máy móc mới, thiết bị hiện đại, đúng chuẩn, luôn chú ý đến việc tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu khí thải, giảm thiểu tiếng ồn trong các dự án, cách âm, giảm thiểu thải khói, mùi, khí ô nhiễm ra xung quanh....;
- Phát huy Đề án bảo vệ môi trường trong quản lý các công trình Bất động sản;
- Kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường;
- Luôn cùng các nhà thầu xây dựng nội quy, quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình;
- Cùng nhà thầu xem xét thực hiện các giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công an toàn cao, bảo vệ môi trường trong thi công;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng của nhà thầu. Phối hợp với nhà thầu xử lý, khắc phục khi có bất kỳ sự việc nào không phù hợp.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESG) CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Năm 2024 là năm khó khăn về nguồn nguyên vật liệu sản xuất nên Công ty chủ trương kinh doanh chủ yếu các sản phẩm thượng mại từ các đơn vị sản xuất..

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận chủ yếu là phân bón, xăng dầu và đầu tư bất động sản. Do đó nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào của Công ty chủ yếu là đạm Urê, kali trắng và một số nguyên vật liệu phụ trợ khác. Do đó, Công ty không có thu hồi và tái chế các sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu luôn được Công ty quan tâm thực hiện và chỉ đạo sát sao:

- Thực hiện thu hồi giá trị sau xử lý của chất thải, các phế phẩm có khả năng tận thu, tái chế;
- Luôn luôn cập nhật và kiện toàn thủ tục quản lý về môi trường tại Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Sử dụng trực tiếp nguồn cấp điện của địa phương với công suất phù hợp. Tiêu thụ điện trong năm của Công ty khoảng hơn 70.000 kWh.

Công ty đã ban hành quy chế định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và năng lượng trên mỗi đơn vị sản phẩm nhằm kiểm soát, đồng thời xây dựng và khuyến khích người lao động sáng kiến, áp dụng vào sản xuất với mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phối hợp với các phòng ban trong công ty tổ chức tuyên truyền tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Đề xuất bổ sung quy chế khen thưởng khích lệ người lao động, cán bộ nhân viên tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Lắp đặt các thiết bị máy móc tiết kiệm năng lượng.
- Lắp đặt hệ thống đèn điện năng lượng mặt trời tại các cửa hàng sử dụng năng lượng điện thường xuyên trong kinh doanh.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 của Công ty là khoảng 2.500. m3 nước. Sử dụng các nguồn cấp nước sạch tại các nhà máy cung cấp nước của địa phương với lưu lượng phù hợp với từng dự án cụ thể.
- Ứng dụng các thiết bị điện tử kiểm soát lượng nước tiêu thụ nhằm phát hiện sớm các thất thoát, sự cố để khắc phục kịp thời – tránh thất thoát trong quá trình sử dụng nước.
- Trong thiết kế kỹ thuật, sử dụng các loại vòi cảm ứng, vòi có chế độ trộn khí trong quá trình xả, bồn cầu 2 chế độ xả, máy giặt tự động với công suất lớn... để tiết kiệm nước một cách tốt nhất.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 của Công ty là khoảng 2.500. m3 nước. Sử dụng các nguồn cấp nước sạch tại các nhà máy cung cấp nước của địa phương với lưu lượng phù hợp với từng dự án cụ thể.
Ứng dụng các thiết bị điện tử kiểm soát lượng nước tiêu thụ nhằm phát hiện sớm các thất thoát, sự cố để khắc phục kịp thời – tránh thất thoát trong quá trình sử dụng nước.
Trong thiết kế kỹ thuật, sử dụng các loại vòi cảm ứng, vòi có chế độ trộn khí trong quá trình xả, bồn cầu 2 chế độ xả, máy giặt tự động với công suất lớn... để tiết kiệm nước một cách tốt nhất.

Xử lý rác nội bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn xử lý chất thải rắn hoặc Công ty có hợp đồng với chính quyền địa phương/công ty xử lý rác công cộng

- Công ty có hợp đồng với chính quyền địa phương xử lý rác thải nội bộ bên cạnh đó Công ty cũng có hợp đồng với 1 đơn vị chuyên thu gom chất thải rắn chất thại độc hại và luôn có kế hoặc tạp kết thu gom tại các cửa hàng đơn vị trực thuộc Công ty.
- Công ty không có hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước do Công ty không tạo ra nước thải phải xử lý theo quy định

Chính sách liên quan đến người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến 31/12/2024 số lượng lao động làm việc tại công ty là 40 người, mức lương trung bình đối với người lao động như sau:

Lương bình quân của Công ty giai đoạn 2023- 2024

Năm	2023	2024
Lương bình quân (đồng/ tháng	10.734.000	11.110.000

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành

Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 40h/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cho người lao động tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ PCCC, an toàn lao động, Bảo vệ môi trường, Nghiệp vụ bán hang,...

Lao động của Công ty đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tặng quà Tết Trung thu cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn xã La Dạ

Ngày 13/09/2024 Chi đoàn Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, chi đoàn Chi cục Thuỷ sản trực thuộc Đoàn cơ sở Sở Nông nghiệp và PTNT cùng Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận phối hợp với Xã đoàn La Dạ tổ chức tặng quà Tết Trung thu cho các em thiếu nhi xã La Dạ.

Tại chương trình, 140 em thiếu nhi học sinh có hoàn cảnh khó khăn của xã đã được nhận những phần quà trung thu đầy ý nghĩa, mỗi phần quà trị giá 180.000 đồng gồm: Lồng đèn, bánh trung thu, snack, kẹo, sữa, bút sáp màu và truyện tranh màu

Tổ chức tuyên truyền Pháp luật với chủ đề phòng, chống tệ nạn ma tuý và bạo lực trong học đường cho các em học sinh Trường THCS Phan Thanh

Ngày 09/11/2024 kết hợp cùng với Đoàn thanh niên Công an tỉnh Bình Thuận, Công ty đã tổ chức chương trình "Tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy và bạo lực học đường; Trao học bổng cho các em học sinh hiếu học" cho các em học sinh Trường THCS Phan Thanh nhằm góp phần phổ cập kiến thức và giúp các em học sinh hiểu rõ hơn về tác hại của ma tuý, bạo lực học đường. Đồng thời, Đoàn trao 20 suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn hiếu học nhằm giúp cho các em có thêm động lực và cơ sở để phát triển và học tập, trao kinh phí hỗ trợ cho 02 em thanh, thiếu nhi yếu thế tại địa phương, trong đó có em học sinh bị bệnh tan máu bẩm sinh đang điều trị tại Bệnh viện Truyền máu Trung ương, tặng 100 phần quà cho các em thiếu nhi là người đồng bào dân tộc Chăm tại xã Phan Thanh.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Thăm, tặng quà các Chức sắc Tôn giáo

Ngoài ra, Công ty đã kết hợp với Đoàn thanh niên Công an tỉnh Bình Thuận thăm, tặng quà các Chức sắc Tôn giáo Chăm Bà Ni tại xã Phan Thanh nhằm phối hợp vận động quần chúng tích cực tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm và đoàn kết xây dựng cộng đồng người Chăm ngày càng phát triển, vững mạnh

Trao học bổng cho các em trường THCS Hà Huy Tập

Trao học bổng cho các em trường tiểu học Lạc Đạo.

Sáng ngày 25/11/2024 Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận kết hợp cùng Đoàn thanh niên phường Lạc Đạo, TP.Phan Thiết đã tổ chức chương trình trao tặng 20 suất học bổng cho học sinh hiếu học có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Phường Lạc Đạo.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESG) CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Đối với lĩnh vực chứng khoán, thị trường vốn đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế Việt Nam theo hướng xanh. Nhận thấy tầm quan trọng của thị trường vốn xanh trong phát triển cộng đồng, Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu thị trường vốn xanh. Việc tiếp tục đưa ra những lộ trình tăng trưởng thị trường vốn xanh bao gồm các bước:

- Thiết lập kế hoạch tăng trưởng xanh: Trong đó, xác định mục tiêu phát triển và tăng trưởng; Xác định và kiểm tra kế hoạch tăng trưởng xanh hiện tại (nếu có); Đánh giá các điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường, chính trị, thể chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý và các tác động đối với tăng trưởng xanh.
- Đánh giá theo ngành: Đánh giá tiềm năng/nhu cầu theo ngành về tăng trưởng xanh để hoàn thành các mục tiêu kinh tế và phát triển; Ưu tiên đầu tư theo ngành; Đánh giá hệ quả các ngành ưu tiên.
- Chuẩn bị chính sách: Xác định các tiêu chuẩn và yêu cầu về sinh thái; Xác định các BC chứng nhận và các phương pháp xác minh; Ngành công nghiệp; Khu vực sinh thái (như nước, chất thải nông nghiệp...); Xác định hình phạt đối với việc không tuân thủ.
- Cấp vốn: Cung cấp các phương án cấp vốn; Đánh giá thuế; Phân bổ giữa khu vực tư nhân và khu vực công.
- Thực hiện chính sách: Triển khai thực hiện một cách thực tế và hiệu quả

Chương 3:
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2 Tình hình tài chính

3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4 Kế hoạch trong tương lai

5 Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Luỹ kế trong năm 2024, BITAGCO ghi nhận doanh thu đạt 396 tỷ đồng, giảm 61,4% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 2.435 tỷ đồng, giảm 70.6% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2024, BITAGCO đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc năm tài chính 2024 với lợi nhuận đạt 2,435 tỷ đồng, Công ty không hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban điều hành, tỷ lệ hoàn thành chỉ là 16.2% so với kế hoạch lợi nhuận năm.

Kết quả kinh doanh năm 2024 sụt giảm do thời tiết bất lợi, nhu cầu tiêu thụ giảm và biến động thị trường. Mảng phân bón chịu ảnh hưởng từ giá nông sản thấp, diện tích canh tác thu hẹp và cạnh tranh gay gắt từ hàng nhập khẩu giá rẻ. Trong khi đó, mảng xăng dầu cũng ghi nhận hiệu quả kinh doanh thấp do nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm, chiết khấu bằng 0 đồng/lít và ảnh hưởng từ các bất ổn kinh tế - chính trị toàn cầu. Những yếu tố này đã khiến Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như đã đề ra.

Ban Giám đốc Công ty nhận thức rõ trách nhiệm trước cổ đông và Hội đồng quản trị về việc không đạt mục tiêu kinh doanh. Trong bối cảnh nhiều yếu tố khách quan bất lợi, Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành linh hoạt, chủ động ứng phó và thực hiện nhiều giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cũng nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá lại những điểm còn hạn chế trong công tác dự báo, quản trị rủi ro và điều hành, từ đó cam kết sẽ triển khai các biện pháp cải tiến toàn diện để nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.

Dù đối mặt với nhiều thách thức, Công ty vẫn đạt được một số kết quả tích cực trong năm 2024. Công tác rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, nội quy được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ. Cơ cấu tổ chức, lực lượng lao động được sắp xếp lại hợp lý hơn, tối ưu hiệu suất vận hành. Công ty cũng chú trọng kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời duy trì tốt hoạt động hợp tác với các đối tác cung ứng xăng dầu và phân bón, đảm bảo nguồn hàng ổn định. Trong lĩnh vực đầu tư, Công ty tiếp tục theo dõi sát sao các dự án bất động sản và chuẩn bị nền tảng cho chiến lược tăng trưởng dài hạn.

Vì vậy, bước sang năm 2025, Công ty vẫn tiếp tục xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phát triển 2 ngành kinh doanh truyền thống là kinh doanh phân bón và kinh doanh xăng dầu đồng thời tiếp tục phát triển hợp tác vào các dự án bất động sản; nghiên cứu các khu đất hiện có của Công ty, song song với đó tiếp tục chú trọng đầu tư với mục tiêu nhất định sẽ có doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc so với năm 2024

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công Ty

	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**1.121.657.277.969**	**946.361.155.745**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**1.778.084.645**	**118.574.547**
1.	Tiền	1.778.084.645	118.574.547
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**1.046.000**	**1.118.372**
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**1.115.689.147.876**	**944.124.675.556**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	910.328.715.037	640.110.438.751
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.277.474.129	12.499.753.859
3.	Phải thu ngắn hạn khác	244.102.104.115	312.980.815.284
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 46.098.448.231	- 21.545.862.614
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	79.302.826	79.530.276
IV.	**Hàng tồn kho**	**3.740.672.972**	**1.867.060.502**
1.	Hàng tồn kho	3.791.702.872	1.925.484.152
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- 51.029.900	58.423.650
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**448.326.476**	**249.726.768**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	128.492.025	236.063.362
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	319.834.451	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**457.548.066.529**	**55.224.003.813**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**357.025.000.000**	**-**
1.	Phải thu dài hạn khác	357.025.000.000	-
II.	**Tài sản cố định**	**13.837.320.862**	**9.757.154.050**
1.	Tài sản cố định hữu hình	5.673.620.537	5.064.778.436
-	Nguyên giá	13.195.636.395	13.195.636.395
-	Giá trị hao mòn lũy kế	- 7.522.015.858	- 8.130.857.959
2.	Tài sản cố định vô hình	8.163.700.325	4.692.375.614
-	Nguyên giá	11.811.046.164	7.293.504.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	- 3.647.345.839	- 2.601.128.386
III.	**Bất động sản đầu tư**	**18.473.717.181**	**18.473.717.181**
-	Nguyên giá	18.473.717.181	18.473.717.181
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**68.000.000.000**	**23.000.000.000**
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	68.000.000.000	23.000.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**212.028.486**	**3.993.132.582**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	212.028.486	3.993.132.582
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.579.205.344.498**	**1.001.585.159.558**

Tính đến cuối năm 2024, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 946 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 1.122 tỷ đồng của năm 2023. Sự sụt giảm chủ yếu đến từ khoản mục chính: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, giảm từ 910 tỷ đồng xuống còn 640 tỷ đồng, phản ảnh việc Công ty đã có thể thu hồi một số công nợ.

Bên cạnh đó, khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh từ 1,78 tỷ đồng xuống còn 118,6 triệu đồng, trong khi khoản mục Hàng tồn kho giảm hơn 50%, từ 3,7 tỷ đồng xuống còn 1,9 tỷ đồng. Khoản Phải thu ngắn hạn khác tăng từ 244 tỷ lên khoảng 313 tỷ đồng, tăng khoản 28% so với năm 2023.

Về tài sản dài hạn, Công ty ghi nhận mức sụt giảm đáng kể, từ 457,5 tỷ đồng vào cuối năm 2023 xuống còn 55,2 tỷ đồng vào cuối năm 2024. Nguyên nhân chính đến từ việc không còn khoản Phải thu dài hạn khác trị giá 357 tỷ đồng trong năm 2024, dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu tài sản của Công ty. Khoản phải thu dài hạn này đến từ khoản thanh lý hợp đồng hợp tác với CTCP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao, Công ty nhận lại toàn bộ vốn góp (không tính lãi) trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký kết Văn bản than lý hợp đồng. HĐQT và BGĐ đánh giá không phát sinh bất kỳ khoản tổn thất nào liên quan đến khoản công nợ này.

Tình hình Nợ phải trả

Bảng 12: Tình hình nợ phải trả

	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	**Nợ ngắn hạn**	**84.489.045.200**	**664.304.618.219**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	2.819.607.312	7.888.216.499
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.809.630.052	172.029.652
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.785.536.042	16.930.030.315
4.	Phải trả người lao động	257.730.284	1.003.434.812
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	370.048.141	39.436.051.092
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20.454.545	20.454.545
7.	Phải trả ngắn hạn khác	929.290.562	980.950.509
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	59.238.224.274	592.216.495.407
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.258.523.988	5.656.955.388
II.	**Nợ dài hạn**	**697.500.000**	**937.500.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	297.500.000	297.500.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	400.000.000	640.000.000
	Tổng	**85.186.545.200**	**665.242.118.219**

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tính đến cuối năm 2024, nợ phải trả của Công ty ghi nhận 85,2 tỷ đồng, giảm mạnh 87,19% so với mức 665,2 tỷ đồng vào cuối năm 2023. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn, đặc biệt là khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, giảm từ 592,2 tỷ đồng xuống còn 59,2 tỷ đồng, tương đương mức giảm 90%.

Bên cạnh đó, Phải trả người bán ngắn hạn cũng giảm đáng kể 64,26%, trong khi Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng mạnh từ 172 triệu đồng lên 8,8 tỷ đồng, phản ánh sự thay đổi tích cực trong cơ cấu thanh toán với đối tác và khách hàng.

Về nợ dài hạn, tổng giá trị giảm nhẹ từ 937,5 triệu đồng xuống còn 697,5 triệu đồng, chủ yếu do Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 240 triệu đồng trong năm.

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

- Công ty không phát sinh nợ quá hạn
- Tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty hay kết quả hoạt động của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Công ty tập trung rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống Nội quy, Quy chế nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm. Đồng thời, Công ty tiến hành tái cấu trúc bộ máy nhân sự, từ cấp quản lý đến lao động trực tiếp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tối ưu hóa hoạt động vận hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng nghiên cứu xây dựng một mô hình quản trị ổn định, bền vững, đáp ứng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

Về mặt chính sách, Công ty triển khai các chính sách bán hàng và quản lý khoa học, đảm bảo tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hoạt động phân tích và đánh giá thường xuyên được thực hiện để Ban lãnh đạo có cơ sở đưa ra những quyết định kịp thời và đúng đắn.

Công tác kiểm soát rủi ro, đánh giá đầu tư và phân tích hiệu quả sử dụng vốn tiếp tục được đẩy mạnh, giúp Công ty chủ động ứng phó với biến động thị trường và tối ưu hóa nguồn lực tài chính.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện sắp xếp, điều phối phương tiện, thiết bị hợp lý, hạn chế tối đa việc thuê ngoài nhằm tiết kiệm chi phí. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo khai thác hiệu quả và gia tăng tuổi thọ của tài sản.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, BITAGCO sẽ tăng tốc phát triển, tận dụng tối đa nguồn lực để hướng tới những thành công đột phá trong năm 2025. Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác nhập khẩu xăng dầu uy tín nhằm chủ động nguồn cung, đồng thời đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu, liên kết cung ứng nguyên vật liệu và phân phối NPK với các đơn vị sản xuất trong nước. Việc mở rộng thị trường và mạng lưới phân bón tại khu vực Phía Nam và Tây Nguyên cũng sẽ được triển khai mạnh mẽ để gia tăng thị phần.

BITAGCO xác định phân bón, xăng dầu là hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tiếp tục theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững và nhất quán. Trong bối cảnh kinh tế và chính trị toàn cầu có nhiều biến động, Công ty chủ động thích ứng bằng cách nâng cao năng suất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động vận hành thông suốt.

Bên cạnh đó, BITAGCO đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự, đồng thời quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên. Việc tái cơ cấu bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả sẽ tiếp tục được thực hiện để tối ưu hóa vận hành.

Về mặt tài chính, Công ty chủ động triển khai các giải pháp quản lý dòng tiền hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư trong tương lai.

Kế hoạch phát triển của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	396.140.857.141	520.000.000.000	31,27%
Lợi nhuận trước thuế	9.142.549.873	12.000.000.000	31,25%
Lợi nhuận sau thuế	2.435.388.079	8.000.000.000	228,49%
Tỷ suất LNST/DTT (%)	0,61%	1,54%	-
Tỷ suất LNST/VCSH (%)	0,27%	0,87%	-
Cổ tức (%)	-	-	-

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty, kiểm toán có Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán như sau:

- **Về khoản nợ phải thu khó đòi của các khách hàng mua phân bón**: Năm 2024 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, giá nông sản thấp và không ổn định nên nông dân giảm diện tích cây trồng, giảm đầu tư đồng thời khả năng trả nợ cho các nhà cung cấp phân bón cũng bị ảnh hưởng. Vì vậy một số khách hàng lớn của công ty cũng gặp khó khăn trong tình hình chung nên chưa thể thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đây là các đơn vị phân phối truyền thống có doanh số lớn và uy tín đồng thời đã hợp tác nhiều năm với Công ty nên trên tinh thần chia sẻ khó khăn chúng tôi đã trao đổi, sẵn sàng gia hạn nợ và phối hợp cùng khách hàng đảm bảo thu nợ theo lộ trình khách hàng cam kết. Chúng tôi đảm bảo sẽ thu hồi được toàn bộ khoản nợ phải thu của các khách hàng trên mà không có bất cứ tổn thất nào.
- **Về việc Công ty đang nắm giữ 2,3 triệu cổ phần của Công ty CP XNK Vật tư Nông nghiệp III với giá trị 23 tỷ đồng.** Công ty CP XNK Vật tư Nông nghiệp III là doanh nghiệp chuyên xuất nhập khẩu phân bón, lương thực, kinh doanh xăng dầu, cho thuê kho bãi..., Xuất thân là doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá nên sở hữu nhiều quỹ đất ở các vị trí thuận lợi khi tiến hành khai thác các quỹ đất này sẽ đem lại lợi nhuận rất lớn. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá Công ty CP XNK Vật tư Nông nghiệp III có tiềm năng và triển vọng rất lớn và tin tưởng số cổ phần trên nếu được chuyển nhượng sẽ có giá trị cao hơn giá gốc nhiều, vì vậy không cần phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Về vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán: năm 2024 lợi nhuận trước thuế của Công ty chủ yếu là từ hoạt động tài chính do ngành phân bón và xăng dầu năm 2024 gặp nhiều khó khăn, giải trình của Ban Giám đốc như sau:

- **Lĩnh vực phân bón**, do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết, giá nông sản thấp và không có sự ổn định, nông dân giảm diện tích cây trồng, giảm đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón của bà con nông dân giảm. Các hàng hóa phân bón nhập khẩu từ nước ngoài cạnh tranh trực tiếp về giá so với hàng hóa trong nước, đặc biệt là hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Vì vậy để đảm bảo thị phần kinh doanh, Công ty phải chia sẻ lợi nhuận cho hệ thống phân phối cấp 2 để giữ vững thị phần phân phối truyền thống.
- **Về xăng dầu** do ảnh hưởng xung đột quốc tế, chính trị, thiên tai,...làm cho biến động giá dầu thô trên thế giới cao. Ngoài ra xăng dầu còn là mặt hàng chịu nhiều loại thuế phí và ảnh hưởng nhiều quy định cơ chế quản lý của nhà nước khiến doanh nghiệp khó chủ động trong việc định giá bán trong khi các chi phí đều tăng dẫn đến biên độ lợi nhuận thấp. Bên cạnh đó tình hình kinh tế suy thoái, xu hướng sử dụng xe điện hoặc năng lượng sạch làm giảm nhu cầu xăng dầu truyền thống.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2024, CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận (BITAGCO) tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đặc biệt chú trọng đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, trong đó có nước và năng lượng – hai yếu tố thiết yếu trong chuỗi vận hành sản xuất. Ban Giám đốc đã chỉ đạo sát sao các đơn vị chuyên môn thực hiện đồng bộ các biện pháp tuyên truyền, đào tạo nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm, sử dụng hợp lý tài nguyên trong toàn thể cán bộ công nhân viên, từ đó góp phần giảm thiểu chi phí và bảo vệ môi trường bền vững.

Với định hướng phát triển bền vững, BITAGCO cam kết tiếp tục đầu tư nâng cao hệ thống quản lý môi trường, không ngừng cải thiện quy trình vận hành theo hướng thân thiện với môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Vấn đề người lao động

Trong năm 2024, ABS luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách nhằm chăm lo toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc ổn định, gắn bó và khuyến khích sự cống hiến lâu dài.

Công ty tiếp tục hoàn thiện quy trình đào tạo và phát triển nhân sự theo hướng bài bản, khoa học và sát với nhu cầu thực tiễn. Song song đó, ABS luôn ưu tiên phát hiện và bồi dưỡng nhân sự có năng lực nổi bật, thường xuyên cử cán bộ có thành tích tốt tham gia các khóa đào tạo nâng cao do Công ty tổ chức hoặc liên kết với các trường Đại học, Trung tâm đào tạo uy tín trong và ngoài ngành. Thông qua đó, Công ty không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu, mà còn chuẩn bị đội ngũ kế thừa có trình độ và tư duy hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, ABS tiếp tục phát huy vai trò là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, luôn đồng hành cùng cộng đồng trong các hoạt động an sinh xã hội và phát triển bền vững tại địa phương.

Công ty tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn. ABS thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để triển khai các hoạt động thiết thực như: tặng quà, hỗ trợ nhu yếu phẩm, đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, tài trợ học bổng cho học sinh...

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng gìn giữ mối quan hệ hài hòa với cộng đồng sở tại, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn minh. Thông qua những hành động cụ thể và nhất quán, ABS khẳng định vai trò của mình không chỉ là một doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh mà còn là một thành viên tích cực của cộng đồng, chung tay vì sự phát triển hài hòa giữa doanh nghiệp và xã hội.

Chương 4:
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 là một năm tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cho nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Mặc dù tình hình lạm phát đã được kiểm soát chặt chẽ hơn so với những năm trước, nhưng áp lực về giá cả và chi phí đầu vào vẫn tạo ra không ít khó khăn đối với các doanh nghiệp. Chính sách tiền tệ thắt chặt được duy trì ở nhiều quốc gia, mặc dù lãi suất có xu hướng giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao, gây tác động tiêu cực đến việc ra quyết định đầu tư và chi tiêu tiêu dùng. Đồng thời, các hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ những căng thẳng địa chính trị kéo dài và sự gia tăng các rào cản thương mại.

Trong bối cảnh đó, thị trường trong nước cũng đối mặt với không ít khó khăn. Cụ thể, thị trường bất động sản tiếp tục gặp phải tình trạng thanh khoản thấp, các dự án mới ít được triển khai, và dòng vốn vào lĩnh vực này suy giảm rõ rệt. Thị trường chứng khoán có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro, với tâm lý nhà đầu tư chưa hoàn toàn ổn định. Đặc biệt, giá xăng dầu và các nguyên liệu đầu vào biến động khó lường, càng tạo thêm áp lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo, Công ty đã chủ động xây dựng các kế hoạch kinh doanh linh hoạt, tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và giảm thiểu chi phí. Trong bối cảnh khó khăn, Công ty cũng tiếp tục thực hiện các đánh giá và sàng lọc các dự án bất động sản có tiềm năng, đảm bảo duy trì dòng tiền ổn định đồng thời tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá Ban Giám đốc (BGĐ) đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT đã đề ra, đồng thời linh hoạt điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh khả năng thích ứng và quản lý hiệu quả trong một năm đầy thử thách. BGĐ đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, đặc biệt là trên cơ sở Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, giúp quá trình ra quyết định và giám sát được minh bạch và hiệu quả

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ qua các báo cáo tháng, quý và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT nhận thấy BGĐ đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các quyết định được đưa ra luôn hướng tới việc tối đa hóa lợi ích hợp pháp cho Công ty và các cổ đông.
Tuy nhiên, HĐQT cũng nhận thấy rằng BGĐ cần nỗ lực hơn nữa trong việc triển khai kịp thời các nhiệm vụ đã đề ra, đặc biệt là trong việc quản lý chính sách bán hàng và giải phóng hàng tồn kho một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, việc quản lý chi phí cần được kiểm soát chặt chẽ hơn nhằm đảm bảo các nguồn lực của Công ty được sử dụng một cách tối ưu nhất, hỗ trợ cho sự phát triển bền vững trong tương lai

Những việc đã làm

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua. Đồng thời chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CNVC-LĐ để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

Hạn chế cần khắc phục

- Hoạt động kinh doanh lao dốc do ảnh hưởng từ vĩ mô xấu toàn cầu, dòng tiền kinh doanh âm.
- Vẫn còn duy trì tình trạng thâm hụt vốn kéo dài trong nhiều năm

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn mà công ty sẽ phải đối mặt trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo nhằm cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

1 CHỈ ĐẠO

Chỉ đạo sát sao hơn nữa đối với hoạt động kinh doanh chủ chốt của Công ty về kinh doanh phân bón và xăng dầu. Nâng cao sự ổn định của đầu vào, đảm báo chất lượng sản xuất và dịch vụ đáp ứng yêu cầu thị trường

2 ĐẦU VÀO

Mở rộng lĩnh vực cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân bón trong và ngoài nước

3 NGHIÊN CỨU

Thực hiện nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư trong mảng Bất động sản của Công ty.

4 NĂNG SUẤT

Duy trì bộ máy hoạt động ổn định đạt năng suất, hiệu quả cao. Cân đối giữa nguồn thu và chi để đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng thị trường

Chương 5:
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Hội đồng quản trị

2 Ban Kiểm soát

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Mười
Chủ tịch HĐQT - Cử nhân kinh tế

Thành viên của Hội đồng quản trị

	Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (cá nhân và được ủy quyền)	Số lượng chức danh nắm giữ ở công ty khác	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT đôc lập	
					Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	12.5%	05	29/06/2024	
2	Định Quang Sáng	Phó chủ tịch HĐQT			04/06/2016	29/06/2024
3	Trần Thị Hiền	Thành viên độc lập			29/06/2024	
4	Mai Quốc Hưng	Thành viên không điều hành			10/11/2017	29/06/2024
5	Vũ Thị Hà	Thành viên độc lập			29/06/2024	Có đơn từ nhiệm ngày 04/10/2024
6	Bùi Thị Hà Lâm	Thành viên			29/06/2024	
7	Đỗ Việt Hà	Thành viên			29/06/2024	

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Sáng
Phó CT HĐQT
– Kỹ sư cao cấp
Trở thành Phó CT HĐQT từ năm 2012 và được miễn nhiệm ngày 29/06/2024

Ông Mai Quốc Hưng
Thành viên
– Cử nhân kinh tế
Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 11/2017 và được miễn nhiệm ngày 29/06/2024

Bà Trần Thị Hiền
Thành viên
- Cử nhân kế toán
Trở thành Thành viên HĐQT từ tháng 4/2021 đến nay

Bà Vũ Thị Hải
Thành viên
- Cử nhân kinh tế
Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 05/2020 đến nay

Ông Đỗ Viết Hà
Thành viên - Cử nhân kinh tế.
Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 06/2024 đến nay

Bà Bùi Thị Hà Lâm
Thành viên
- Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.
Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 06/2024 đến nay

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham sự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Trần Văn Mười	18	100%	
2	Đinh Quang Sáng	10	55.56%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2024
3	Trần Thị Hiền	18	100%	
4	Mai Quốc Hưng	10	55.56%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2024
5	Vũ Thị Hải	13	72.22%	Có đơn xin từ nhiệm ngày 04/10/2024
6	Bùi Thị Hà Lâm	08	44.44%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2024
7	Đỗ Viết Hà	08	44.44%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2024

Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/24/NQ/HĐQT-ABS	07/03/2024	Thông qua giao dịch mua bán với bên liên quan	100%
2	04/24/NQ/HĐQT-ABS	19/03/2024	Thông qua việc gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
3	06/24/NQ/HĐQT-ABS	03/04/2024	Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Quý I/2024và triển khai kế hoạch Quý II/2024	100%
4	08/24/NQ/HĐQT-ABS	26/04/2024	Thay đổi Nhân sự quản lý cấp cao của Công ty	100%
5	10/24/NQ/HĐQT-ABS	02/05/2024	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông năm 2024	100%
6	12/24/NQ/HĐQT-ABS	06/05/2024	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng Sacombank	100%
7	14/24/NQ/HĐQT-ABS	07/05/2024	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng BIDV	100%
8	15/24/NQ/HĐQT-ABS	08/06/2024	Thông qua việc mời họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
9	16/24/NQ/HĐQT-ABS	19/06/2024	Thông qua đề cử ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2024-2029	100%
10	17/24/NQ/HĐQT-ABS	27/06/2024	Thông qua việc chuyển nhượng cp Công ty Cổ phần XNK VTNN 3	100%
11	18/24/NQ/HĐQT-ABS	29/06/2024	Thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT và phân công nhiệm vụ HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029	100%
12	19/24/NQ/HĐQT-ABS	30/07/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm tài chính 2024	100%
13	20/24/NQ/HĐQT-ABS	16/08/2024	Thông qua giao dịch mua bán với bên liên quan Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao.	100%
14	21/24/NQ/HĐQT-ABS	30/10/2024	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng BIDV	100%
15	22/24/NQ/HĐQT-ABS	11/11/2024	Thông qua giao dịch mua bán với bên liên quan Công ty VTNN 3.	100%
16	23/24/NQ/HĐQT-ABS	12/12/2024	Thông qua miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự cấp cao.	100%
17	24/24/NQ/HĐQT-ABS	12/12/2024	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng Sacombank	100%
18	25/24/NQ/HĐQT-ABS	12/12/2024	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng BIDV	100%

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty

ST	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Trương Thùy Linh	Trưởng BKS	05/12/2018	29/06/2024	Cử nhân kế toán
2	Nguyễn Thị Cuối	Thành viên BKS	24/4/2021	29/06/2024	Cử nhân kế toán-kiểm toán
3	Đoàn Đình Chiến	Thành viên BKS	29/06/2024		Cử nhân kế toán
4	Mai Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	29/06/2024		Cử nhân kế toán
5	Phạm Văn Hiền	Thành viên BKS	29/06/2024		Cử nhân Tài chính-Ngân hàng

Bà Mai Thị Thanh Hải
Trưởng Ban kiểm soát - Thạc sĩ chuyên ngành kế toán
Bà được bầu làm trưởng ban kiểm soát từ tháng 29/06/2024 đến nay

Ông Đoàn Đình Chiến
Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân chuyên ngành Kế toán
Ông được bầu làm thành viên Ban kiểm soát từ tháng 29/06/2024 đến nay

Ông Phạm Văn Hiền
Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân tài chính - ngân hàng
Ông được bầu làm thành viên Ban kiểm soát từ tháng 29/06/2024 đến nay

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành nhằm đảm bảo tính minh bạch và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty. Ban điều hành đã tuân thủ Điều lệ , Quy chế quản trị Công ty và các quy định có liên quan, triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của các Đơn vị/Phòng/Ban tại công ty và các chi nhánh.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty, tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng, công nợ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản trong năm 2024 tại đơn vị.
- Xây dựng Kế hoạch công tác giám sát năm 2025

Cuộc họp Ban kiểm soát

ST	Tên	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Trương Thùy Linh	02	40%	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2024
2	Nguyễn Thị Cuối	02	40%	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2024
3	Mai Thị Thanh Hải	05	100%	100%	
4	Đoàn Đình Chiến	03	60%	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2024
5	Phạm Văn Hiền	03	60%	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2024

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Đơn vị: VNĐ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, ThưởngThù lao(HĐQT, BKS, BGĐ)
I	**Hội đồng quản trị**		**224.000.000**
1	Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	140.000.000
2	Đinh Quang Sáng	Phó chủ tịch HĐQT	21.000.000
3	Mai Quốc Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	21.000.000
4	Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT độc lập	21.000.000
5	Vũ Thị Hải	Thành viên HĐQT độc lập	21.000.000
6	Bùi Thị Hà Lâm	Thành viên HĐQT	-
7	Đỗ Viết Hà	Thành viên HĐQT	-
II	**Ban kiểm soát**		**260.601.563**
1	Trương Thùy Linh	Trưởng BKS	110.601.563
2	Nguyễn Thị Cuối	Thành viên BKS	14.000.000
3	Mai Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	104.000.000
4	Đoàn Đình Chiến	Thành viên BKS	16.000.000
5	Phạm Văn Hiền	Thành Viên BKS	16.000.000
III	**Ban Giám đốc**		**1.400.870.000**
	Trần Bá Mai Anh Vũ	Giám đốc	2.000.000
	Bùi Thị Hà Lâm	Giám đốc	529.000.000
	Bà Trần Thị Hường	Giám đốc	304.380.000
	Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc	533.490.000
	Trần Duy Toàn	Phó Giám đốc	32.000.000
IV	**Các thành viên quản lý khác**		407.889.710
1	Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng	407.889.710
2	Nguyễn Đạt Châu	Người phụ trách quản trị công ty	-
	Tổng cộng		**2.293.361.273**

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**
  Không có phát sinh

- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**
  Không có phát sinh

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2024, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, điều lệ và quy chế Quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2024 được đính kèm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 3400382278 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN

ĐỖ VIẾT HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bình Thuận, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch
Ông Đinh Quang Sáng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên độc lập
Ông Mai Quốc Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên
Bà Bùi Thị Hà Lâm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Ông Đỗ Viết Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Viết Hà	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2025) Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/03/2025)
Ông Trần Bá Mai Anh Vũ	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/12/2024; miễn nhiệm ngày 10/03/2025)
Bà Bùi Thị Hà Lâm	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/05/2024; miễn nhiệm ngày 12/12/2024)
Bà Trần Thị Hường	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/05/2024)
Ông Trần Duy Toàn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/12/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 3400382278 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN TP.PHAN THIẾT - T.BÌNH THUẬN

Đỗ Viết Hà
Giám đốc

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2025

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

*Số: **106** /2025/BCKT-AVI-TC1*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận, được lập ngày 31/03/2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đã được Công ty trích lập tại ngày 31/12/2024 khoảng 21,545 tỷ đồng, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán theo điều khoản quy định trong hợp đồng (trình bày tại thuyết minh số 09). Nếu Công ty trích đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thì số dự phòng phải thu khó đòi tối thiểu Công ty cần trích lập bổ sung khoảng 193,238 tỷ đồng.

Số dư khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III tại ngày 31/12/2024 là 23 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 là 68 tỷ đồng, trong năm 2024 có phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu này). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thị trường trong năm và báo cáo tài chính của đơn vị này tại thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024 để đánh giá và xác định mức độ tổn thất đầu tư tài chính cần trích lập (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 33 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh chính của Công ty không có lãi, lợi nhận kế toán trước thuế của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động tài chính (chuyển nhượng cổ phiếu, chứng khoán kinh doanh). Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang xây dựng kế hoạch để cải thiện hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tiếp theo. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 183/BCKT/TC ngày 29/03/2024, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Nguyễn Thương **Phó Tổng Giám đốc** Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0308-2023-055-1	**Tạ Thị Thắm** **Kiểm toán viên** Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3676-2021-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**946.361.155.745**	**1.121.657.277.969**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**118.574.547**	**1.778.084.645**
1.	Tiền	111	5	118.574.547	1.778.084.645
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**1.118.372**	**1.046.000**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.118.372	1.046.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**944.124.675.556**	**1.115.689.147.876**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	640.110.438.751	910.328.715.037
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.499.753.859	7.277.474.129
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	312.980.815.284	244.102.104.115
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(21.545.862.614)	(46.098.448.231)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.530.276	79.302.826
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**1.867.060.502**	**3.740.672.972**
1.	Hàng tồn kho	141		1.925.484.152	3.791.702.872
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.423.650)	(51.029.900)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**249.726.768**	**448.326.476**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	236.063.362	128.492.025
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	319.834.451
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	13.663.406	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**55.224.003.813**	**457.548.066.529**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**357.025.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	-	357.025.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**9.757.154.050**	**13.837.320.862**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.064.778.436	5.673.620.537
	- Nguyên giá	*222*		*13.195.636.395*	*13.195.636.395*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(8.130.857.959)*	*(7.522.015.858)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	4.692.375.614	8.163.700.325
	- Nguyên giá	*228*		*7.293.504.000*	*11.811.046.164*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(2.601.128.386)*	*(3.647.345.839)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**14**	**18.473.717.181**	**18.473.717.181**
	- Nguyên giá	*231*		*18.473.717.181*	*18.473.717.181*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*232*		-	-
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**23.000.000.000**	**68.000.000.000**
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	23.000.000.000	68.000.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**3.993.132.582**	**212.028.486**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.993.132.582	212.028.486
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.001.585.159.558**	**1.579.205.344.498**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**85.186.545.200**	**665.242.118.219**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**84.489.045.200**	**664.304.618.219**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.819.607.312	7.888.216.499
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.809.630.052	172.029.652
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.785.536.042	16.930.030.315
4.	Phải trả người lao động	314		257.730.284	1.003.434.812
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	370.048.141	39.436.051.092
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		20.454.545	20.454.545
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	929.290.562	980.950.509
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	59.238.224.274	592.216.495.407
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.258.523.988	5.656.955.388
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**697.500.000**	**937.500.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	19	297.500.000	297.500.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	400.000.000	640.000.000
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**916.398.614.358**	**913.963.226.279**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**916.398.614.358**	**913.963.226.279**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		800.000.000.000	800.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*800.000.000.000*	*800.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		42.560.127.000	42.560.127.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		59.516.176	59.516.176
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.778.971.182	71.343.583.103
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*71.343.583.103*	*63.056.573.432*
	- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*2.435.388.079*	*8.287.009.671*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.001.585.159.558**	**1.579.205.344.498**

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trương Thùy Linh	Nguyễn Văn Thủy	Đỗ Viết Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**23**	**396.140.857.414**	**1.025.222.515.712**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**396.140.857.414**	**1.025.222.515.712**
4.	Giá vốn hàng bán	11	24	390.107.292.630	986.524.541.756
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**6.033.564.784**	**38.697.973.956**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	28.359.327.129	104.657.853.165
7.	Chi phí tài chính	22	26	35.963.833.761	76.016.484.354
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*35.962.657.538*	*76.016.457.355*
8.	Chi phí bán hàng	25	28	4.981.097.674	5.852.109.940
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	(17.831.009.538)	38.766.279.452
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**11.278.970.016**	**22.720.953.375**
11.	Thu nhập khác	31		255.001.767	324.405.788
12.	Chi phí khác	32	27	2.391.421.910	812.212.263
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(2.136.420.143)**	**(487.806.475)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**9.142.549.873**	**22.233.146.900**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	6.707.161.794	13.946.137.229
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**2.435.388.079**	**8.287.009.671**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**31**	**30**	**104**

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trương Thùy Linh	Nguyễn Văn Thủy	Đỗ Viết Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
M.S.D.N: 3400382278 - C.T.C.P
TP.PHAN THIẾT - T.BÌNH THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**9.142.549.873**	**22.233.146.900**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	831.486.263	970.409.606
	- Các khoản dự phòng	03	(24.552.585.617)	31.692.913.517
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(16.201.737)	(143.944.568)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.002.065.469)	(8.172.664.803)
	- Chi phí lãi vay	06	35.962.657.538	76.016.457.355
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**3.365.840.851**	**122.596.318.007**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	545.426.531.537	(267.349.332.623)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.873.612.470	1.372.481.358
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.268.017	(143.620.086.924)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(639.994.884)	272.663.332
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	340.200.000.000
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(75.015.295.960)	(37.020.358.577)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.098.661.875)	(25.047.773.467)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(398.431.400)	(1.128.001.497)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**460.518.868.756**	**(9.724.090.391)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(10.836.717.181)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	130.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.372)	(46.000)
4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	63.000.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.041.140.874	3.589.398
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**71.041.068.502**	**(10.703.173.783)**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	216.640.531.373	527.219.190.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(749.858.802.506)	(468.759.694.593)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(39.958.651.250)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(533.218.271.133)**	**18.500.844.157**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(1.658.333.875)**	**(1.926.420.017)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**1.778.084.645**	**3.560.560.094**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.176.223)	143.944.568
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**118.574.547**	**1.778.084.645**

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trương Thùy Linh	Nguyễn Văn Thủy	Đỗ Viết Hà

M.S.D.N: 3400382278 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN TP.PHAN THIẾT - T.BÌNH THUẬN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400382278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 11/05/2004, đăng ký thay đổi lần gần nhất thứ 25 ngày 13/03/2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ABS.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000.000 đồng tương ứng 80.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 Nguyễn Du, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 42 người (tại ngày 31/12/2023 là 45 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan;
- Bán buôn phân bón;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 8 chi nhánh và 5 cửa hàng xăng dầu với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Kinh doanh Vật tư Nông nghiệp I	Khu phố Phú Trường, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
2.	Chi nhánh Kinh doanh Vật tư Nông nghiệp II	Thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
3.	Chi nhánh Kinh doanh Vật tư Nông nghiệp III	Thôn 1, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.
4.	Chi nhánh Kinh doanh Vật tư Nông nghiệp IV	Số 92, thôn Bình Thủy, xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
5.	Chi nhánh tại tỉnh Ninh Thuận	Số 388/1, đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
6.	Chi nhánh tại tỉnh Phú Yên	Thôn Phước Lộc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.
7.	Chi nhánh tại tỉnh Bình Định	Số 85, đường Hoàng Văn Thụ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
8.	Chi nhánh tại tỉnh Long An	Cụm công nghiệp Long Định, ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.
9.	Cửa hàng Xăng dầu số 9	Số 301, đường 19/4, khu phố 2, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
10.	Cửa hàng Xăng dầu Ngã Ba Gộp	Thôn 3, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

11.	Cửa hàng Xăng dầu Thuận Hòa	Quốc Lộ 28, thôn Dân Trí, xã Thuận Hào, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
12.	Cửa hàng Xăng dầu Km 29	Khu phố Lập Hòa, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
13.	Cửa hàng Xăng dầu Thắng Hải	Thôn Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 20

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được trích khấu hao với thời gian là 5 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan đến việc mua bán nhà ở hình thành trong tương lai của 03 lô đất nền và 19 căn shophouse thuộc dự án Khu đô thị Năm Sao, tại xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá để bán. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí quyền sử dụng đất có thời hạn, công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm, ...

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh tối đa không quá 36 tháng.

Chi phí thuê đất đã trả một lần cho cả kỳ hạn thuê thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại.

4.12 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên

thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán chứng khoán kinh doanh; lãi chậm trả từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh; lãi chênh lệch tỷ giá;... Cụ thể như sau:

(a) Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.

(b) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau *ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	8.819.334	183.945.603
Tiền gửi ngân hàng	109.755.213	1.594.139.042
Cộng	**118.574.547**	**1.778.084.645**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BIRA	179.348.706.360	137.991.446.360
Công ty Cổ phần Quốc tế Mekong Plaza	76.423.214.469	307.774.241.482
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Smart Eco City	196.127.643.000	228.978.158.301
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Đảo Ngọc	176.161.420.000	197.451.000.000
Các khách hàng khác	12.049.454.922	38.133.868.894
Cộng	**640.110.438.751**	**910.328.715.037**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	*4.701.225.540*	*28.443.090.600*

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	-	2.845.160.000
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	8.019.500.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Mỹ	3.172.750.000	3.172.750.000
Các nhà cung cấp khác	1.307.503.859	1.259.564.129
Cộng	**12.499.753.859**	**7.277.474.129**
Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	*851.911.500*	*3.697.071.500*

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**312.980.815.284**	**(9.549.814.389)**	**244.102.104.115**	**(11.139.098.309)**
Tạm ứng	116.000.000	-	3.624.136.709	(3.334.500.000)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	345.268.722	-	282.065.018	-
Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao	5.421.294.246	(4.125.233.033)	8.171.294.246	(5.719.905.973)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	301.500.949.541	-	229.439.075.405	-
- Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư, lãi chậm thanh toán	*2.138.432.877*	-	*8.039.075.405*	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHTĐT	-	-	*221.400.000.000*	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT-NS-ABS (i)	*299.362.516.664*	-	-	-
Các khoản phải thu khác	5.597.302.775	(5.424.581.356)	2.585.532.737	(2.084.692.336)
Dài hạn	**-**	**-**	**357.025.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao (i)	-	-	357.025.000.000	-
Cộng	**312.980.815.284**	**(9.549.814.389)**	**601.127.104.115**	**(11.139.098.309)**

i. Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT-NS-ABS ngày 16/10/2023 để cùng đầu tư thực hiện hạng mục: Đầu tư Xây dựng Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ ký hiệu OT-02 (diện tích 8.386m2) thuộc dự án Five Star Eco City tại xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc tỉnh Long An. Tổng số vốn góp của Công ty là 451.837.080.000 đồng tương ứng với 18% tổng mức đầu tư của hạng mục. Các bên sẽ thực hiện phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Ngày 16/07/2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt về việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh do hạng mục triển khai kéo dài và các bên đã ký Văn bản thỏa thuận thanh lý và chấm dứt Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ vốn góp (không tính lãi) trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký kết Văn bản thanh lý hợp đồng. Đến thời điểm này, Công ty đã làm việc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao để thu hồi khoản công nợ nêu trên. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá không phát sinh bất kỳ khoản tổn thất nào liên quan đến khoản công nợ này.

9. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2024				01/01/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng		**638.823.432.065**	**630.405.939.069**	**(8.417.492.996)**		**884.909.709.529**	**855.062.135.590**	**(29.847.573.939)**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Tân Đại Phát	> 3 năm	3.805.474.500	-	(3.805.474.500)	> 3 năm	3.805.474.500	-	(3.805.474.500)
Five Star international Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	2-3 năm	4.701.225.540	2.344.955.240	(2.356.270.300)	1-2 năm	4.953.640.600	2.476.820.300	(2.476.820.300)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bira (*)		179.348.706.360	179.348.706.360	-		137.991.446.360	129.840.372.452	(8.151.073.908)
	1-2 năm	*34.229.946.360*	*34.229.946.360*	-	*6 tháng - 1 năm*	*27.170.246.360*	*19.019.172.452*	*(8.151.073.908)*
	Dưới 6 tháng	*145.118.760.000*	*145.118.760.000*	-	*Dưới 6 tháng*	*110.821.200.000*	*110.821.200.000*	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Mekong Plaza (*)		76.423.214.469	76.423.214.469	-		307.774.241.482	298.682.939.037	(9.091.302.445)
		-	-	-	*6 tháng - 1 năm*	*30.304.341.482*	*21.213.039.037*	*(9.091.302.445)*
	Dưới 6 tháng	*76.423.214.469*	*76.423.214.469*	-	*Dưới 6 tháng*	*277.469.900.000*	*277.469.900.000*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Smart Eco City (*)		196.127.643.000	196.127.643.000	-		228.978.158.301	226.098.003.711	(2.880.154.590)
	1-2 năm	*196.127.643.000*	*196.127.643.000*	-	*6 tháng - 1 năm*	*9.600.515.301*	*6.720.360.711*	*(2.880.154.590)*
		-	-	-	*Dưới 6 tháng*	*219.377.643.000*	*219.377.643.000*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Đảo Ngọc (*)		176.161.420.000	176.161.420.000	-		197.451.000.000	197.451.000.000	-
	1-2 năm	*152.164.970.000*	*152.164.970.000*	-		-	-	-
	Dưới 6 tháng	*23.996.450.000*	*23.996.450.000*	-	*Dưới 6 tháng*	*197.451.000.000*	*197.451.000.000*	-
Các khách hàng khác	> 3 năm	2.255.748.196	-	(2.255.748.196)	> 3 năm	3.955.748.286	513.000.090	(3.442.748.196)

	31/12/2024				01/01/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán		**3.578.555.229**	**-**	**(3.578.555.229)**		**6.534.355.983**	**1.422.580.000**	**(5.111.775.983)**
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Mỹ	> 3 năm	3.172.750.000	-	(3.172.750.000)	> 3 năm	3.172.750.000	-	(3.172.750.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	-	-	-	-	1 - 2 năm	2.845.160.000	1.422.580.000	(1.422.580.000)
Các nhà cung cấp khác	> 3 năm	405.805.229	-	(405.805.229)	> 3 năm	516.445.983	-	(516.445.983)
Phải thu khác		**10.845.875.602**	**1.296.061.213**	**(9.549.814.389)**		**13.595.875.602**	**2.456.777.293**	**(11.139.098.309)**
Bành Thế Hưng	> 3 năm	1.301.113.718	-	(1.301.113.718)	> 3 năm	1.301.113.718	-	(1.301.113.718)
Nhà máy Phân bón Năm Sao	> 3 năm	5.421.294.246	1.296.061.213	(4.125.233.033)	> 3 năm	8.171.294.246	2.451.388.273	(5.719.905.973)
Các khoản phải thu khác	> 3 năm	4.123.467.638	-	(4.123.467.638)	> 3 năm	4.123.467.638	5.389.020	(4.118.078.618)
Cộng		**653.247.862.896**	**631.702.000.282**	**(21.545.862.614)**		**905.039.941.114**	**858.941.492.883**	**(46.098.448.231)**

(*) Tại ngày 31/12/2024, một số khoản công nợ tiếp tục quá hạn thanh toán nhưng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi. Ban Giám đốc cam kết sẽ làm việc với khách hàng để thống nhất phương án thu hồi công nợ phải thu khách hàng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không có bất kì tổn thất nào đối với các khoản phải thu này.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.841.953.750	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.401.626	-	15.171.469	-
Hàng hoá	1.777.965.076	(58.423.650)	1.879.982.653	(51.029.900)
Hàng gửi bán	133.117.450	-	54.595.000	-
Cộng	**1.925.484.152**	**(58.423.650)**	**3.791.702.872**	**(51.029.900)**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	**236.063.362**	**128.492.025**
Chi phí bảo hiểm	69.757.916	52.483.114
Công cụ, dụng cụ	61.859.602	35.789.370
Chi phí trả trước khác	104.445.844	40.219.541
Dài hạn	**3.993.132.582**	**212.028.486**
Công cụ, dụng cụ	332.249.314	135.323.326
Tiền thuê đất	3.177.412.606	-
Chi phí trả trước khác	483.470.662	76.705.160
Cộng	**4.229.195.944**	**340.520.511**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	**7.838.300.394**	**1.051.730.256**	**4.305.605.745**	**13.195.636.395**
Tại ngày 31/12/2024	**7.838.300.394**	**1.051.730.256**	**4.305.605.745**	**13.195.636.395**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	**4.770.104.908**	**895.969.877**	**1.855.941.073**	**7.522.015.858**
Khấu hao trong năm	237.283.730	57.374.901	314.183.470	608.842.101
Tại ngày 31/12/2024	**5.007.388.638**	**953.344.778**	**2.170.124.543**	**8.130.857.959**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	**3.068.195.486**	**155.760.379**	**2.449.664.672**	**5.673.620.537**
Tại ngày 31/12/2024	**2.830.911.756**	**98.385.478**	**2.135.481.202**	**5.064.778.436**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*2.846.622.376*	*537.366.619*	*1.163.771.048*	*4.547.760.043*
GTCL của tài sản đem cầm cố, thế chấp	*2.776.453.139*	*102.589.977*	*1.967.289.421*	*4.846.332.537*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2024	**11.691.046.164**	**120.000.000**	**11.811.046.164**
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(4.517.542.164)		(4.517.542.164)
Tại ngày 31/12/2024	**7.173.504.000**	**120.000.000**	**7.293.504.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2024	**3.527.345.839**	**120.000.000**	**3.647.345.839**
Khấu hao trong năm	222.644.162	-	222.644.162
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(1.268.861.615)	-	(1.268.861.615)
Tại ngày 31/12/2024	**2.481.128.386**	**120.000.000**	**2.601.128.386**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	**8.163.700.325**	**-**	**8.163.700.325**
Tại ngày 31/12/2024	**4.692.375.614**	**-**	**4.692.375.614**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*78.249.700*	*120.000.000*	*198.249.700*

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	**18.473.717.181**	**-**	**-**	**18.473.717.181**
Nhà cửa	6.501.658.112	-	-	6.501.658.112
Quyền sử dụng đất	11.972.059.069	-	-	11.972.059.069
Tổn thất do suy giảm giá trị	**-**	**-**	**-**	**-**
Nhà cửa	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	**18.473.717.181**	**-**	**-**	**18.473.717.181**
Nhà cửa	6.501.658.112	-	-	6.501.658.112
Quyền sử dụng đất	11.972.059.069	-	-	11.972.059.069

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan đến việc mua bán nhà ở hình thành trong tương lai của 19 lô đất nền và 03 căn shophouse thuộc dự án Khu đô thị Năm Sao, tại xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá để bán.

15. ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
	Cổ phần	%	VND	VND	Cổ phần	%	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			**23.000.000.000**	**-**			**68.000.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	2.300.000	4,04%	23.000.000.000	-	6.800.000	11,95%	68.000.000.000	-
Cộng			**23.000.000.000**	**-**			**68.000.000.000**	**-**

Ngày 27/06/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết số 17/24/NQ/HĐQT-ABS ngày thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III với giá bán không thấp hơn 14.000 đồng/cổ phần. Công ty đã chuyển nhượng một phần cổ phiếu sở hữu tại đơn vị này cho cá nhân với giá trị chuyển nhượng là 63 tỷ đồng và thu lãi từ chuyển nhượng với số tiền là 18 tỷ đồng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	1.717.962.613	1.717.962.613	2.446.341.499	2.446.341.499
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Du lịch Diamond Eco City	885.324.699	885.324.699	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Agritech	-	-	4.888.475.000	4.888.475.000
Các nhà cung cấp khác	216.320.000	216.320.000	553.400.000	553.400.000
Cộng	**2.819.607.312**	**2.819.607.312**	**7.888.216.499**	**7.888.216.499**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	-	-	*188.700.000*	*188.700.000*

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	85.043.435	458.254.651	464.923.838	78.374.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.098.661.875	6.707.161.794	14.098.661.875	6.707.161.794
Thuế thu nhập cá nhân	2.032.632.394	120.769.358	2.167.065.158	(13.663.406)
Các khoản khác	713.692.611	2.276.451.982	2.990.144.593	-
Cộng	**16.930.030.315**	**9.562.637.785**	**19.720.795.464**	**6.771.872.636**
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	*-*			*13.663.406*
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	*16.930.030.315*			*6.785.536.042*

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	228.219.858	39.280.858.280
Chi phí phải trả khác	141.828.283	155.192.812
Cộng	**370.048.141**	**39.436.051.092**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	**929.290.562**	**980.950.509**
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	112.597.840	231.794.156
Tài sản thừa chờ giải quyết	176.719.665	146.048.279
Phải trả về cổ phần hoá	14.526.000	14.526.000
Cổ tức phải trả	117.004.375	117.004.375
Lãi vay phải trả	258.000.000	258.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	250.442.682	213.577.699
Dài hạn	**297.500.000**	**297.500.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	297.500.000	297.500.000
Cộng	**1.226.790.562**	**1.278.450.509**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**592.216.495.407**	**592.216.495.407**	**216.880.531.373**	**749.858.802.506**	**59.238.224.274**	**59.238.224.274**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận (1)	40.756.570.000	40.756.570.000	179.101.436.373	175.858.792.099	43.999.214.274	43.999.214.274
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Thuận (2)	14.970.850.000	14.970.850.000	37.539.095.000	37.510.935.000	14.999.010.000	14.999.010.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Đông	536.249.075.407	536.249.075.407	-	536.249.075.407	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận (3)	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Vay dài hạn	**640.000.000**	**640.000.000**	**-**	**240.000.000**	**400.000.000**	**400.000.000**
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận (3)	640.000.000	640.000.000	-	240.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	**592.856.495.407**	**592.856.495.407**	**216.880.531.373**	**750.098.802.506**	**59.638.224.274**	**59.638.224.274**

Lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong năm tiếp theo	240.000.000	240.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	400.000.000	640.000.000
Cộng	**640.000.000**	**880.000.000**

Chi tiết hợp đồng vay của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Thời hạn và mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	Hợp đồng tín dụng số 1968/2024/3127435/HĐTD ngày 18/12/2024	48 tỷ đồng	Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 18/12/2024; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.	6,5% - 7,8%	02 quyền sử dụng đất tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty
(2)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Thuận	Hợp đồng tín dụng số 202025101967 ngày 11/05/2023 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTD số 202025101967/01 ký ngày 17/05/2024	15 tỷ đồng	Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 17/05/2024; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.	7,8% - 10,0%	05 quyền sử dụng đất, 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	Hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0721/KHB_/2022/TDH ngày 12/09/2022	1,2 tỷ đồng	Thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân, chia thành 60 kỳ trả nợ gốc, mỗi tháng một lần vào ngày 26, kỳ trả gốc cuối cùng tại ngày 26/08/2027; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe bồn chở xăng dầu 22 khối HYUNDAI HD320 mới 100%.	11,50%	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	**800.000.000.000**	**42.560.127.000**	**59.516.176**	**63.056.573.432**	**905.676.216.608**
Lãi trong năm	-	-	-	8.287.009.671	8.287.009.671
Tại ngày 01/01/2024	**800.000.000.000**	**42.560.127.000**	**59.516.176**	**71.343.583.103**	**913.963.226.279**
Lãi trong năm	-	-	-	2.435.388.079	2.435.388.079
Tại ngày 31/12/2024	**800.000.000.000**	**42.560.127.000**	**59.516.176**	**73.778.971.182**	**916.398.614.358**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2024 ngày 29/06/2024 đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Ông Trần Văn Mười	100.000.000.000	12,50%	100.000.000.000	12,50%
Cổ đông khác	700.000.000.000	87,50%	700.000.000.000	87,50%
Cộng	**800.000.000.000**	**100%**	**800.000.000.000**	**100%**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	800.000.000.000	800.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	800.000.000.000	800.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**80.000.000**	**80.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**80.000.000**	**80.000.000**
- Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	80.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**80.000.000**	**80.000.000**
- Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	80.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	204,90	5.270,90

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán phân bón	293.485.465.000	879.095.750.500
Doanh thu bán xăng, dầu, nhớt các loại	102.655.392.414	146.126.765.212
Cộng	**396.140.857.414**	**1.025.222.515.712**

Doanh thu với bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân bón công nghệ Năm Sao	-	53.942.450.000
Cộng	**-**	**53.942.450.000**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán phân bón	292.888.831.896	846.095.907.389
Giá vốn bán xăng, dầu, nhớt các loại	97.211.066.984	140.404.179.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.393.750	24.454.900
Cộng	**390.107.292.630**	**986.524.541.756**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.065.469	3.589.398
Lãi bán chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư	18.000.000.000	96.452.000.000
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	8.039.075.405
Lãi chậm thanh toán	10.098.367.123	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	247.175.204	153.933.695
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.719.333	9.254.667
Cộng	**28.359.327.129**	**104.657.853.165**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.962.657.538	76.016.457.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.176.223	26.999
Cộng	**35.963.833.761**	**76.016.484.354**

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.278.813.462	806.962.333
Các khoản khác	112.608.448	5.249.930
Cộng	**2.391.421.910**	**812.212.263**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	**4.981.097.674**	**5.852.109.940**
Chi phí nhân công	2.898.325.367	3.511.052.490
Chi phí vật liệu, bao bì	124.895.919	198.723.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	655.625.110	847.578.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.078.758	228.790.492
Chi phí khác	823.172.520	1.065.965.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**(17.831.009.538)**	**38.766.279.452**
Chi phí nhân công	3.432.126.422	3.895.206.806
Chi phí vật liệu quản lý	252.677.007	372.094.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.418.212	122.831.496
Thuế, phí và lệ phí	58.977.974	49.390.885
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(24.441.944.863)	31.668.458.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.838.388	395.474.863
Chi phí khác	2.389.897.322	2.262.822.692
Cộng	**(12.849.911.864)**	**44.618.389.392**

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	377.572.926	570.817.882
Chi phí nhân công	6.330.451.789	7.406.259.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	784.043.322	970.409.606
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(24.441.944.863)	31.668.458.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.917.146	624.265.355
Chi phí khác	3.272.047.816	3.378.178.636
Cộng	**(12.849.911.864)**	**44.618.389.392**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	**9.142.549.873**	**22.233.146.900**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	***24.393.259.095***	***47.297.721.587***
- Cộng: Chi phí lãi vay không được trừ	*21.539.277.565*	*46.101.598.676*
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	*2.853.981.530*	*1.196.122.911*
Thu nhập chịu thuế	**33.535.808.968**	**69.530.868.487**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**6.707.161.794**	**13.906.173.697**
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	39.963.532
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**6.707.161.794**	**13.946.137.229**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**2.435.388.079**	**8.287.009.671**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.435.388.079**	**8.287.009.671**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.000.000	80.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**30**	**104**

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các cá nhân trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao (gọi tắt là "Tập đoàn Năm Sao")	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Năm Sao
Five Star international Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam (Agritour)	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Phân bón công nghệ Năm Sao	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Năm Sao, có chung người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Fivestar Holdings	Bà Trần Thị Hiền là Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty này
Công ty TNHH IIC Sài Gòn	Bà Bùi Thị Hà Lâm là đại diện theo pháp luật của công ty này

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao		
Lãi chậm trả, lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	10.098.367.123	8.039.075.405
Thu hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	354.062.483.336	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	75.000.000.000	357.025.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**4.701.225.540**	**28.443.090.600**
Five Star International Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	4.701.225.540	4.953.640.600
Công ty Cổ phần Phân bón Công nghệ Năm Sao	-	23.489.450.000
Phải thu khác	**306.922.243.787**	**594.635.369.651**
Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao	5.421.294.246	8.171.294.246
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	301.500.949.541	586.464.075.405
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	*299.362.516.664*	*578.425.000.000*
- Lãi chậm thanh toán, lãi hợp tác đầu tư	*2.138.432.877*	*8.039.075.405*

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**851.911.500**	**3.697.071.500**
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp III	-	2.845.160.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	851.911.500	851.911.500
Phải trả nhà cung cấp	**-**	**188.700.000**
Công ty Cổ phần Phân bón công nghệ cao Năm Sao	-	188.700.000
Phải trả khác	**258.000.000**	**258.000.000**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	258.000.000	258.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		**1.624.870.000**	**1.566.301.000**
Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	140.000.000	260.000.000
Ông Đinh Quang Sáng	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)	21.000.000	39.000.000
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên HĐQT độc lập	21.000.000	39.000.000
Ông Mai Quốc Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)	21.000.000	39.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	21.000.000	39.000.000
Bà Bùi Thị Hà Lâm	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024), Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/05/2024; miễn nhiệm ngày 12/12/2024)	529.000.000	-
Bà Trần Thị Hường	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	304.380.000	637.080.000
Ông Đỗ Viết Hà	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024), Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2025); Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/03/2025)	533.490.000	513.221.000
Ông Trần Bá Mai Anh Vũ	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/12/2024; miễn nhiệm ngày 10/03/2025)	2.000.000	-
Ông Trần Duy Toàn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/12/2024)	32.000.000	-
Ban kiểm soát		**260.601.563**	**254.476.833**
Bà Trương Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)	110.601.563	202.476.833
Bà Mai Thị Thanh Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024) / Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)	104.000.000	26.000.000
Bà Nguyễn Thị Cuối	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)	14.000.000	26.000.000
Ông Đoàn Đình Chiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)	16.000.000	-
Ông Phạm Văn Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)	16.000.000	-
Cộng		**1.885.471.563**	**1.820.777.833**

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh

	Số cuối năm					
Chỉ tiêu	**Kinh doanh phân bón**	**Kinh doanh xăng dầu**	**Hoạt động đầu tư (tài chính, hợp tác kinh doanh)**	**Kinh doanh bất động sản**	**Hoạt động khác và phân bổ**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Tài sản ngắn hạn	639.083.482.838	2.806.998.606	301.500.949.541	851.911.500	2.117.813.260	944.243.342.485
Tài sản dài hạn	3.760.472.262	7.307.822.353	23.000.000.000	18.473.717.181	2.681.992.017	52.542.011.796
Tổng tài sản	**642.843.955.100**	**10.114.820.959**	**324.500.949.541**	**19.325.628.681**	**4.799.805.277**	**1.001.585.159.558**
Nợ phải trả	**62.759.622.238**	**8.805.339.400**	**-**	**-**	**13.621.583.562**	**85.186.545.200**

	Số đầu năm					
Chỉ tiêu	**Kinh doanh phân bón**	**Kinh doanh xăng dầu**	**Hoạt động đầu tư (tài chính, hợp tác kinh doanh)**	**Kinh doanh bất động sản**	**Hoạt động khác và phân bổ**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Tài sản ngắn hạn	887.897.165.358	2.827.410.308	229.439.075.405	851.911.500	3.976.215.398	1.124.991.777.969
Tài sản dài hạn	4.232.888.249	7.629.663.392	425.025.000.000	18.473.717.181	2.186.797.707	457.548.066.529
Tổng tài sản	**892.130.053.607**	**10.457.073.700**	**654.464.075.405**	**19.325.628.681**	**6.163.013.105**	**1.582.539.844.498**
Nợ phải trả	**543.538.140.547**	**9.570.007.407**	**106.002.402.941**	**-**	**6.131.567.324**	**665.242.118.219**

Thông tin về doanh thu, chi phí theo từng lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Kinh doanh phân bón	Kinh doanh xăng dầu	Hoạt động đầu tư	Phân bổ	Cộng
Năm 2024					
Doanh thu	293.485.465.000	102.655.392.414	-	-	396.140.857.414
Giá vốn	292.896.225.646	97.211.066.984	-	-	390.107.292.630
Doanh thu tài chính	-	-	28.098.367.123	260.960.006	28.359.327.129
Chi phí tài chính	33.342.600.922	2.621.232.839	-	-	35.963.833.761
Chi phí bán hàng	3.219.766.642	1.761.331.032	-	-	4.981.097.674
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(24.441.944.863)	-	-	6.610.935.325	(17.831.009.538)
Thu nhập khác	-	-	-	255.001.767	255.001.767
Chi phí khác	-	-	-	2.391.421.910	2.391.421.910
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.531.183.347)	1.061.761.559	28.098.367.123	(8.486.395.462)	9.142.549.873
Năm 2023					
Doanh thu	879.095.750.500	146.126.765.212	-	-	1.025.222.515.712
Giá vốn	846.120.362.289	140.404.179.467	-	-	986.524.541.756
Doanh thu tài chính	-	-	104.491.075.405	166.777.760	104.657.853.165
Chi phí tài chính	35.810.358.226	1.387.626.128	38.818.500.000	-	76.016.484.354
Chi phí bán hàng	3.914.447.785	1.937.662.155	-	-	5.852.109.940
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.668.458.617	-	-	7.097.820.835	38.766.279.452
Thu nhập khác				324.405.788	324.405.788
Chi phí khác				812.212.263	812.212.263
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.417.876.417)	2.397.297.462	65.672.575.405	(7.418.849.550)	22.233.146.900

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại cho phù hợp. Chi tiết như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã công bố	Số trình bày lại	Chênh lệch
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(104.787.853.165)	(8.172.664.803)	(96.615.188.362)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(275.388.408.028)	(267.349.332.623)	(8.039.075.405)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	340.200.000.000	(340.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(454.578.354.158)**	**(9.724.090.391)**	**(444.854.263.767)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	340.200.000.000	-	340.200.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.657.853.165	3.589.398	104.654.263.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**434.151.089.984**	**(10.703.173.783)**	**444.854.263.767**

Bình Thuận, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trương Thùy Linh	Nguyễn Văn Thủy	Đỗ Viết Hà

BINH THUAN AGRICULTURE SERVICES JSC

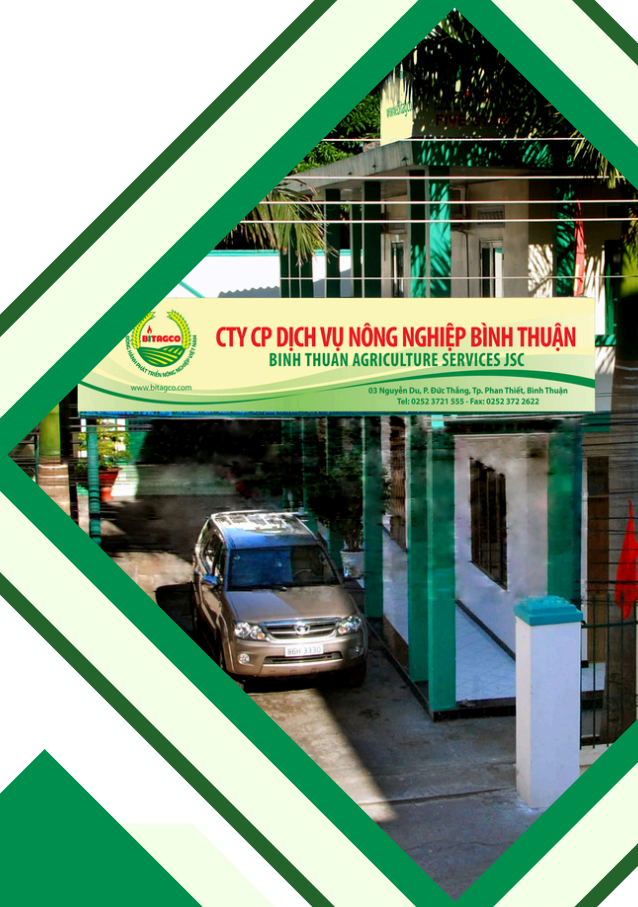

2024

ANNUAL REPORT

MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD

MR. TRAN VAN MUOI
CHAIRMAN OF THE BOARD

Dear Valued Shareholders, Partners, and Employees,

In 2025, the global economy continues to undergo adjustments following extended periods of volatility in recent years. Emerging trends such as digital transformation, sustainable development, artificial intelligence, and flexible supply chains are reshaping the entire market landscape. Meanwhile, geopolitical instability and climate change remain significant risk factors. Amid this context, Vietnam is gradually recovering and asserting its role as a key link in the global supply chain, with its economic growth expected to rebound positively thanks to macroeconomic stability and robust public investment policies—especially in the field of high-tech agriculture.

Entering 2025 with the message "Driving Innovation – Steadfast into the Future," the Board of Directors, together with the Executive Board and all employees, is committed to continuing the journey of comprehensive innovation and sustainable development, focusing on three strategic pillars:

1. Digital transformation and automation in production and business operations: Leveraging new technologies to improve operational efficiency, ensure information transparency, enhance customer experience, and optimize the supply chain.
2. Restructuring of governance and investment portfolio: Reinforcing agriculture as the core sector while expanding into real estate, biofuels, and logistics to build a resilient multi-sector foundation.
3. Development of high-quality human resources: Training a new generation of leaders, establishing fair incentive mechanisms, and fostering an innovative working environment that places people at the center of all growth strategies.

We understand that no success comes easily. On the road ahead, what matters most is not only a far-sighted vision but also the courage to act, unity of purpose, and steadfast determination. Bitagco remains committed to upholding its core values: Integrity – Responsibility – Innovation – Solidarity with Farmers and Communities. We are dedicated to protecting and harmonizing the sustainable interests of shareholders, customers, partners, and employees alike.

With the trust, dedication, and continued support of the Bitagco team, I am confident that we will not only overcome every challenge but also conquer new milestones and go further on our journey to becoming one of Vietnam's leading multi-sector economic groups.

Sincerely,
Wishing you health, success, and prosperity!

CHAIRMAN OF THE BOARD

TRAN VAN MUOI

INDEX

I. General Information

1. General information
2. Business lines and locations of the business
3. Information about governance model, business organization and managerial apparatus
4. Development orientations
5. Risks

II. Operational in the Year

1. Situation of production and business operations
2. Organization and Human resource
3. Investment activities, project implementation
4. Financial situation
5. Shareholders structure, change in the owner's equity
6. Environment- Social- Governance (ESG) report of the Company

III. Report and Assessments of the Board of Management

1. Assessment of operating results
2. Financial situation
3. Improvements in organizational structure, policies, and management
4. Development plans in future
5. Explanation of the Board of Management for auditor's opinions
6. Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

IV. Assessment of the Board of Directors on the Company's operation

1. Assessment of the Board of Directors on the Company's operation
2. Assessment of the Board of Directors in Board of Management performance
3. Plans and orientations of the Board of Directors

V. Corporate Governance

1. Board of Directors
2. Board of Supervisors
3. Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

VI. Financial Statements

1. Audit opinion
2. Financial statements subject to audit

KEY FINANCIAL INDICATORS

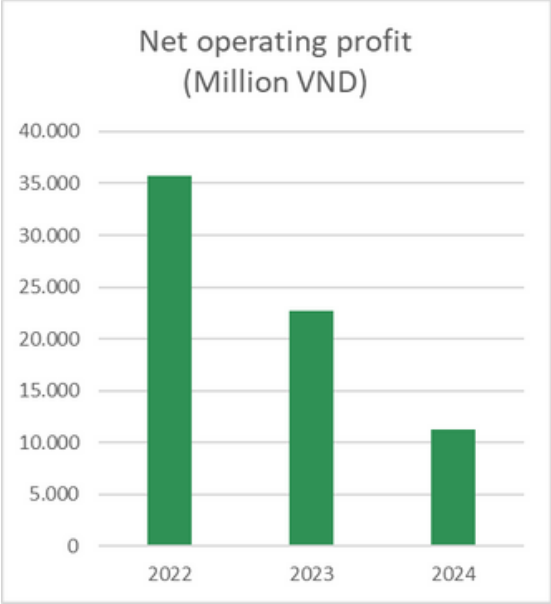

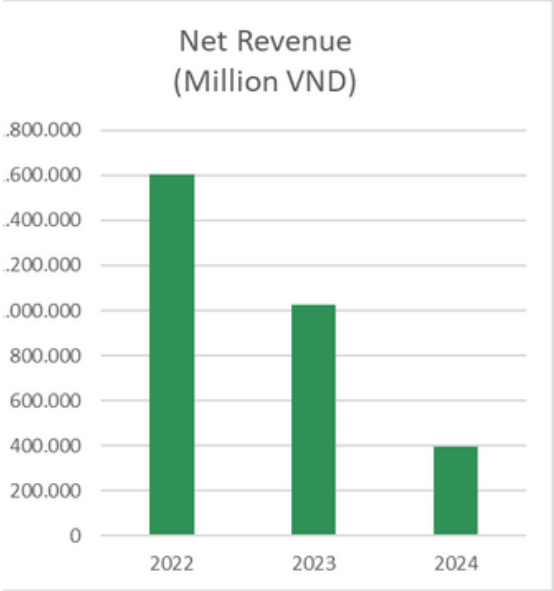

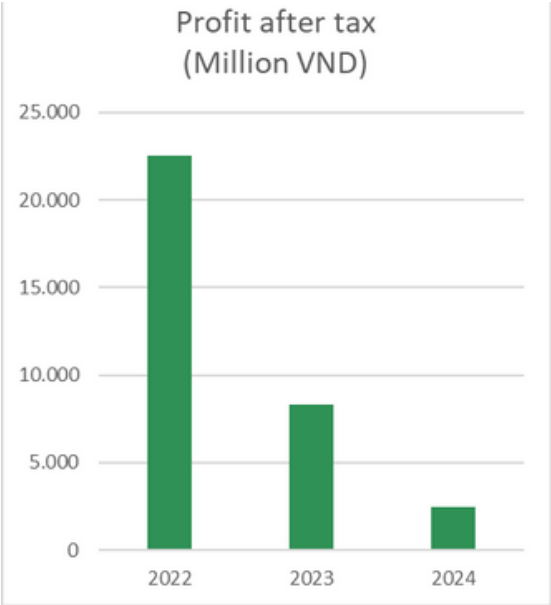

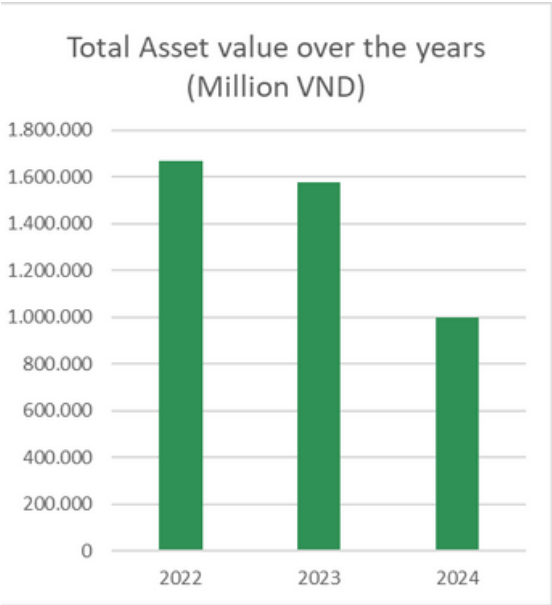

GENERAL INFORMATION

1 General information

2 Business lines and locations of the business

3 Information about governance model, business organization and managerial apparatus

4 Development orientation

5 Risks

GENERAL INFORMATION

Trading name	Binhthuan Agriculture Services Joint Stock Company
Business registration certificate number	Business Registration Certificate No. 3400382278 by the Department of Planning and Investment of Binh Thuan Province, first issued on May 11, 2004, and subsequently amended from time to time.
Chartered capital	800.000.000.000 VND
Owner's capital	800.000.000.000 VND
Address	No. 03 Nguyen Du, Lac Dao Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province
Telephone	(+84) 2523 816 823
Fax	(+84) 2523 814 599
Website	http://bitagco.com
Securities code	ABS

TITLES AND CERTIFICATES

Thanks to these efforts, coupled with a dedicated leadership team possessing a strategic vision and a group of enthusiastic, responsible staff, BITAGCO has garnered significant appreciation from provincial departments throughout its operations and has received numerous certificates of merit and awards, including:

Certificate of Excellence from the Prime Minister
For his accomplishments in professional endeavors and contributions to the advancement of socialism and the defense of the homeland during the years 2006-2008.

Certificate of Merit from the Central Committee of the Vietnam Young Entrepreneurs Association.
For exemplary accomplishments in production and business development, as well as involvement in youth entrepreneurship initiatives in Binh Thuan province in 2007.

Certificate of Merit from the Central Committee of the Vietnam Young Entrepreneurs Association.

Owing to accomplishments in brand and product development during the era of international economic integration.

Typical brand of the Southeast region and recipient of the Southeast Golden Star Award in 2008

Certificate of Merit from the Binh Thuan Provincial Business Association
For accomplishments in the operation and advancement of the Binh Thuan Provincial Business Association.

Certificate of Merit from the Executive Committee of the Binh Thuan Province Farmers' Association in Vietnam
For achieving success in the 10th emulation movement of farmers in production and exemplary business practices in Binh Thuan province in 2022.

ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT PROCESS

1975

In the context of national development following the war, Thuan Hai Agricultural Materials Company was established as the predecessor of Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company, commonly known as BITAGCO. Its objective is to supply essential products for agricultural production, including fertilizers, rice seeds, and pesticides, to the provinces of Binh Thuan and Ninh Thuan.

As a prominent state-owned enterprise garnering attention from the provincial Party Committee, the Company initially operated on a large scale, employing 150 staff members and maintaining a network of 11 agricultural material stations across various districts, towns, and offices.

1993

The company has been rebranded as Binh Thuan Agricultural Materials Company.

2004

The company underwent equitization and was renamed Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company. Throughout its development, the company consistently surpassed the established planning targets and was classified as a Class IV enterprise by the People's Committee of Binh Thuan Province.

2006

The year represented a significant turning point as Five Star International Group Joint Stock Company opted to repurchase the majority of shares, thereby becoming a strategic shareholder of BITAGCO.

2018

The State Securities Commission has approved the designation of a public company in accordance with Official Dispatch No. 8158/UBCK-GSĐC, dated December 12, 2018.

2019

The Vietnam Securities Depository Center has approved the securities depository in accordance with Securities Registration Certificate No. 12/2019/GCNCP-VSD, dated March 15, 2019.

Now

BITAGCO's new journey now embraces a skilled leader - a quintessential Vietnamese entrepreneur - Mr. Tran Van Muoi, an experienced figure in the agricultural services sector, vice president of the Vietnam Fertilizer Association, and the individual who has successfully guided the Five Star Fertilizer brand for many years.

Recognizing and empathizing with the challenges faced by farmers, businessman Tran Van Muoi consistently strives to establish core values for the company characterized by integrity and commitment through each product, while also developing more practical offerings.

ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT PROCESS

25/12/1975	Establishment of Thuan Hai Agricultural Supplies Company
1993	Renamed to Binh Thuan Agricultural Materials Company.
2004	Binh Thuan Agricultural Materials Company transitioned its ownership structure from a State-owned Enterprise to a Joint Stock Company. The State retains 47,353 shares out of 54,588 shares, representing 86.75%.
2006	The State transfers all capital to the Company.
2007	Increased charter capital to 8.5 billion VND.
2008	In 2008, the charter capital was increased to 15 billion VND.
2012	Increase charter capital to 20 billion VND.
2016	Increased charter capital to 288 billion VND.
12/12/2018	ABS has received approval from the State Securities Commission for its public company profile.
27/12/2019	ABS has received approval for listing on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.
18/03/2020	ABS shares are officially listed on the stock market.
2021	Increased charter capital to 800 billion VND. Announced involvement in the development of the most opulent real estate project in Vung Tau City, specifically the Fivestar Odyssey 5-star hotel and resort apartment project in collaboration with Five Star Group, with a total investment exceeding 5,000 billion VND.
2022	Announcing the Five Star Eco City Urban Area project, encompassing a total planning area of up to 650 hectares, featuring three subdivisions. This initiative officially inaugurates the primary thoroughfare linking the subdivisions of Phase 1, Lucky Land, and Phase 2, Golden Land.
2023	Investment collaboration for a new high-rise residential development in the Five Star Eco City Urban Area, with a total project investment of VND 2,510,206,000,000.
2024	The company is increasing the import of fertilizer materials from overseas, strengthening fertilizer distribution in the Central and Southeast regions, enhancing the petroleum system, and optimizing land resources in Binh Thuan.

Business lines and locations of the business

The main business lines accounting for over 10% of the Company's total revenue in the past two years

No.	Industry designation	Industry code
1	Other specialized wholesale not elsewhere classified Details: wholesale of fertilizers, pesticides, and various chemicals utilized in agriculture.	4669 (main)
2	Wholesale of solid, liquid, and gaseous fuels, along with associated products. Details: wholesale of petroleum and other related commodities.	4661

Specify major locations of business

- Fertilizer business: The primary operational regions include the Southeast, South Central, and Central Highlands, encompassing the provinces of Binh Thuan, Ninh Thuan, Khanh Hoa, Phu Yen, Binh Dinh, Ho Chi Minh City, Long An, and extending sales to the neighboring country of Cambodia.
- Petroleum industry sector: Primarily functioning in Binh Thuan province.

Business activities of the company

Bitagco Company was founded with the primary objective of supplying essential agricultural products, including fertilizers, rice seeds, and pesticides, to the provinces of Binh Thuan and Ninh Thuan.

Since 2006, the production and business activities of the company have experienced significant growth, attributed to the financial and technological investments made by the Five Star International Group. The company has engaged in the distribution of gasoline, oil, and lubricants, as well as warehouse leasing and real estate investment partnerships.

With over 40 years of experience in the distribution of agricultural supplies, Bitagco has cultivated a substantial base of loyal customers. Furthermore, the company consistently refines its sales strategies and preferential policies to bolster its competitiveness within the industry.

Bitagco is presently one of the largest fertilizer distributors in the region. The suppliers of raw materials for Bitagco are all reputable and established enterprises in the market, including Five Star International Group Joint Stock Company, Five Star High-Tech Fertilizer Joint Stock Company, and Lam Thao Super Phosphate and Chemical Joint Stock Company, among others. Consequently, the product supply undergoes inspection, quality is assured, and risks are mitigated.

The company also engages in the trade of various agricultural materials for production, including pesticides, insecticides, and fungicides.

Bitagco consistently upholds the principles of "**sincerity, transparency, and exceptional friendliness towards all customers.**"

HIGH-TECH SPECIALIZED FERTILIZER PRODUCTS - ECO-FRIENDLY

The agricultural successes of the South Central region, particularly in Binh Thuan, are marked by a diverse array of high-yield crops. Central to these achievements is the significant yet understated role of Bitagco, which facilitates the distribution of agricultural products that are not only of superior quality and competitively priced but also adaptable to various crop types and farming practices.

In recent years, companies supplying products to Bitagco have upgraded their machinery and production lines, emphasizing quality enhancement, diversification of product types, and adaptation to various crops. This development particularly benefits the company by enabling it to deliver high-quality products, sustain a stable customer base, and achieve growth over the years.

For many years, farmers have consistently relied on Nam Sao fertilizer for high-value industrial and agricultural crops, renowned for its exceptional efficacy. In particular, in Binh Thuan, the local community places its trust in and utilizes the specialized fertilizer in the formulation of one grain 20-20-15+TE (Violet Plus), exclusively distributed by ABS, for Dragon Fruit, the region's primary economic crop.

After more than 45 years of development, Bitagco has established its reputation as a leading brand in Binh Thuan and neighboring provinces. What began as a business with 150 employees and 11 agricultural material stations has evolved into a comprehensive agricultural material distribution network across the South Central Coast and the Central Highlands. The company now operates 8 branches and over 500 distribution agents, facilitating the consumption of approximately 50,000 tons of fertilizer annually and supplying around 10 million liters of gasoline to individuals and businesses throughout Binh Thuan province, as well as Ninh Thuan, Khanh Hoa, Phu Yen, and Binh Dinh. This growth has raised the total charter capital to 800 billion VND.

Certain fertilizer products distributed by Bitagco

STRATEGIC PARTNER, SIGNIFICANT FERTILIZER PROVIDER

The company serves as the exclusive distributor of fertilizer products for Nam Sao Group, which operates a fertilizer manufacturing facility with an annual capacity of 600,000 tons. These products are distinguished by their high quality, developed through extensive research conducted by a Council of Scientists and leading experts, resulting in a modern, advanced, and safe supply chain. Furthermore, the company is a prominent distributor for Southeast Petroleum Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company (Phu My Fertilizer), Lam Thao Super Phosphate and Chemicals Joint Stock Company, Ca Mau Fertilizer Company, Vinacam Joint Stock Company, and Van Dien Fused Phosphate Fertilizer Joint Stock Company, among others.

PETROLEUM SECTOR

Bitagco has transformed its agricultural success into a foundation for development in new sectors. Energy, trade, and transportation are the lifeblood of society, serving as essential components that drive economic growth and determine the prosperity of an entire region.

Recognizing the significance of this factor, Bitagco persists in its investments in the petroleum sector, operating a network of five stores that distribute gasoline, oil, and various lubricant products. These stores are strategically situated along key routes, including National Highway 1A, National Highway 28, and National Highway 55, facilitating wholesale distribution to Binh Thuan province and surrounding regions, thereby ensuring a reliable supply for both road and waterway transportation.

Water supports thousands of fishing vessels in accessing traditional fishing grounds, remaining offshore, and safeguarding sovereignty.

Furthermore, to enhance profitability, the Company redistributes gasoline to smaller private dealers.

PETROLEUM SECTOR

PETROLEUM STATION NO. 9
No. 301, 19/4 Street, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Area: 2,247 m²
- **Number of pump stations: 5 stations**
- **Capacity: 115 m³**

Km29 Petroleum Store
Lap Hoa Quarter, Thuan Nam Town, Binh Thuan Province
Area: 868.8 m²
- **Number of pump stations: four stations**
- **Capacity: 37 m³**

THUAN HOA PETROLEUM OUTLET
QL 28, Dan Tri Village, Thuan Hoa Commune, Ham Thuan Bac District, Binh Thuan Province
Area: 4,897 m²
- **Number of pump stations: 3 stations**
- **Capacity: 24 m³**

NGA BA GOP PETROLEUM STORE
Village 3, Hong Son Commune, Ham Thuan Bac District, Binh Thuan Area: 1,196.6 m²
- **Number of pump stations: 4 stations**
- **Capacity: 57 m³**

THANG HAI PETROLEUM OUTLET
QL 55, Thang Hai Village, Thang Hai Commune, Ham Tan District, Binh Thuan Province
Area: 1,439 m²
- **Number of pump stations: four stations**
- **Capacity: 50 m³**

PETROLEUM SECTOR

The Company's petroleum products are procured from Petrolimex Group, PV Oil, and Dong Thap Petroleum Trading Company Limited (PETIMEX), and are distributed through the Company's gas stations as well as wholesale to smaller agents in Binh Thuan province and its neighboring areas. Currently, the Company operates five gas stations with a total storage capacity of approximately 283m3, capable of consuming over 10 million liters of gasoline, oil, and lubricants annually, which represents about 10% of the total 61 gas stations currently in Binh Thuan province.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI XĂNG DẦU

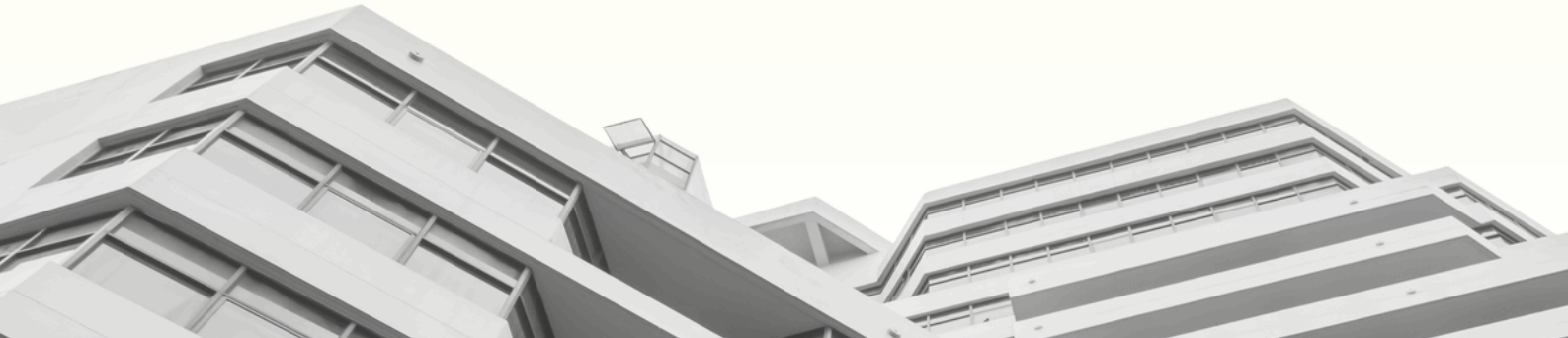

Binh Thuan Agriculture and Service Joint Stock Company - BITAGCO is presently leasing spaces for docks and warehouses.

PETROLEUM STATION NO. 9 PARKING FACILITY
QL 1A, 19/4 Street, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Area: 2,247 m²

Dock

The company leases the parking area of Gas Station No. 9 for use as a parking facility, car wash, and gas station for Mai Linh Taxi and International Taxi.

- Address: 19/4 Street, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province
- Area: 2,247 square meters

HAM MY WAREHOUSE
Phu Sum Village, Ham My Commune, Ham Thuan Nam District, Binh Thuan Province
Area: approximately 15,000 m²
Capacity: approximately 10,000 tons

Treasure

The company leases warehouses to agricultural enterprises for the collection and distribution of agricultural products.

- Warehouse No. 1, located in Phu Sum Village, Ham My Commune, Ham Thuan Nam District, Binh Thuan Province, encompasses an area of approximately 15,000 m² and has a capacity exceeding 10,000 tons.
- Warehouse No. 2, located in Lien Huong Town, Tuy Phong District, Binh Thuan Province, encompasses an area of 492 square meters.

ESTATE DEVELOPMENT ACTIVITIES

In August 2024, the Company conducted a review and evaluation of the investment efficiency of ongoing real estate projects. Based on this, it liquidated its investment in the High-Rise Residential Project within the Five Star Eco City ecological urban area. At the beginning of 2025, the Company also completed the liquidation of land use rights transfer agreements and contracts for the purchase of future-formed housing in this area. As of the reporting date, the Company no longer engages in any real estate investment projects within its asset portfolio.

The aforementioned restructuring of the real estate investment portfolio is part of a strategy to centralize resources and optimize capital utilization in the context of a real estate market that still harbors many potential risks, particularly volatility in legal frameworks, interest rates, and market liquidity.

In the upcoming period, the Company has decided to temporarily refrain from launching new real estate projects and will instead focus on closely monitoring market developments, seeking and researching investment opportunities with high potential returns, transparent legal status, and alignment with long-term development orientation. Simultaneously, the Company will gradually improve its investment risk assessment and control system to ensure greater proactivity and flexibility in re-entering the real estate sector when market conditions are favorable.

ABS is committed to maintaining a prudent, efficient, and sustainable investment approach, using intrinsic value and economic efficiency as the basis for all investment decisions. The real estate sector continues to be considered one of the long-term strategic directions when sufficient favorable market and policy factors converge.

INFORMATION ABOUT GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION AND MANAGERIAL APPARATUS

GOVERNANCE MODEL

Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company is organized and operates in accordance with the Enterprise Law; the Charter on Organization and Operation of Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company; and other relevant legal documents.

Diagram 1: Organizational Structure of the Company as of December 31, 2023

Headquarters of Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company:
+ Address: No. 03 Nguyen Du, Lac Dao Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province
+ Phone: +84 2523 816 823 - Fax: +84 2523 814 599
+ Website: http://bitagco.com
+ Email: dvnnbinhthuan@gmail.com

Subsidiaries: As of December 31, 2023, the Company does not possess any subsidiaries.

Branches: operating under the authorization of Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company and dependent accounting consist of eight branches:

- Agricultural Materials Business Division I
- Agricultural Materials Division II
- Agricultural Materials Division III
- Agricultural Materials Division IV
- Branch in Ninh Thuận Province
- Branch in Phu Yen, Branch in Binh Dinh Province
- Branch in Long An Province

and five gas stations:

- Gas Station No. 9
- Nga Ba Gop Fuel Station
- Thuan Hoa Fuel Station
- Km29 Service Station
- Thang Hai Fuel Station

Diagram 2: Organizational Structure of the Company

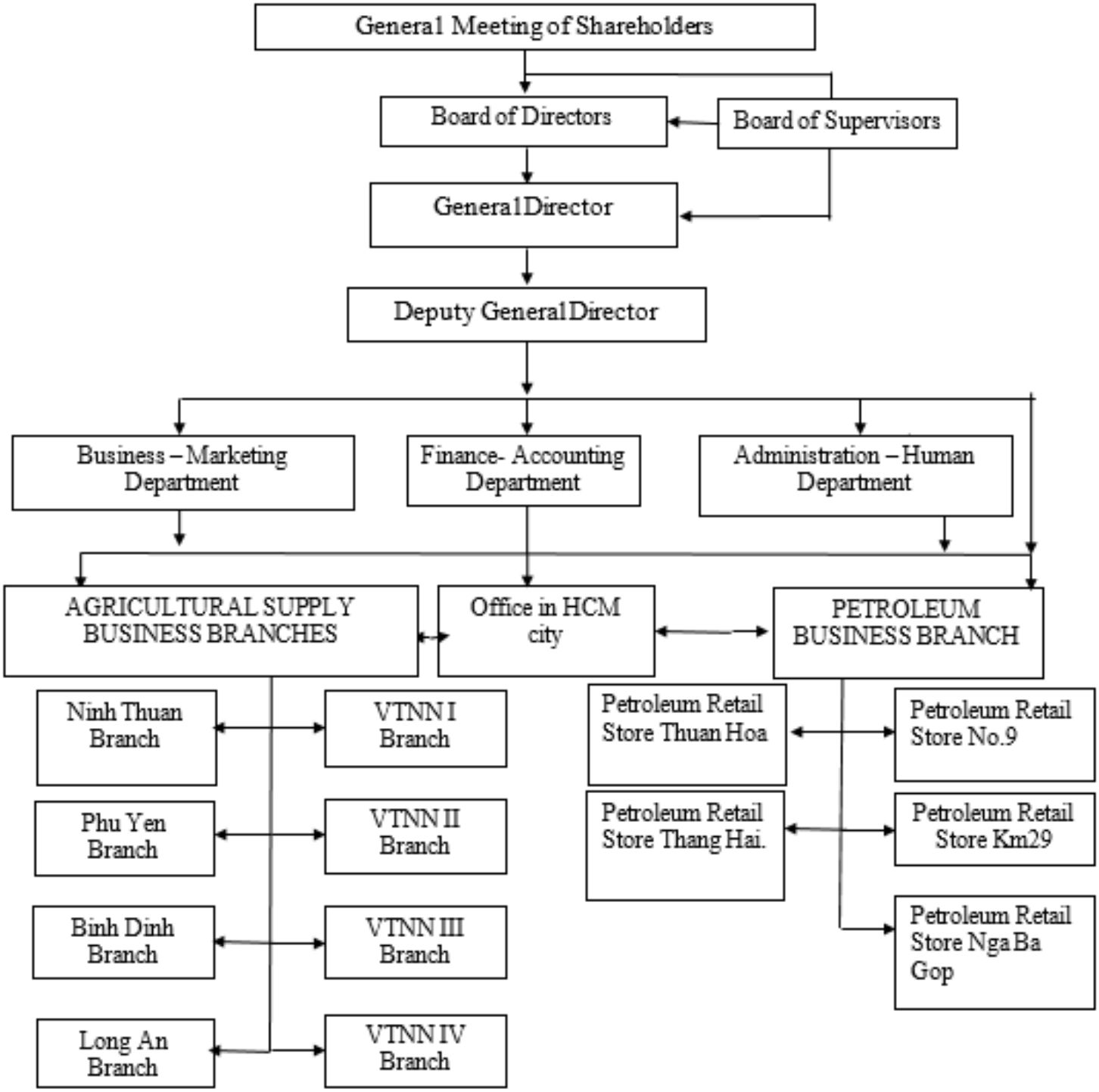

GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

The General Meeting of Shareholders (GMS) represents the supreme authority of the Company, making determinations on issues within the responsibilities and powers outlined by the Company Charter and applicable laws. The GMS possesses the following rights and responsibilities:

- Adopt, modify, and enhance the Charter;
- Approve the company's development plan, annual financial reports, and the reports from the Board of Directors, Board of Supervisors, and Auditors.
- Decision to invest in or divest assets valued at 50% or more of the total asset value as reported in the company's latest financial statement;
- Decision to restructure and dissolve the Company;
- Elect, dismiss, or remove members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- Determine the number of members on the Board of Directors.
- Additional rights are delineated in the Company Charter.

BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors (BOD) serves as the governing body of the Company, comprising five members who possess full authority to make decisions pertaining to the Company's objectives and interests, with the exception of matters reserved for the General Meeting of Shareholders. The BOD is endowed with the following rights:

- Determine the organizational structure and framework of the Company.
- Determine the Company's investment and development strategy in accordance with the strategic objectives ratified by the General Meeting of Shareholders.
- Appoint, dismiss, remove, and oversee the activities of the Board of Directors;
- Proposing amendments to the Charter, annual business performance reports, financial statements, annual settlements, profit distribution plans, development strategies, production and business development plans, and annual budgets for submission to the General Meeting of Shareholders;
- Proposing the reorganization, dissolution, or bankruptcy of the corporation;
- Convene and oversee the preparation of content and agenda for the General Meeting of Shareholders.
- Proposing the restructuring or dissolution of the company.
- Additional rights are delineated in the Charter.

The composition of the Company's Board of Directors as of December 31, 2024, is as follows:

NO	Name	Position	Member type
1	Mr. Tran Van Muoi	The Chairman of BOD	Non-executive
2	Mrs. Tran Thi Hien	Member of BOD	Independent
3	Mrs. Bui Thi Ha Lam	Member of BOD	Non-executive
4	Mr. Do Viet Ha	Member of BOD	Executive
5	Mrs. Vu Thi Hai	Member of BOD (Resigned on October 4, 2024)	Independent

BOARD OF SUPERVISORS

The Board of Supervisors (BOS), elected by the General Meeting of Shareholders, comprises three members who represent shareholders in overseeing all management, production, and business activities of the Company. The BOS is accountable to the General Meeting of Shareholders and the law for its actions undertaken in accordance with its rights and obligations, including:

Examine the accounting records and financial statements of the Company, assess the reasonableness and legality of the Company's production, business, and financial operations, and evaluate the execution of resolutions and decisions made by the Board of Directors.

- Submit to the General Meeting of Shareholders a report on the audit of the Company's financial statements, and retain the right to present independent opinions regarding the audit results pertaining to business operations and the activities of the Board of Directors and the Board of Management.
- Request the Board of Directors to convene an extraordinary General Meeting of Shareholders if considered necessary.
- Additional rights are delineated in the Charter.

The composition of the Company's Board of Supervisors as of December 31, 2024, is as follows:

NO	Name	Position
1	Mrs. Mai Thi Thanh Hai	Head of the Board of Supervisors
2	Mr. Doan Dinh Chien	Member of BOS
3	Mr. Pham Van HieN	Member of BOS

BOARD OF MANAGEMENT

The Company Director is appointed by the Board of Directors, is overseen by the Board of Directors, and is accountable to the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the law for the execution of assigned rights and responsibilities.

The composition of the Company's Board of Directors as of December 31, 2024, is as follows:

NO.	Name	Position
1	Mr. Tran Ba Mai Anh Vy	GeneralDirector
2	Mr. Do Viet Ha	Deputy General Director
3	Mr. Tran Duy Toan	Deputy General Director

Note: As of March 14, 2025, and up to the present, Mr. Do Viet Ha holds the position of Director of the Company.

FINANCE - ACCOUNTING DEPARTMENT

This is a functional department that advises and assists the Board of Management in the areas of Finance – Accounting – Credit of the Company; it helps the Board of Directors and the Director control the economic activities within the Company in terms of currency, according to the State's and the Company's economic management regulations. This department includes: Chief Accountant, Deputy Head of Department in charge of synthesis, Inventory Accountant, Payment – Banking Accountant, Cashier, and Petroleum Accountant.

BUSINESS – MARKETING DEPARTMENT

This is a specialized professional unit within the Company's organizational structure, operating under the direction of the Director and the direct guidance of the Deputy Managing Director. The Business – Marketing Department includes: Head of Business Department, Deputy Head of Business Department, Branch Managers, Marketing Staff, Sales Staff, Brand Promotion Staff, Delivery Staff, General Statistics Staff monitoring sales and receivables, Warehouse Staff, and Drivers.

ADMINISTRATION – HUMAN DEPARTMENT

It is a functional department that provides guidance and support to the Board of Directors regarding the organization, administration, human resource management, and logistics of the Company's production and business activities. It ensures the execution of labor and salary policies, recruitment, training, and overall human resource management. The Administrative - Human Resources Department comprises the Head of the Administrative - Human Resources Department, administrative, clerical, and wage labor staff, security and janitorial personnel, and drivers.

PETROLEUM BRANCHES

Including: Deputy Head of the Sales Department responsible for petroleum; Petroleum Accountant; five petroleum stores: Petroleum Store No. 9; Petroleum Store Nga Ba Gop; Petroleum Store Km29; Petroleum Store Thuan Hoa; Petroleum Store Thang Hai.

Functions and responsibilities of the Petroleum Branch:

- The petroleum sector is tasked with formulating detailed annual, quarterly, and monthly business plans for each product in alignment with organizational needs.
- - Establish a network of agents, retail, and wholesale clients in accordance with market mechanisms;
- Proactively identify sources of goods, coordinate the reception, transportation, and storage in accordance with Company regulations. Oversee and manage the network of stores and agents, respond promptly to goods, reconcile financial transactions related to goods and debts, and actively recover capital in compliance with Company policies. Prevent agents and customers from misappropriating capital, which could adversely impact the operational efficiency of the unit.
- Accountable for coordinating the initiation of books to oversee and report in accordance with the regulations of the Finance and Accounting Department as well as the Sales and Marketing Department;

- Implement measures to safeguard residences, storage facilities, finances, merchandise, materials, and assets to avert loss or fire.

SUBSIDIARIES, ASSOCIATED COMPANIES

As of December 31, 2024, the Company had no subsidiaries and no affiliated companies.

DEVELOPMENTAL ORIENTATIONS

MAIN OBJECTIVES OF THE COMPANY

Business development orientation

With the mission of providing high-quality fertilizers and petroleum products, ensuring reliable original sources, timely supply, and reasonable prices,Bitagcooptimizes its business operations by increasing investment in the warehouse system, machinery, and transportation vehicles to enhance distribution efficiency, bring the best benefits to shareholders, and actively contribute to the sustainable development of the national economy.

In the context of 2024, when business operations were negatively affected by both internal factors and macroeconomic fluctuations, ABS took a cautious approach to reviewing its investment portfolio, including the complete divestment from real estate projects deemed no longer suitable. The Company has temporarily suspended the development of new real estate projects in order to focus resources on operational restructuring and on seeking truly potential, sustainable investment opportunities that can generate high added value in the future.

ABS remains committed to pursuing stable development based on its core business foundation, while gradually and selectively expanding into new areas in alignment with socio-economic development trends, government policies, and actual market demand.

Market objectives

With its established brand and reputation, the company exclusively distributes fertilizers and petroleum products that are of trustworthy origin, consistently high quality, reasonably priced, and environmentally sustainable.

Develop adaptable sales policies that consistently monitor fluctuations in market supply and demand, enabling prompt and suitable adjustments.

Enhancing the customer network of over 500 current distributors spanning from Southeast region, South Central Coast and Tay Nguyen, while consistently seeking and cultivating new markets.

Pursue investment opportunities in real estate, employing business and financial leverage to enhance company revenue.

DEVELOPMENTAL ORIENTATIONS

MAIN OBJECTIVES OF THE COMPANY

Legal Compliance Objective

All production and business activities of the Company are consistently ensured to comply with the regulations of the Law of the Socialist Republic of Vietnam, safeguarding the legitimate rights and interests of shareholders as explicitly outlined in the Company's Charter.

Management, organizational objectives

Refining and solidifying the organization and operations of the Company under the joint stock company model, while enhancing the accountability and initiative of personnel, to ensure stable, sustainable, and long-term development.

Sustain and enhance the current quality management system to fulfill product and quality standards.

Enhance the sales management system, elevate customer service, and refine policies to broaden market reach.

Train affiliate teams, offer sales guidance at dealerships, formulate clear business plans, and accurately evaluate the company's potential and developmental trajectory within the broader market landscape.

Establish a transparent and public financial management system to address the financial information requirements of all stakeholders.

Human Resource Development Goals

The company prioritizes the training of human resources in both quality and quantity. Emphasis is placed on recruiting skilled direct workers, as well as experienced and specialized personnel, to fulfill production demands within the framework of economic integration. Concurrently, the company is committed to rejuvenating its workforce.

Continue to nurture the material and spiritual well-being of staff and workers, implement policies and regulations for employees, and establish conditions that enable everyone to effectively fulfill their responsibilities and tasks.

Profit objective

- Safeguard the interests of shareholders while remaining sufficiently appealing to attract new investors.
- Ensure the plan established by the Board of Directors and ratified by the General Meeting of Shareholders.

DEVELOPMENTAL ORIENTATIONS

DEVELOPMENT STRATEGY IN MEDIUM AND LONG TERM

In the medium to long term, ABS distinctly outlines its developmental trajectory to evolve into a multi-industry enterprise, functioning efficiently and sustainably, by leveraging existing strengths while actively pursuing new market opportunities. Specifically:

- Strengthening and advancing traditional industries, particularly in fertilizer and petroleum trading—sectors that have established a robust foundation for the Company over the years. ABS remains committed to optimizing the supply chain, expanding the distribution network, and diversifying the product portfolio, with a focus on both domestic and export markets.
- Promote the strategy of diversifying into the input material trading sector for fertilizer production to proactively manage supply sources, control quality and costs, and enhance market competitiveness.
- -Prudently seeking opportunities in the sector through investment cooperation, joint ventures, and strategic partnerships with reputable and compatible partners.

ABS will persist in implementing a selective and adaptable investment strategy, emphasizing efficiency and risk management, while progressively solidifying its status as a dynamic multi-industry enterprise with a high degree of adaptability to market fluctuations.

SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS AND ESSENTIAL PROGRAMS PERTAINING TO THE COMPANY'S SHORT- AND MEDIUM-TERM OBJECTIVES

ABS consistently directs the enterprise's development to align economic growth with social responsibility and environmental stewardship. In the short and medium term, the Company establishes sustainable development goals as the foundational principle guiding all production and business activities, thereby creating a robust basis for its long-term development strategy.
Focus in the upcoming period includes:

- Effective growth linked to social responsibility: Business development continues to be a primary objective, as it is essential for the Company to possess the resources necessary to meet its obligations to employees, the community, and stakeholders. ABS is dedicated to harmonizing the interests of shareholders, employees, and society, fostering a safe, healthy, and cohesive working environment.
- Environmental protection in operations: The company persists in executing programs aimed at efficient energy utilization, resource conservation, waste management, and the reduction of environmental impact. ABS collaborates closely with certified waste treatment facilities, fostering environmental awareness across the entire human resources framework.
- Balancing the interests of current and future stakeholders: By formulating adaptable operational policies, implementing effective risk management, and pursuing sustainable growth strategies, ABS seeks to safeguard and enhance shareholder value, foster trust among partners and customers, and simultaneously contribute to the collective advancement of the community and the economy.

Through targeted objectives and action plans, ABS reinforces its position as a sustainable and responsible enterprise, prepared to adapt to contemporary challenges.

RISKS

ECONOMIC RISK

The macroeconomic factors of the economy play a crucial role in the growth process of enterprises. Operational efficiency and business prospects require businesses to adapt promptly to the fluctuations of factors from the business environment. Economic risk is identified as a type of systemic risk arising from macroeconomic factors, in which the fundamental factors affecting business operations are economic growth rate; inflation rate; and interest rate. Analyzing the macroeconomic environment of the economy aims to anticipate the impact level of risk factors on the growth strategy and ensure the operation of the business model.

The economic growth rate is a critical factor that directly influences the growth trajectories of various industries and sectors within the economy. Overall economic growth enhances social consumption demand, stimulates industrial output, and facilitates the expansion of businesses into new product markets. Given that the Company's primary operations involve fertilizer and petroleum trading, fluctuations in the economy and alterations in government macroeconomic policies significantly affect its activities. While the economy has shown recovery and growth compared to the previous year, leading to improvements in consumer demand and production, numerous challenges persist for businesses. To mitigate the risks associated with a potential slowdown in economic growth, the Company has formulated a medium- and long-term development strategy grounded in economic analysis and scenario planning. Consequently, the economic growth rate serves as a vital instrument for the Company in forecasting development strategies for specific periods. In response to any shifts in the global economy, particularly in Vietnam, the Board of Directors consistently engages in analysis and research, proposing targeted actions for each phase of the Company's development. As a result, production and business activities in recent years have remained closely aligned with market demand and have been consistent with the Company's financial capabilities.

inflation will directly or indirectly impact economic actors broadly, particularly the production activities of enterprises. As Vietnam approaches 2025, it will encounter inflationary pressures stemming from various factors. Presently, military conflicts in certain countries are escalating, exhibiting unpredictability and the potential for wider ramifications. Trade competition among major nations is intensifying. Additionally, extreme weather events are significantly affecting the global economy and society. These conditions may disrupt supply chains, elevate transportation costs, influence price volatility of strategic commodities worldwide, and pose risks to energy and food security. Given its highly open economy, Vietnam will experience rapid repercussions from global changes. Consequently, the Government, along with ministries, sectors, and localities, is diligently monitoring global price and inflation trends, providing timely warnings regarding risks that may impact prices and inflation in Vietnam, and implementing appropriate measures to ensure supply and stabilize domestic prices.

THE RISKS

LEGAL RISK

As a Vietnamese enterprise, the operations of Lac DaoBinhthuan Agriculture Services Joint Stock Company are always subject to the regulations of the law, policies, and regulations in Vietnam such as the Enterprise Law, Commercial Law, Investment Law, tax laws, etc. In addition, the Company's shares are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange, so the Company is also subject to the Securities Law and related legal regulations.

SPECIFIC RISK

Weather Risk

The fertilizer production and trading industry has a close relationship with agricultural production activities. Vietnam has a tropical monsoon climate, a region with many favorable climatic and soil factors for agricultural development. However, the climate also frequently changes erratically, directly impacting production activities, thereby directly affecting the fertilizer production and trading industry. The enterprise also suffers considerable impacts from the weather, especially for a business as closely related to agriculture as ABS. Therefore, BITAGCO needs specific remedies suitable for the unique weather conditions in Vietnam.

Risks from Input Material Suppliers

In addition to being a wholesale agent for fertilizers and petroleum products, the Company also engages in fertilizer production. Therefore, price fluctuations and sales policies of raw material suppliers directly affect the production and business operations of the enterprise.

Risks of Global Petroleum Price Fluctuations

In 2024, petroleum prices experienced many fluctuations due to factors such as: Increased oil demand as major economies recovered from the COVID-19 pandemic, while supply was limited due to production cut decisions by OPEC+ and other major producing countries; Conflicts and political tensions in important regions such as the Middle East and Eastern Europe raised concerns about supply security, leading to oil price volatility; Energy transition policies and incentives for renewable energy use in many countries have affected oil demand and prices.

Risk of fluctuations in real estate prices

In 2024, Vietnam’s real estate market showed early signs of recovery, though still weak, with improved liquidity mainly observed in the actual housing segment, while investment projects continued to face significant challenges.

In this context, the Company’s completion of divestment from real estate investments in 2024 has helped mitigate risks associated with price volatility. However, it also reflects that new investment opportunities in this sector must still be considered with caution.

THE RISKS

STOCK PRICE VOLATILITY

Currently, the Company's shares are traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange. The variations in stock prices are influenced not only by the Company's performance but also by numerous other factors, including the execution of information disclosure, the market supply and demand dynamics for the Company's shares, and the overall conditions of the stock market. To mitigate the risks associated with potential stock price fluctuations, the Company has established an Information Disclosure Regulation that delineates the responsibilities of individuals involved in the Company's information disclosure, ensuring the comprehensive and timely adherence to regulations governing Information Disclosure in the stock market.

ADDITIONAL RISKS

Risks such as earthquakes, natural disasters, storms, floods, and fires are inherent challenges. While these events are infrequent, their occurrence can result in significant damage to property, individuals, and the Company's production and business operations. To mitigate these risks, the Company not only supplies labor and fire prevention equipment but also engages in various insurance programs for its employees.

Part 2:
OPERATIONS IN THE YEAR

1 Situation of production and business operations

2 Organization and Human resource

3 Investment activities, project implementation

4 Financial situation

5 Shareholders structure, change in the owner's equity

6 Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

SITUATION OF PRODUCTION AND BUSINESS OPERATIONS

Result

Due to adverse external factors, the Company's production and business outcomes in 2024 were relatively modest. The Company's net revenue experienced a significant decline of approximately 61.36% compared to the same period last year, failing to meet the established target of VND 800,000 billion. Concurrently, net profit also fell by around 50.36%, leading to a substantial reduction in after-tax profit to approximately VND 2.43 billion, which represents about 16.2% of the set objective.

Significant transformations, substantial variations

F**ertilizer Sector:** In the fertilizer sector, due to the impact of weather conditions, low and unstable agricultural product prices, farmers reducing planting areas and decreasing investment, the demand for fertilizers from farmers decreased. Imported fertilizer products from foreign countries directly competed on price with domestic goods, especially imports from China. Therefore, to maintain market share, the Company had to share profits with the secondary distribution system to retain its traditional distribution market share. During the year, the Company recorded 293 billion VND in revenue for the fertilizer segment, a decrease of 66.6% compared to 2023.

Petroleum Segment: Revenue from the petroleum segment reached approximately 103 billion VND, a decrease of 29.5% compared to 2023. The reasons include the increasingly severe impact of the Russia-Ukraine and Israel-Hamas conflicts leading to a deeper economic recession. The petroleum business sector had lower efficiency compared to previous years due to generally low petroleum discounts, with many periods where discounts were almost 0 VND/liter, and petroleum consumption demand was also not as high as in previous years. Simultaneously, petroleum trading enterprises faced policy inadequacies, especially the policy on the minimum total petroleum supply quota, which required enterprises to ensure a minimum amount of petroleum even if some enterprises had abundant supply and were holding inventory. This led to a decrease in profits.

Implementation status in relation to the plan

Table 2: Implementation actual progress against the plan

Unit: million VND

Indicators	2024		
	Plan	Implementation	% Implement
1. Net Revenue	800.000	396.141	49.5%
2. Profit before tax	25.000	9.143	36.6%
3. Net Profit affter tax	15.000	2.435	16.2%

Reason

In 2024, the Company's production and business operations are influenced by numerous adverse factors within the macro environment and industry.

- **Fertilizer Industry:** With an agricultural population exceeding 50%, the demand for fertilizers in Vietnam remains robust. However, in 2024, the fertilizer industry confronts numerous challenges, including an economic recession prompting reductions in agricultural production, insufficient management policies, and the repercussions of international conflicts alongside significant fluctuations in input material prices.
- **Oil prices:** are projected to decrease in 2024, concluding the year at approximately $70 per barrel, a reduction from over $80 per barrel in July 2024, attributed to diminishing global demand and heightened supply from OPEC+. Nevertheless, oil prices may experience an uptick in 2025 due to geopolitical influences, the global economic outlook, and fiscal and monetary policies. In Vietnam, escalating oil prices elevate production costs, impacting business operations and heightening the risk of inflation, particularly as environmental protection taxes may revert to their maximum levels in 2025.
- **Real Estate Market:** The real estate market in 2024 exhibits signs of recovery, albeit at a modest pace. The total number of properties available for sale has risen by over 40% compared to 2023, yet it remains approximately 7% below the pre-pandemic levels. Liquidity is concentrated on properties with clear legal status that fulfill genuine needs. As real estate is not the Company’s core line of business and the Company is currently seeking new investment opportunities, no revenue was recorded from this segment during the year.

ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCE

List of the Board of Management

List of the Company's Board of Management as of December 31, 2024

No.	Name	Position	Shares owned	Note
1	Mr. Tran Ba Mai Anh Vy	General Director	0 shares	Appointed on December 12, 2024
2.	Mr. Do Viet Ha	Deputy General Director	272 shares	Appointed on December 4, 2024
3	Mr. Tran Duy Toan	Deputy General Director	250 shares	Appointed on December 16, 2024
4	Mr. Nguyen Van Thuy	Chief Accountant	62.250 shares	Appointed on March, 5, 2024

Mr. Tran Ba Mai Anh Vu – General Director
Mr. Vu holds a Bachelor's degree in Economics. He was appointed General Director of the Company from December 12, 2024, to the present time. He has many years of experience in leadership positions at large companies.

Mr. Do Viet Ha – Deputy General Director
Mr. Ha holds a Bachelor of Commerce degree from RMIT University. Mr. Ha also holds a Bachelor's degree in Economics. He was appointed as the Deputy General Director of the Company from December 4, 2021, to the present time. He has many years of experience in various positions at large companies.

Mr. Tran Duy Toan - Deputy Genaral Director
Mr. Toan holds a Bachelor's degree in Accounting. He was appointed as the Deputy General Director of the Company from December 16, 2024, to the present time. He has many years of experience in the fertilizer business sector at large companies.

Mr. Nguyen Van Thuy - Chief Accountant
Mr. Thuy holds a Bachelor's degree in Economics, graduating from Nong Lam University in Thu Duc City, Ho Chi Minh City. He has been working as an accountant for the Company since its inception as a 100% state-owned enterprise, and to date, he has over 25 years of experience in financial accounting.

Number of employees as of December 31, 2024

Indicators	Number (person)	Percentage (%)
Total	40	
Classification by Labor Qualification		
University and Postgraduate Degrees	14	35%
College Degree	4	10%
Intermediate Vocational Certificate	4	10
Vocational Certificate	16	40%
General Labor	2	5%
Classification by Labor Contract Type		
Indefinite-Term Labor Contract	27	67.5%
Fixed-Term Labor Contract (1-3 years)	8	20%
Seasonal Labor Contract	5	12.5%
Classification by Gender		
Male	30	75%
Female	10	25%

Brief information and changes on the employee's policies

- **Recruitment:** Recruitment is conducted in alignment with the Company's development strategy and annual plan. The Company establishes criteria for hiring personnel, prioritizing candidates with university and postgraduate degrees, both domestically and internationally, as well as those possessing strong expertise, experience, and the capability to fulfill the Company's requirements. Enhancing staff quality, attracting top-tier candidates from the market, and investing in the training and development of internal human resources will continue to be the Company's primary focus in 2024.
- **Salary and bonus administration:** Salary and bonus administration is rigorously enforced, adhering to the company's compensation policies as well as legal requirements. All employees receive remuneration commensurate with their job title and performance. The company is committed to enhancing the salary and bonus policies to foster greater employee engagement.
- **Welfare and Welfare Policies:** In addition to strictly adhering to the salary and bonus structures mandated by government agencies and committed to employees, the Company also develops and implements various welfare and benefit programs designed to motivate employees and acknowledge the efforts and contributions of individuals and teams. Beyond the mandatory health insurance program stipulated by social insurance law, employees receive subsidies, gifts during holidays and special occasions, rewards for academic excellence among their children, support for those who are ill, assistance for individuals facing hardships, organization of year-end celebrations, vacations, retirement plans, employee training, and the promotion of cultural, artistic, sports, and community activities.

INVESTMENT ACTIVITIES, PROJECT IMPLEMENTATION

The Phase 2 investment in the Five Star Eco City urban ecological project has been liquidated, resulting in a recovery of VND 132.66 billion. The Company has also planned to recover the remaining amount of VND 299.36 billion in 2025.

MAJOR INVESTMENTS

As of December 31, 2024, the Company possesses no significant investments.

SUBSIDIARIES, AFFILIATES

Subsidiaries: As of December 31, 2024, the Company does not possess any Subsidiaries.

Associated companies: As of December 31, 2024, the Company had no affiliated companies.

FINANCIAL SITUATION

Financial situation

Company's Financial Situation in the 2023 – 2024 period

Unit: VND

Indicators	2023	2024	% Change
1. Total Assets	1.579.205.344.498	1.001.585.159.558	-36,58%
2. Owner's Equity	913.963.226.279	916.398.614.358	0,27%
3. Net Revenue	1.025.222.515.712	396.140.857.414	-61,36%
4. Profit from business activities	22.720.953.375	11.278.970.016	-50,36%
5. Other profits	-487.806.475	-2.136.420.143	-337,96%
6. Profit before tax	22.233.146.900	9.142.549.873	-58,88%
7. Net Profit after tax	8.287.009.671	2.435.388.079	-70,61%
8. Payout Ratio	-	-	N/A

At the end of 2024, BITAGCO's Total Assets reached VND 1,002 billion, a decrease of 36,58% compared to 2023. For the full year, the Company recorded Net Revenue of VND 396,141 billion, down 61,36% year-on-year, and Net Profit from business operations decreased by 50,36%, while Net Profit after tax reached VND 2,435 billion, a decrease of 70,61% compared to the previous year. Compared to the business plan assigned by the General Meeting of Shareholders, the Company did not achieve its target, with the realization rate of Net Profit after tax reaching only 16,2% of the planned figure (VND 15 billion).

The decline in business results in 2024 was due to several unfavorable factors, with the impact of weather, reduced consumption demand, and volatile market fluctuations being the main reasons. In the fertilizer sector, unfavorable weather conditions, low and unstable agricultural product prices led farmers to reduce cultivated areas and decrease investment, resulting in a significant decline in fertilizer demand. Furthermore, competition from imports, especially fertilizers from China with competitive prices, forced the Company to increase support policies for the second-tier distribution system to maintain market share in the traditional distribution channel.

In addition, the petroleum business sector was also negatively impacted by the global economic recession due to the effects of the Russia-Ukraine conflict and the crisis in the Middle East. The near-zero discount per liter, along with a decrease in domestic petroleum consumption demand, significantly lowered the business efficiency of this segment compared to previous years. This continued to put pressure on the Company's total revenue and profit in 2024.

FINANCIAL SITUATION

Major financial indicators

Company's Financial Situation in the 2023 – 2024 period

Indicators	Unit	2023	2024
1. Liquidity Ratios			
Current Ratio: (= Current assets /Short-term debt)	Times	1,69	11,20
Quick Ratio: (= Current assets -Inventories) Short-term debt	Times	1,68	11,18
2. Capital structure Ratios			
Debt / Total assets ratio	%	42.13%	8.51%
Debt/Owner's Equity ratio	%	72.79%	9.30%
3. Operation capability Ratio			
Inventory turnover: (Cost of goods sold/Average inventory)	Times	222.23	139.13
Total asset turnover: (Net revenue/ Average Total Assets)	Times	0.63	0.31
4. Profitability			
Net Profit after tax/ Net Revenue Ratio	%	0.81%	0.61%
Net Profit after tax/ Total Assets Ratio	%	0.91%	0.27%
Net Profit after tax/Total Assets Ratio	%	0.51%	0.19%
Profit from business activities / Net Revenue	%	2.22%	2.85%
Earnings Per Share (EPS)	VND per share	104	30

FINANCIAL SITUATION

Major financial indicators

Liquidity Ratios

The current ratio reflects the Company's ability to convert its assets into cash to pay off short-term liabilities. In 2024, the Company's current ratio significantly increased compared to the previous year (from 1.69 in 2023 to 11.2 in 2024). This improvement was mainly due to a significant reduction in short-term liabilities, especially short-term borrowings and finance lease liabilities, leading to a higher ratio. This indicates that the Company's short-term liquidity position is well secured.

The quick ratio measures the Company's ability to use cash or quickly liquidated assets to immediately settle due or overdue liabilities. The Company's quick ratio rose from 1.68 in 2023 to 11.18 in 2024, primarily due to a 50% decrease in inventory compared to 2023 and a reduction in short-term borrowings and finance lease liabilities within the structure of current liabilities in 2024.

Capital structure Ratios

In the past two years, the Company's liabilities have significantly declined. The inventory turnover and total asset turnover ratios dropped from 42.13% to 8.51% and from 72.79% to 9.30%, respectively, in 2024. The leverage ratio also decreased and remained at a low level.

Operation capability Ratios

In 2024, the Inventory Turnover decreased by almost half compared to 2023, from 222,23 times to 139,13 times. This was due to the challenging business environment, with a sharp decrease in both the Cost of Goods Sold and Inventories of the Company in 2024. The Company's Total Asset Turnover also decreased from 0,63 times to 0,31 times. Overall, the Company's Operating Performance indicators have declined, but not to an excessively low level that would affect the Company's normal operations.

Profitability

The profitability indicators for 2024 also recorded a significant decline due to the negative impact of macroeconomic factors, high cost of goods sold, and the Company's relatively difficult business situation, which affected the Company's profitability performance. The Company's ROA decreased from 1.38% to 0.51%, and the ROE decreased from 0.91% to 0.27%.

SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN THE OWNER'S EQUITY

Shares

- Total shares as of 31/12/2024: 80.000.000 shares
- Including:
- Freely Transferable Common Shares: 80.000.000 shares
- Freely Restricted Transfer Shares: 0 shares
- Types of outstanding shares: Common Shares

Shareholders structure

Shareholders structure as of 31/12/2024

No.	Shareholders	Number of shareholders	Number of Shares Owned	Ownership Ratio
I	**Domestic**	**8.185**	**79.998.733**	**99.99%**
1	Institutional	11	397.684	0.498%
2	Individual	8.174	79.601.049	99.5
3	Preferred shareholders	0		
II	**Foreign**	**4**	**1.267**	**0.0015%**
1	Institutional	1	5	
2	Individual	3	1.262	0.0015%
3	Preferred shareholders	0		
III	**Organization with foreign investors holding over 50% of Charter Capital (*)**			
IV	**State Shareholders**			
	Total		**80.000.000**	**100%**

SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN THE OWNER'S EQUITY

Shareholders structure

List of shareholders holding more than 5% in capital structure as of 31/12/2024

No.	Name	Address	National ID/Passport Number / Date of Issue / Place of Issue	Number of Shares owned	Ownership Ratio
1	Tran Van Muoi			10.000.000	12.5%

- **Change in the Owner's equity:**
  None
- **Transaction of treasury stocks:**
  None
- **Other securities:**
  None

ENVIRONMENT-SOCIAL-GOVERNANCE (ESG) REPORT OF THE COMPANY

ENVIRONMENT IMPACTS

Total direct and indirect greenhouse gas emissions: None

All emission sources (wastewater, exhaust gas) are treated and meet ISO14001:2015 standards before being discharged into the environment. Solid waste and hazardous waste are collected and treated in accordance with the provisions of current Circulars and Decrees.

Initiatives and Measures for Greenhouse Gas Emission Reduction:

- Investing in new, modern, and standardized machinery and equipment, always paying attention to saving electricity and water, reducing emissions and noise in projects, soundproofing, and minimizing smoke, odors, and polluting gases released into the surrounding environment;
- Promoting the Environmental Protection Project in the management of Real Estate projects;
- Creating green products and living spaces close to nature, contributing to environmental protection;
- -Always collaborating with construction contractors to establish internal rules and regulations on environmental protection during construction;
- Jointly with contractors, considering the implementation of technical solutions and construction methods that ensure high safety and environmental protection during construction;
- Organizing inspections and supervision of contractors' compliance with environmental protection regulations during construction. Coordinating with contractors to handle and rectify any non-conformities

COMPLIANCE WITH THE LAW ON ENVIRONMENTAL PROTECTION

Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: None

The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: None

ENVIRONMENT-SOCIAL-GOVERNANCE (ESG) REPORT OF THE COMPANY

MANAGEMENT OF RAW MATERIALS

Total amount of raw materials used for the production and packaging of the organization's main products and services during the year: 2024 was a challenging year for sourcing production materials, so the Company's main strategy was to trade commercial products from manufacturing units.

Report on the percentage of recycled materials used in the production of the organization's main products and services.

The main business sectors of BITAGCO are primarily fertilizers, petroleum, and real estate investment. Therefore, the Company's main raw materials and inputs are Urea, white potash, and some other auxiliary materials. Consequently, the Company does not collect and recycle the products and services it provides.

The management of raw material sources is always a matter of concern and close direction for the Company:

- Implementing the recovery of value after treatment of waste and by-products that can be salvaged and recycled;
- Continuously updating and improving environmental management procedures within the Company in accordance with legal regulations

ENERGY CONSUMPTION

Energy consumption - directly and indirectly:

Direct Energy Consumption: Directly using the local power supply with appropriate capacity. The Company's electricity consumption for the year was approximately 70.000 kWh.

The Company has issued regulations on the consumption norms of raw materials, fuel, and energy per unit of product to control, and at the same time, to foster and encourage employees to come up with initiatives and apply them in production with the aim of saving costs and improving business efficiency.

Coordination with departments within the company is carried out to organize campaigns promoting energy saving and environmental protection.

A proposal has been made to supplement regulations on rewarding and incentivizing employees and staff who actively participate in environmental protection efforts.

Energy savings through initiatives of efficiently using energy

-Installation of energy-saving machinery and equipment.

-Installation of solar-powered lighting systems at stores with frequent electricity usage in their operations.

Reports on Energy Saving Initiatives (providing energy-efficient products and services or using renewable energy); reports on the results of these initiatives: None

WATER CONSUMPTION

Water supply and amount of water used

- The Company's water consumption in 2024 was approximately 2.500 m³. Clean water sources from local water supply plants are used with flow rates appropriate for each specific project.
- Application of electronic devices to monitor water consumption in order to detect leaks and incidents early for timely remediation – preventing loss during water usage.
- In technical design, the use of sensor faucets, faucets with aeration modes during discharge, dual-flush toilets, high-capacity automatic washing machines, etc., to save water in the best possible way.

Percentage and total volume of water recycled and reused

The Company's estimated annual water consumption is approximately 2.500 m³, supplied by local water providers. The Company consistently aims for water conservation and protection through:

- Using water for the right purposes and in a reasonable manner;
- Planning to gradually replace and eliminate outdated vehicles and equipment with high water consumption;
- Currently, the Company has not yet been able to reuse domestic water sources; however, it is in the process of improving and streamlining water usage processes, applying advanced techniques, technologies, and equipment in water exploitation and usage, increasing the potential for water circulation and reuse, and storing rainwater for use... ensuring efficient and economical water usage.

Internal Waste Treatment, meeting solid waste treatment standards, or the Company has a contract with the local authority/public waste treatment company

- The Company has a contract with the local authorities for internal waste treatment. In addition, the Company also has a contract with a specialized unit for collecting solid waste and hazardous waste and consistently has collection plans at its affiliated stores and units.
- The Company does not have a wastewater treatment system before discharging into the drainage system because the Company does not generate wastewater that requires treatment according to regulations

Policies related to employees

Recognizing human resources as the foundation for development, Binhthuan Agriculture Services Joint Stock Company has established and developed a reasonable labor regime and preferential policies for its employees

Number of employees, average wages of workers.
As of December 31, 2024, The number of employees working at the company is 40. The average salary for employees is as follows:

The average salary for employees in 2023 – 2024 period

Year	2023	2024
Average salary (VND/ per month)	10.734.000	11.110.000

Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:
The Company fully implements all regimes and policies for employees in accordance with the law, ensuring stable employment, improving income, and caring for the material and spiritual well-being of its staff. The Company has established a bonus and welfare fund to promptly provide support and encouragement to employees facing difficulties in their lives.
Annually, the Company organizes mid-year and year-end reviews, commendations, and special rewards to encourage and motivate employees who have contributed to the Company. The level of reward depends on the Company's production efficiency and the economic performance of the collective and individual employees. Individuals and units that fail to complete assigned tasks, causing damage to the Company's economy, assets, or reputation, will be specifically reviewed and subject to disciplinary actions, fines, and material compensation in accordance with the collective labor agreement and the Company's internal labor regulations.

Employee training
- Average training hours per year, by employee and by employee category: 40 hours/year.
- Skills development and continuous learning programs to support employees in maintaining employment and career advancement: Employees regularly participate in professional training courses on fire prevention and fighting, occupational safety, environmental protection, sales skills, etc.

The Company's workforce is all trained to meet job requirements according to the recruitment, training, and coaching plan. Annual training and retraining are mainly conducted within the enterprise for the direct simple labor force.

Report on responsibility for local community

MidAutumn Festival gift presentation to disadvantaged children in La Da Commune

On September 13, 2024, the Youth Union of the Rural Clean Water and Environmental Sanitation Center, the Youth Union of the Sub-Department of Fisheries directly under the Youth Union of the Department of Agriculture and Rural Development, together with Binh Thuan Agricultural Services Joint Stock Company, coordinated with the La Da Commune Youth Union to organize a Mid-Autumn Festival gift-giving event for children in La Da Commune

Legal propaganda on drug prevention and control and school violence for Phan Thanh Secondary School students

On November 9, 2024, in collaboration with the Binh Thuan Provincial Police Youth Union, the Company organized the program "Propagating and disseminating laws on drug prevention and control and school violence; Awarding scholarships to studious students" for students of Phan Thanh Secondary School to contribute to popularizing knowledge and helping students better understand the harms of drugs and school violence. Simultaneously, the Youth Union awarded 20 scholarships to disadvantaged and studious students to provide them with more motivation and a foundation for development and learning, provided financial support to 02 disadvantaged youths and children in the locality, including a student with congenital thalassemia being treated at the National Institute of Hematology and Blood Transfusion, and presented 100 gifts to Cham ethnic minority children in Phan Thanh Commune.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Visiting and presenting gifts to religious dignitaries

In addition, the Company collaborated with the Binh Thuan Provincial Police Youth Union to visit and present gifts to Cham ethnic minority religious dignitaries in Phan Thanh Commune to coordinate in mobilizing the masses to actively participate in the fight against and denunciation of crimes and to unite in building an increasingly developed and strong Cham community.

Trao học bổng cho các em trường THCS Hà Huy Tập

Scholarship presentation to students of Ha Huy Tap Secondary School

On the morning of November 25, 2024, Binh Thuan Agricultural Services Joint Stock Company, in collaboration with the Youth Union of Lac Dao Ward, Phan Thiet City, organized a program to award 20 scholarships to studious students from disadvantaged backgrounds in Lac Dao Ward.

ENVIRONMENT-SOCIAL-GOVERNANCE (ESG) REPORT OF THE COMPANY

REPORTS ON ACTIVITIES IN THE GREEN CAPITAL MARKET UNDER THE OVERSIGHT OF THE STATE SECURITIES COMMISSION.

In the securities sector, the capital market is pivotal in transforming Vietnam's economy towards sustainability. Acknowledging the significance of the green capital market in community development, the Company remains committed to researching and analyzing this market. The ongoing provision of a roadmap for the growth of the green capital market encompasses the following steps:

- Establish a green growth strategy: This includes defining development and growth objectives; identifying and evaluating existing green growth plans (if applicable); and assessing the economic, social, environmental, political, institutional, policy, and legal frameworks, as well as their impacts on green growth.
- Sectoral evaluation: Evaluation of green growth potential and requirements to attain economic and developmental objectives; Sectoral investment priorities; Impact assessment of prioritized sectors.
- Policy formulation: Determine ecological standards and requirements; Identify certification bodies and verification methods; Industry; Ecological domains (such as water, agricultural waste, etc.); Ascertain penalties for non-compliance.
- Financing: Offering financing alternatives; Tax evaluation; Distribution between private and public sectors.
- Policy execution: Execute in a pragmatic and efficient manner.

Part 3:
REPORTS AND ASSESSMENTS OF THE BOM

1 Assessment of the operating results

2 Financial Situation

3 Improvements in organizational structure, policies, and management

4 Develop plans in future

5 Explanation of the Board of Management for auditor's opinions

6 Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

ASSESSMENT OF THE OPERATING RESULTS

In 2023, BITAGCO reported a total revenue of VND 1.025.22 billion, reflecting a decline of 36,14% compared to the previous year, alongside a profit after tax of VND 8,287 billion, which decreased by 63,23% year-on-year. For the same year, BITAGCO established a target of net revenue amounting to VND 1,300 billion and a profit after tax of VND 64 billion. Consequently, with a profit of VND 8,287 billion at the conclusion of the 2023 fiscal year, the Company failed to meet the objectives set forth by the General Meeting of Shareholders for the Board of Management, achieving only 12,95% of the annual profit target.

As entering 2024, the Company will persist in formulating a production and business plan aimed at advancing two core business lines: fertilizer trading and petroleum trading. Concurrently, we will enhance our collaboration on real estate projects and conduct research on the Company's existing land holdings, while maintaining a strong focus on investment to achieve significant revenue and profit growth compared to 2023.

For employees: The Company consistently prioritizes both the material and spiritual well-being of its workforce, diligently implements employee policies, regularly initiates emulation movements, organizes training programs, and offers professional development to ensure that employees are competent, confident, and secure in their roles. This approach fosters creativity in business and contributes to the overall advancement of the Company, while also establishing increasingly equitable regulations regarding salary payments and the distribution of salary funds.

Developing a more expansive and pristine office campus to foster a civilized and visually appealing work environment for employees.

Financial Situation

Assets

Status of the Company's Assets

	Indicators	31/12/2023	December 31, 2024
A.	**CURRENT ASSETS**	**1.121.657.277.969**	**946.361.155.745**
I.	**Cash and cash equivalents**	**1.778.084.645**	**118.574.547**
1.	Cash	1.778.084.645	118.574.547
II.	**Short-term financial investments**	**1.046.000**	**1.118.372**
III.	**Current receivables**	**1.115.689.147.876**	**944.124.675.556**
1.	Current trade receivables	910.328.715.037	640.110.438.751
2.	Current advanced payments to suppliers	7.277.474.129	12.499.753.859
3.	Other receivables	244.102.104.115	312.980.815.284
4.	Provision for current bad debts	- 46.098.448.231	- 21.545.862.614
5.	Shortage of assets awaiting solution	79.302.826	79.530.276
IV.	**Inventories**	**3.740.672.972**	**1.867.060.502**
1.	Inventories	3.791.702.872	1.925.484.152
2	Provision for devaluation of inventories	- 51.029.900	58.423.650
V.	**Other current assets**	**448.326.476**	**249.726.768**
1.	Current prepaid expenses	128.492.025	236.063.362
2.	Deductible VAT	319.834.451	-
B.	**NON-CURRENT ASSET**	**457.548.066.529**	**55.224.003.813**
I.	**Non-current receivables**	**357.025.000.000**	-
1.	Other non-current receivables	357.025.000.000	-
II.	**Fix assets**	**13.837.320.862**	**9.757.154.050**
1.	Tangible fixed assets	5.673.620.537	5.064.778.436
-	*Historical cost*	*13.195.636.395*	*13.195.636.395*
-	*Accumulated depreciation*	*- 7.522.015.858*	*- 8.130.857.959*
2.	Intangible fixed assets	8.163.700.325	4.692.375.614
-	*Historical cost*	*11.811.046.164*	*7.293.504.000*
-	*Accumulated depreciation*	*- 3.647.345.839*	*- 2.601.128.386*
III.	**Investment properties**	**18.473.717.181**	**18.473.717.181**
-	*Historical cost*	*18.473.717.181*	*18.473.717.181*
IV.	**Non-current financial investments**	**68.000.000.000**	**23.000.000.000**
2.	Investments in equity of other entities	68.000.000.000	23.000.000.000
V.	**Other Non-current Asset**	**212.028.486**	**3.993.132.582**
1.	Non-current prepaid expenses	212.028.486	3.993.132.582
	TOTAL ASSETS	**1.579.205.344.498**	**1.001.585.159.558**

As of the end of 2024, the Company's current assets reached VND 946 billion, a slight decrease compared to VND 1,122 billion in 2023. The decline mainly comes from the key item: Short-term receivables from customers, which decreased from VND 910 billion to VND 640 billion, reflecting the Company's ability to recover some of its outstanding debts.

In addition, the Cash and Cash Equivalents item dropped sharply from VND 1.78 billion to VND 118.6 million, while Inventory decreased by over 50%, from VND 3.7 billion to VND 1.9 billion. Other short-term receivables increased from VND 244 billion to approximately VND 313 billion, an increase of about 28% compared to 2023.

Regarding long-term assets, the Company recorded a significant decline, from VND 457.5 billion at the end of 2023 to VND 55.2 billion at the end of 2024. The main reason for this is the elimination of the long-term receivable item worth VND 357 billion in 2024, leading to a significant change in the Company's asset structure. This long-term receivable came from the liquidation of the partnership agreement with Five Stars International Group Joint Stock Company, where the Company received all its capital contribution (excluding interest) within six months from the date of signing the liquidation agreement. The Board of Directors and Management assessed that no losses related to this receivable were incurred.

Liabilities

	Indicators	Ending balance	Beginning balance
I.	**Current liabilities**	**84.489.045.200**	**664.304.618.219**
1.	Current trade payables	2.819.607.312	7.888.216.499
2.	Current deferred revenue	8.809.630.052	172.029.652
3.	Tax and payables to the State	6.785.536.042	16.930.030.315
4.	Payables to employees	257.730.284	1.003.434.812
5.	Current payable expenses	370.048.141	39.436.051.092
6.	Current deferred revenue	20.454.545	20.454.545
7.	Other current payables	929.290.562	980.950.509
8.	Current loans and finance lease liabilities	59.238.224.274	592.216.495.407
9.	Bonus, welfare fund	5.258.523.988	5.656.955.388
II.	**Non-current liabilities**	**697.500.000**	**937.500.000**
1.	Other non-current payables	297.500.000	297.500.000
2.	Non-current loans and finance lease liabilities	400.000.000	640.000.000
	TOTAL	**85.186.545.200**	**665.242.118.219**

Current debts, major changes of debts

- As of the end of 2024, the Company's total liabilities were recorded at 85,2 billion VND, a sharp decrease of 87,19% compared to the 665,2 billion VND at the end of 2023. This decline mainly came from short-term liabilities, particularly Short-term borrowings and finance lease liabilities, which decreased from 592,2 billion VND to 59,2 billion VND, equivalent to a 90% reduction.
- In addition, Current trade payables also saw a significant decrease of 64.26%, while Current deferred revenue increased sharply from VND 172 million to VND 8.8 billion, reflecting a positive shift in the Company's payment structure with partners and customers.
- Regarding long-term liabilities, the total value decreased slightly from 937,5 million VND to 697,5 million VND, mainly due to a decrease of 240 million VND in Long-term borrowings and finance lease liabilities during the year.

Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes

- The Company did not incur any overdue debts.
- Exchange rate fluctuations did not significantly affect the Company's production and business activities or its operating results

IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, AND MANAGEMENT

In 2024, the Company focused on reviewing, adjusting, and completing its system of Internal Regulations and Rules to ensure they align with the production and business situation at each point in time. Simultaneously, the Company restructured its personnel apparatus, from management to direct labor, to enhance the efficient use of resources and optimize operational activities. In addition, the Company also researched and developed a stable and sustainable management model that meets both breadth and depth requirements, laying a solid foundation for long-term development.

In terms of policies, the Company implemented scientific sales and management policies, ensuring cost optimization and improved business efficiency. Regular analysis and evaluation activities were carried out to provide the Management Board with a basis for making timely and sound decisions.

Risk control, investment evaluation, and analysis of capital utilization efficiency continued to be strengthened, helping the Company proactively respond to market fluctuations and optimize financial resources.

Furthermore, the Company also implemented reasonable arrangement and coordination of vehicles and equipment, minimizing outsourcing to save costs. Simultaneously, strict control over maintenance and repair costs was enforced, ensuring efficient operation and extending the lifespan of assets.

DEVELOPMENT PLANS IN FUTURE

Under the direction of the Board of Directors, BITAGCO will accelerate development and maximize resource utilization to aim for breakthrough successes in 2025. The Company will continue to maintain close cooperative relationships with reputable petroleum import partners to proactively secure supply sources, while promoting import activities and linking the supply of raw materials and NPK distribution with domestic manufacturing units. The expansion of the fertilizer market and distribution network in the Southern and Central Highlands regions will also be vigorously implemented to increase market share.

Bitagco has designated fertilizers and petroleum as its strategic core business sectors, continuing to pursue a sustainable and consistent growth strategy. In the context of many fluctuations in the global economy and politics, the Company proactively adapts by improving agricultural productivity, ensuring food security, and developing a flexible business plan to ensure smooth operations.

In addition, BITAGCO pays particular attention to in-depth training and capacity building for its personnel, while caring for the material and spiritual well-being of its staff and employees. The restructuring of the management apparatus towards streamlining and efficiency will continue to be implemented to optimize operations.

In terms of finance, the Company proactively implements effective cash flow management solutions, ensuring stable capital resources to serve future production, business, and investment.

Development plans in future

Unit: VND

Indicators	2024	2025	
		Plan	% change compared to 2024
Net Revenue	396,140,857,141	520,000,000,000	31.27%
Profit before tax	9,142,549,873	12,000,000,000	31.25%
Net Profit after tax	2,435,388,079	8,000,000,000	228.49%
Net profit margin on net revenue (%)	0.61%	1.54%	-
Return on Equity (ROE) (%)	0.27%	0.87%	-
Dividends(%)	-	-	-

EXPLANATION OF THE BOARD OF MANAGEMENT FOR AUDITOR'S OPINIONS

In the Company's Audited Financial Statements 2024, the auditor provided a Basis for Qualified Opinion. The Management Board's explanation regarding the audit opinion is as follows:

- **Regarding the doubtful debts of fertilizer purchasing customers:** In 2024, due to the impact of the economic recession, low and unstable agricultural product prices, farmers reduced planting areas and investment, and consequently, their ability to repay fertilizer suppliers was also affected. Therefore, some of the Company's major customers also faced difficulties in the general situation and were unable to make payments according to signed contracts. As these are traditional distribution units with large sales volume and reputation, and have cooperated with the Company for many years, in the spirit of sharing difficulties, we have discussed and are willing to extend the debt and coordinate with customers to ensure debt collection according to the repayment schedule committed by the customers. We assure that the entire receivables from these customers will be recovered without any loss.
- **Regarding the Company's holding of 2,3 million shares of Agriculture Materials Import-Export Joint Stock Company III with a value of 23 billion VND:** Agriculture Materials Import-Export Joint Stock Company III is a company specializing in the import-export of fertilizers, food, trading in petroleum, warehouse leasing, etc. Originating as a state-owned enterprise that underwent equitization, it owns many land plots in favorable locations. The exploitation of these land plots will generate significant profits. The Board of Directors and the Management Board assess that Agriculture Materials Import-Export Joint Stock Company III has great potential and prospects and believe that the above shares, if transferred, will have a value much higher than the cost price, therefore, there is no need to make a provision for this investment.

Regarding the Matter to be Emphasized in the Audit Report: The Company's 2024 Profit Before Tax mainly came from financial activities due to the difficulties faced by the fertilizer and petroleum industries in 2024. The Management Board's explanation is as follows:

- **Fertilizer sector**: Due to the impact of weather conditions, low and unstable agricultural product prices, farmers reduced planting areas and investment, leading to a decrease in fertilizer demand from farmers. Imported fertilizer products from foreign countries directly competed on price with domestic goods, especially imports from China. Therefore, to maintain market share, the Company had to share profits with the secondary distribution system to retain its traditional distribution market share.
- **Petroleum sector:** Due to the impact of international conflicts, politics, natural disasters, etc., global crude oil price fluctuations were high. In addition, petroleum is also subject to many types of taxes and fees and is heavily influenced by state management regulations, making it difficult for businesses to proactively set selling prices while all costs increased, leading to low profit margins. Besides, the economic recession and the trend of using electric vehicles or clean energy reduced the demand for traditional petroleum.

ASSESSMENT REPORT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITIES OF THE COMPANY

The environmental indicators

Efficient utilization of water resources and energy conservation: The Board of Directors actively oversees and, through diverse methods of communication and training, enhances the awareness of all Company employees regarding the economical and effective use of water and energy.
Domestic waste and solid, toxic waste are managed through the Company's agreements with specialized units that possess the necessary functions and licenses to treat waste in accordance with regulations, thereby ensuring no pollution or adverse effects on the surrounding environment.
Employees receive comprehensive training and certification in environmental protection.

The labor issues

In 2023, the Company instituted policies to enhance both the material and spiritual well-being of its employees. The training process is designed to be scientific, systematic, and effective. Furthermore, the Company consistently selects employees with outstanding performance and strong capabilities to attend training courses aimed at advancing their professional skills, whether organized by the Company or offered by universities and vocational training centers, thereby enhancing their skills, expertise, and professional knowledge..

The corporate responsibility for the local community

The company actively engages in support initiatives, assisting individuals in challenging situations based on the social context. In addition to collaborating with authorities, it implements effective security measures and maintains order while contributing to the welfare of the underprivileged in local communities.

Part 4:
ASSESSMENTS OF THE BOD ON THE COMPANY'S OPERATION

1 Assessments of the Board of Directors on the Company's operation

2 Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

3 Plans and Orientations of the Board of Directors

ASSESSMENTS OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATION

2024 was another year that continued to pose numerous challenges for the global economy in general and Vietnam in particular. Although the inflation situation was more tightly controlled compared to previous years, pressure on prices and input costs still created considerable difficulties for businesses. Tight monetary policies were maintained in many countries, and although interest rates tended to decrease, they remained high, negatively impacting investment decision-making and consumer spending. Simultaneously, international trade activities continued to be severely affected by prolonged geopolitical tensions and the increase in trade barriers.

In this context, the domestic market also faced many difficulties. Specifically, the real estate market continued to experience low liquidity, fewer new projects were launched, and capital inflows into this sector significantly declined. The stock market showed signs of recovery but still faced many risk factors, with investor sentiment not yet fully stable. In particular, unpredictable fluctuations in gasoline and input material prices further increased pressure on the production and business operations of enterprises.

Under the close direction of the Board of Directors and the Management Board, the Company proactively developed flexible business plans, focusing on core areas, optimizing operational efficiency, and minimizing costs. Amid challenging conditions, the Company remains committed to evaluating and selecting high-potential real estate projects, with the dual goal of maintaining stable cash flows and establishing a strong foundation for long-term sustainable development.

Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Over the past year, the Board of Directors (BOD) assessed that the Board of Management (BOM) consistently adhered to the orientations and tasks set by the General Meeting of Shareholders (GMS) and the BOD, while flexibly managing the Company's production and business activities, reflecting adaptability and effective management in a challenging year. The BOM maintained close coordination with the BOD, especially based on the Company's Internal Governance Regulations, which helped ensure transparency and efficiency in the decision-making and oversight process.

Through regular inspection and supervision mechanisms via monthly, quarterly, and ad-hoc reports as required, the BOD noted that the BOM fully exercised its assigned rights and responsibilities in accordance with current laws, the Company's Charter, and the BOD's Resolutions. The decisions made were always aimed at maximizing the legitimate benefits for the Company and its shareholders.

However, the BOD also observed that the BOM needs to make greater efforts in the timely implementation of the assigned tasks, especially in managing sales policies and releasing Inventories effectively. In addition, cost management needs to be more tightly controlled to ensure that the Company's resources are used in the most optimal way, supporting sustainable development in the future

Achievements

- Strictly adhered to and implemented the provisions of the law, the Company's Charter, BOD Resolutions, and GMS Resolutions.
- Consistently demonstrated high responsibility, regularly monitored work progress, and promptly resolved difficulties and obstacles in production and business operations.
- Proactively implemented the Resolutions and decisions of the BOD in accordance with the approved guidelines and development orientations. Simultaneously, proactively proposed solutions suitable for each specific period and condition. Maximized the potential and strength of staff and employees to fulfill the Company's production and business tasks.

Limitations

- Business operations declined due to adverse global macroeconomic impacts, resulting in negative operating cash flow.
- The prolonged capital deficit situation has persisted for many years

PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Given the opportunities and challenges that the company will face in 2025, the Board of Directors has provided the following guidance to strive for the completion of the 2025 production and business plan

1

Provide closer guidance on the Company's core business activities of fertilizer and petroleum trading. Enhance the stability of inputs, ensure production and service quality meet market requirements.

2

Expand the supply of input raw materials for fertilizer production, both domestically and internationally.

3

Conduct research and explore investment opportunities in the Company’s real estate segment.

4

Maintain a stable and highly productive and efficient operating apparatus. Balance revenue and expenditure to ensure cash flow for production and business operations and market expansion investments.

Part 5:
CORPORATE GOVERNANCE

1 Board of Directors

2 Board of Supervisors

3 Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of SupervisorS

Board of Directors

Members and structure of the Board of Directors

Mr. Tran Van Muoi
Chairman of the Board of Directors - Bachelor of Economics

Table 14: Members and structure of the Board of Directors

NO	Name	Position	Shareholding percentage (individually and authorized)	Other positions at the other companies	Appointment date / resignation date	
					Appointment date	Resignation date
1	Tran Van Muoi	The Chairman of BOD	12.5%	05	June 29, 2024	
2	Dinh Quang Sang	Vice Chairman of BOD			June 04, 2016	Dismissed on June 29, 2024
3	Tran Thi Hien	Independent Member of BOD			June 29, 2024	
4	Mai Quoc Hung	Non- executive Member of BOD			November 10, 2017	Dismissed on June 29, 2024
5	Vy Thi Hai	Independent Member of BOD			June 29, 2024	There is a resignation letter dated October 4, 2024 (not yet resigned).
6	Bui Thi Ha Lam	Member of BOD			June 29, 2024	
7	Do Viet Ha	Member of BOD			June 29, 2024	

Members of the Board of Directors

Mr. Dinh Quang Sang
Vice Chairman of BOD–
Senior Engineer
Becoming Vice Chairman of BOD from 2012 and be dismissed on June 29, 2024

Mr. Mai Quoc Hung
Member – Bachelor of Economics
Becoming Member of BOD from 11/2017 and be dismissed on June 29, 2024

Mrs. Tran Thi Hien
Member - Bachelor of Accounting
Becoming Member of BOD from 4/2021 onwards

Mrs. Vu Thi Hai
Member - Bachelor of Economics
Becoming Member of BOD from 05/2020 onwards

Mr. Do Viet Ha
Member - Bachelor of Economics
Becoming Member of BOD from June,2024 onwards

Mrs. Bui Thi Ha Lam
Member - Bachelor of Finance and Banking
Becoming Member of BOD from 06/2024 onwards

Activities of Board of Directors

Table 15: Meetings of the BOD

NO	Member of BOD	Number of meetings attended	Rate of attendance	Reason of absence
1	Tran Van Muoi	18	100%	
2	Dinh Quang Sang	10	55.56%	Dismissed on June 29, 2024
3	Tran Thi Hien	18	100%	
4	Mai Quoc Hung	10	55.56%	Dismissed on June 29, 2024
5	Vy Thi Hai	13	72.22%	There is a resignation letter dated October 4, 2024
6	Bui Thi Ha Lam	08	44.44%	Appointed on June 29, 2024
7	Do Viet Ha	08	44.44%	Appointed on June 29, 2024

Decisions and Resolutions of the Board of Directors in 2024

NO.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
1	02/24/NQ/BOD-ABS	07/03/2024	Through transactions with related parties	100%
2	04/24/NQ/BOD-ABS	19/03/2024	Through the extension of the 2024 Annual BOD Meeting	100%
3	06/24/NQ/BOD-ABS	03/04/2024	Through the report on the implementation of the Q1/2024 plan and the deployment of the Q2/2024 plan	100%
4	08/24/NQ/BOD-ABS	26/04/2024	Changes in the Company's Senior Management Personnel	100%
5	10/24/NQ/BOD-ABS	02/05/2024	Through the approval of the list of shareholders attending the 2024 General Meeting of Shareholders	100%
6	12/24/NQ/BOD-ABS	06/05/2024	Through short-term borrowing, guarantee, and mortgage of assets as collateral for loans from Sacombank	100%
7	14/24/NQ/BOD-ABS	07/05/2024	Through short-term borrowing, guarantee, and mortgage of assets as collateral for loans from BIDV	100%
8	15/24/NQ/BOD-ABS	08/06/2024	Through the invitation to the meeting, the meeting agenda, and related documents for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders	100%
9	16/24/NQ/BOD-ABS	19/06/2024	Through the nomination of candidates for the BOD and BOS for the term 2024-2029	100%
10	17/24/NQ/BOD-ABS	27/06/2024	Through the transfer of shares in Shares Import-Export Agricultural Materials Company 3	100%
11	18/24/NQ/BOD-ABS	June 29, 2024	Through the election of the Chairman of the BOD and the assignment of duties within the BOD for the term 2024-2029	100%
12	19/24/NQ/BOD-ABS	30/07/2024	Through the selection of the auditing firm for the interim and annual financial statements of 2024	100%
13	20/24/NQ/BOD-ABS	16/08/2024	Through transactions with related parties, Five Star International Group Shares Company.	100%
14	21/24/NQ/BOD-ABS	30/10/2024	Through short-term borrowing, guarantee, and mortgage of assets as collateral for loans from BIDV	100%
15	22/24/NQ/BOD-ABS	11/11/2024	Through transactions with related parties, Agricultural Materials Company 3.	100%
16	23/24/NQ/BOD-ABS	12/12/2024	Through the Dismissal and appointment of senior personnel.	100%
17	24/24/NQ/BOD-ABS	12/12/2024	Through short-term borrowing, guarantee, and mortgage of assets as collateral for loans from Sacombank	100%
18	25/24/NQ/BOD-ABS	12/12/2024	Through short-term borrowing, guarantee, and mortgage of assets as collateral for loans from BIDV	100%

Board of Supervisors

Members and structure of the Board of Supervisors

Members and structure of the Board of Supervisors

NO.	Member of BOS	Position	Appointment date	Resignation date	Qualification
1	Truong Thuy Linh	Head of the BOS	December 5, 2018	June 29, 2024	Bachelor of Accounting
2	Nguyen Thi Cuoi	Member of BOS	April 24, 2021	June 29, 2024	Bachelor of Accounting and Auditing
3	Mai Thi Thanh Hai	Head of the BOS	June 29, 2024		Bachelor of Accounting
4	Doan Dinh Chien	Member of BOS	June 29, 2024		Bachelor of Accounting
5	Pham Van Hien	Member of BOS	June 29, 2024		Bachelor of Finance and Banking

Mr. Pham Van Hien
Member of the Board of Supervisors
He has been elected as a Member of the Board of Supervisors from June 29, 2024
He graduated with a Bachelor's degree in Accounting and Auditing.

Mr. Doan Dinh Chien
Member of the Board of Supervisors
He has been elected as a Member of the Board of Supervisors from June 29, 2024
He graduated with a Bachelor's degree majoring in Accounting.

Ms. Mai Thi Thanh Hai
Member of the Board of Supervisors
She has served as a member of the Board of Supervisors since May 2020. She holds a Master's degree in accounting.

Activities of the Board of Supervisors

- In 2024, the Board of Supervisors fully participated in all briefing meetings and important meetings of the Management Board to ensure transparency and timely understanding of the Company's production and business operations. The Management Board complied with the Charter, the Company's Governance Regulations, and relevant regulations, and effectively implemented the Resolutions and Decisions of the BOD/GMS.
- Conducted inspections and oversight of the operations of Departments/Divisions/Boards within the company and its branches.
- Monitored the implementation of the 2024 production and business plan approved by the BOD/GMS.
- Inspected and supervised the management and use of the Company's capital and assets, ensuring compliance with financial regulations, cash and goods management regulations, and debt management in accordance with the law and the Company's Charter.
- Supervised the asset inventory activities in 2024 at the unit.
- Developed the Supervisory Work Plan for 2025

Meeting of the Board of Supervisors

NO.	Member of BOS	Number of meetings attended	Rate of attendance	Voting ratio	Reason of absence
1	Truong Thuy Linh	02	40%	100%	Dismissed on June 29, 2024
2	Nguyen Thi Cuoi	02	40%	100%	Dismissed on June 29, 2024
3	Mai Thi Thanh Hai	05	100%	100%	
4	Doan Dinh Chien	03	60%	100%	Appointed on June 29, 2024
5	Pham Van Hien	03	60%	100%	Appointed on June 29, 2024

TRANSACTIONS, REMUNERATIONS AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORS

Salary, rewards, remuneration and benefits in 2024

Unit: VND

No	Name	Position	Compensations and perquisites(BOD, BOS, BOM)
I	Board of Directors		224.000.000
1	Tran Van Muoi	The Chairman of BOD	140.000.000
2	Dinh Quang Sang	Vice Chairman of BOD	21.000.000
3	Mai Quoc Hung	Non- executive Member of BOD	21.000.000
4	Tran Thi Hien	Independent Member of BOD	21.000.000
5	Vy Thi Hai	Independent Member of BOD	21.000.000
6	Bui Thi Ha Lam	Member of BOD	
7	Do Viet Ha	Member of BOD	
II	Board of Supervisors		260.601.563
1	Truong Thuy Linh	Head of the BOS	110.601.563
2	Nguyen Thi Cuoi	Member of BOS	14.000.000
3	Mai Thi Thanh Hai	Head of the BOS	104.000.000
4	Doan Dinh Chien	Member of BOS	16.000.000
5	Pham Van Hien	Member of BOS	16.000.000
III	Board of Managerment		1.400.870.000
	Tran Ba Mai Anh Vy	General Director	2.000.000
	Bui Thi Ha Lam	General Director	529.000.000
	Mrs. Tran Thi Huong	General Director	304.380.000
	Mr. Do Viet Ha	Deputy General Director	533.490.000
	Tran Duy Toan	Deputy General Director	32.000.000
IV	Other management members		407.889.710
1	Nguyen Van Thuy	Chief Accountant	407.889.710
2	Nguyen Dat Chau	Company Secretary	
	Total		2.293.361.273

- **Share transactions by internal shareholders:**
  None
- **Contracts or transactions with internal shareholders:**
  None

Assessing the Implementation of regulations on corporate governance

In 2024, all departments effectively implemented corporate governance in accordance with Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of several articles of the Securities Law, the Company's charter, and its Governance Regulations.

VI. FINANCIAL STATEMENTS

- Auditor's Opinion
- The Company's audited financial statements for 2024 include: the Balance Sheet, the Income Statement, the Cash Flow Statement, and the Notes to the Financial Statements, in accordance with the provisions of the law on accounting and auditing. These financial statements have been audited by An Viet Auditing Co., Ltd. The full text of the audited 2024 Financial Statements is attached herewith.

THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

DO VIET HA

BINHTHUAN AGRICULTURE SERVICES JOINT STOCK COMPANY

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2024

Binh Thuan, March 2025

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGE(S)
STATEMENT OF THE THE MANAGEMENT	2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 - 4
BALANCE SHEET	5 - 6
INCOME STATEMENT	7
CASH FLOW STATEMENT	8
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	9 - 32

STATEMENT OF THE MANAGEMENT

The Management of Binh Thuan Agricultrure Services Joint Stock Company ("the Company") presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31 December 2024.

THE BOARD OF DIRECTORS AND THE MANAGEMENT

The members of the Board of Directors and the Management who executed the Company during the year ended 31 December 2024 and to the date of this report are as follows:

BOARD OF DIRECTORS

Mr. Tran Van Muoi	Chairman
Mr. Dinh Quang Sang	Vice Chairman (resigned on 29 June 2024)
Ms. Vu Thi Hai	Independent member
Mr. Mai Quoc Hung	Member (resigned on 29 June 2024)
Ms. Tran Thi Hien	Member
Ms. Bui Thi Ha Lam	Member (appointed on 29 June 2024)
Mr. Do Viet Ha	Member (appointed on 29 June 2024)

THE MANAGEMENT

Mr. Do Viet Ha	Director (appointed on 10 March 2025)
	Deputy Director (resigned on 10 March 2025)
Mr. Tran Ba Mai Anh Vu	Director (appointed on 12 December 2024, resigned on 10 March 2025)
Ms. Bui Thi Ha Lam	Director (appointed on 01 May 2024, resigned on 12 December 2024)
Ms. Tran Thi Huong	Director (resigned on 01 May 2024)
Mr. Tran Duy Toan	Deputy Director (appointed on 16 December 2024)

THE MANAGEMENT'S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Management of the Company is responsible for preparing the financial statements for the year ended 31 December 2024, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its operation results and its cash flows for the year then ended. In preparing these financial statements, the Management is required to:

- Comply with Vietnamese accounting standards, corporate accounting system and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the financial statements;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize errors and frauds; and
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the financial statements comply with Vietnamese accounting standards, corporate accounting system and the relevant statutory requirements applicable to the preparation and presentation of the financial statements. The Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Management,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Do Viet Ha
Director

Binh Thuan, 31 March 2025

anviet
Certified Public Accountants

An Viet Auditing Company Limited
Level 12, 167 Building, Bui Thi Xuan Street, Hai Ba Trung District, Hanoi
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

*No.: **106** /2025/BCKT-AVI-TC1*

INDEPENDENT AUDITORS'S REPORT

To: **Shareholders**
The Board of Directors and the Management
Binh Thuan Agricultrure Services Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Binh Thuan Agricultrure Services Joint Stock Company ("the Company") prepared on 31 March 2025 as set out from page 05 to 32, which comprise the balance sheet as at 31 December 2024, the income statement, the cash flows statement for the year then ended and the Notes to the financial statements.

The Management's Responsibility

The Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese accounting standards, corporate accounting system and the statutory requirements relevant applicable to the preparation and presentation of financial statements and for such internal control as the Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and standards of professional conduct, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatements.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidences we have obtained are sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified opinion.

Basis for Qualified opinion

As at 31 December 2024, the balance of the provision for doubtful debts recognized by the Company was approximately VND 21.545 billion, the Company has not fully provided for doubtful debts related to certain overdue debts according to the terms of the contract (presented in Note 09). If the Company recognized fully provision for doubtful debts in accordance with the guidance of prevailing enterprise accounting system, the minimum amount of provision for doubtful debts that the Company needs to recognize would be approximately VND 193.238 billion.

As at 31 December 2024, the value of long-term financial investments in Agricultural and Materials Import Export JSC was VND 23 billion (as at 31 December 2023: VND 68 billion, there was also a transfer transaction of this share during the year 2024). We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence about the market value of the share transaction during the year and financial statements of this company as at 31 December 2023 and 31 December 2024 to assess and determine the impairment of this investment that needs to be recognized (if any).

Qualified opinion

In our opinion, except for the effects of the matters described in the "Basis for Qualified opinion", the accompanying financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of Binh Thuan Agricultrure Services Joint Stock Company as at 31 December 2024, and its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese accounting standards, corporate accounting system and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements.

Emphasis of matter

As presented in Note 33 in notes of financial statements: The Company's principle business operations are unprofitable, and its pre-tax accounting profit primarily derives from financial activities (stock and securities trading). The Board of Directors and the Managament are developing a plan to improve the Company's business operations in the following year. Our qualified audit opinion is not related to this matter.

Other matter

The financial statements of the Company for the year ended 31 December 2023 were audited by another audit firm. On the audit report No. 183/BCKT/TC dated 29 March 2024, the auditor expressed an unqualified opinion.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Nguyen Thuong
Deputy General Director
Audit Practice Registration Certificate
No. 0308-2023-055-1

For and on behalf of
ANVIET AUDITING COMPANY LIMITED

Ha Noi, 31 March 2025

Ta Thi Tham
Auditor
Audit Practice Registration Certificate
No. 3676-2021-055-1

BALANCE SHEET
As at 31 December 2024

FORM B01 - DN
Unit: VND

	ITEMS	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
A -	**CURRENT ASSETS**	**100**		**946,361,155,745**	**1,121,657,277,969**
I.	**Cash and cash equivalents**	**110**		**118,574,547**	**1,778,084,645**
1.	Cash	111	5	118,574,547	1,778,084,645
II.	**Short-term financial investments**	**120**		**1,118,372**	**1,046,000**
1.	Invesments held to maturity	123		1,118,372	1,046,000
III.	**Short-term receivables**	**130**		**944,124,675,556**	**1,115,689,147,876**
1.	Short-term trade receivables	131	6	640,110,438,751	910,328,715,037
2.	Short-term advances to suppliers	132	7	12,499,753,859	7,277,474,129
3.	Other short-term receivables	136	8	312,980,815,284	244,102,104,115
4.	Provision for short-term doubtful debts	137	9	(21,545,862,614)	(46,098,448,231)
5.	Shortage of assets awaiting resolution	139		79,530,276	79,302,826
IV.	**Inventories**	**140**	**10**	**1,867,060,502**	**3,740,672,972**
1.	Inventories	141		1,925,484,152	3,791,702,872
2.	Provision for devaluation of inventories	149		(58,423,650)	(51,029,900)
V.	**Other current assets**	**150**		**249,726,768**	**448,326,476**
1.	Short-term prepayment	151	11	236,063,362	128,492,025
2.	Value added tax deductibles	152		-	319,834,451
3.	Taxes and other receivables from State Budget	153	18	13,663,406	-
B -	**NON-CURRENT ASSETS**	**200**		**55,224,003,813**	**457,548,066,529**
I.	**Long-term receivables**	**210**		**-**	**357,025,000,000**
1.	Other long-term receivables	216	8	-	357,025,000,000
II.	**Fixed assets**	**220**		**9,757,154,050**	**13,837,320,862**
1.	Tangible fixed assets	221	12	5,064,778,436	5,673,620,537
	- Cost	*222*		*13,195,636,395*	*13,195,636,395*
	- Accumulated depreciation	*223*		*(8,130,857,959)*	*(7,522,015,858)*
2.	Intangible fixed assets	227	13	4,692,375,614	8,163,700,325
	- Cost	*228*		*7,293,504,000*	*11,811,046,164*
	- Accumulated amortization	*229*		*(2,601,128,386)*	*(3,647,345,839)*
III.	**Investment property**	**230**		**18,473,717,181**	**18,473,717,181**
	- Cost	231		18,473,717,181	18,473,717,181
	- Accumulated depreciation	232		-	-
IV.	**Long-term financial investments**	**250**		**23,000,000,000**	**68,000,000,000**
1.	Equity investments in other entities	253	15	23,000,000,000	68,000,000,000
V.	**Other long-term assets**	**260**		**3,993,132,582**	**212,028,486**
1.	Long-term prepayments	261	11	3,993,132,582	212,028,486
	TOTAL ASSETS	**270**		**1,001,585,159,558**	**1,579,205,344,498**

BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2024

FORM B01 - DN
Unit: VND

	ITEMS	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
C -	**LIABILITIES**	**300**		**85,186,545,200**	**665,242,118,219**
I.	**Current liabilities**	**310**		**84,489,045,200**	**664,304,618,219**
1.	Short-term trade payable	311	16	2,819,607,312	7,888,216,499
2.	Short-term advances from customers	312		8,809,630,052	172,029,652
3.	Taxes and amounts payable to State Budget	313	17	6,785,536,042	16,930,030,315
4.	Payables to employees	314		257,730,284	1,003,434,812
5.	Short-term accrued expenses	315	18	370,048,141	39,436,051,092
6.	Short-term unearned revenue	318		20,454,545	20,454,545
7.	Other short-term payables	319	19	929,290,562	980,950,509
8.	Short-term loans and obligations under finance leases	320	20	59,238,224,274	592,216,495,107
9.	Bonus and welfare funds	322		5,258,523,988	5,656,955,388
II.	**Long-term Liabilities**	**330**		**697,500,000**	**937,500,000**
1.	Other long-term payables	337	19	297,500,000	297,500,000
2.	Long-term loans and obligations under finance leases	338	20	400,000,000	640,000,000
D -	**EQUITY**	**400**		**916,398,614,358**	**913,963,226,279**
I.	**Owner's equity**	**410**	**21**	**916,398,614,358**	**913,963,226,279**
1.	Owners' contributed capital	411		800,000,000,000	800,000,000,000
	- Ordinary shares carrying voting rights	*411a*		*800,000,000,000*	*800,000,000,000*
2.	Share premium	412		42,560,127,000	42,560,127,000
3.	Investment and development fund	418		59,516,176	59,516,176
4.	Retained earnings	421		73,778,971,182	71,343,583,103
	- Retained earnings accumulated to the prior year end	*421a*		*71,343,583,103*	*63,056,573,432*
	- Retained earnings of the current year	*421b*		*2,435,388,079*	*8,287,009,671*
	TOTAL RESOURCES	**440**		**1,001,585,159,558**	**1,579,205,344,498**

Binh Thuan, 31 March 2025

Preparer	Chief Accountant	Director
Truong Thuy Linh	Nguyen Van Thuy	Do Viet Ha

M.S.D.N: 3400382278 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
TP PHAN THIẾT - T.BÌNH THUẬN

INCOME STATEMENT
For the year ended 31 December 2024

FORM B02 - DN
Unit: VND

	ITEMS	Codes	Notes	Year 2024	Year 2023
1.	**Revenue from goods sold and services**	**01**	**23**	**396,140,857,414**	**1,025,222,515,712**
2.	Deductions	02		-	-
3.	**Net revenue from goods sold and services rendered**	**10**		**396,140,857,414**	**1,025,222,515,712**
4.	Cost of goods sold and services rendered	11	24	390,107,292,630	986,524,541,756
5.	**Gross profit from goods sold and services rendered**	**20**		**6,033,564,784**	**38,697,973,956**
6.	Financial income	21	25	28,359,327,129	104,657,853,165
7.	Financial expenses	22	26	35,963,833,761	76,016,484,354
	- Of which: Loan interest charged	*23*		*35,962,657,538*	*76,016,457,355*
8.	Selling expenses	25	28	4,981,097,674	5,852,109,940
9.	General and administration expenses	26	28	(17,831,009,538)	38,766,279,452
10.	**Operating profit**	**30**		**11,278,970,016**	**22,720,953,375**
11.	Other income	31		255,001,767	324,405,788
12.	Other expenses	32	27	2,391,421,910	812,212,263
13.	**Profit from other activities**	**40**		**(2,136,420,143)**	**(487,806,475)**
14.	**Accounting profit before tax**	**50**		**9,142,549,873**	**22,233,146,900**
15.	Current corporate income tax expense	51	30	6,707,161,794	13,946,137,229
16.	Deferred tax expense	52		-	-
17.	**Net profit after corporate income tax**	**60**		**2,435,388,079**	**8,287,009,671**
18.	**Earning per share**	**70**	**31**	**30**	**104**

Binh Thuan, 31 March 2025

Preparer	Chief Accountant	Director
Truong Thuy Linh	Nguyen Van Thuy	Do Viet Ha

M.S.D.N: 3400382278 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the year ended 31 December 2024

FORM B03 - DN

Unit: VND

	ITEMS	Codes	Year 2024	Year 2023
I.	**CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES**			
1.	**Profit for the year**	**01**	**9,142,549,873**	**22,233,146,900**
2.	**Adjustment for**			
	- Depreciation and amortization of fixed assets	02	831,486,263	970,409,606
	- Provisions		(24,552,585,617)	31,692,913,517
	- Foreign exchange loss (gain) upon revaluation of monetary items denominated in foreign currency	04	(16,201,737)	(143,944,568)
	- (Gain)/Loss from investing activities	05	(18,002,065,469)	(8,172,664,803)
	- Interest expenses	06	35,962,657,538	76,016,457,355
3.	**Operating profit before movements in working capital**	**08**	**3,365,840,851**	**122,596,318,007**
	- Increase, decrease in receivables	09	545,426,531,537	(267,349,332,623)
	- Increase, decrease in inventory	10	1,873,612,470	1,372,481,358
	- Increase, decrease in payables (exclude interest expenses, CIT)	11	5,268,017	(143,620,086,924)
	- Increase, decrease in prepayments and others	12	(639,994,884)	272,663,332
	- (Increase)/(Deacrease) Trading securities	13	-	340,200,000,000
	- Interest paid	14	(75,015,295,960)	(37,020,358,577)
	- Corporate income tax paid	15	(14,098,661,875)	(25,047,773,467)
	- Other cash outflows	17	(398,431,400)	(1,128,001,497)
	Net cash from operating activities	**20**	**460,518,868,756**	**(9,724,090,391)**
II.	**CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES**			
1.	Acquisition of fixed assets and other long-term assets	21	-	(10,836,717,181)
2.	Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22	-	130,000,000
3.	Cash outflow for lending, buying debt intrusments of other entities	23	(72,372)	(46,000)
4.	Cash recovered from investments in other entities	26	63,000,000,000	-
5.	Interest earned, dividend and profit received	27	8,041,140,874	3,589,398
	Net cash from investing activities	**30**	**71,041,068,502**	**(10,703,173,783)**
III.	**CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES**			
1.	Proceeds from borrowings	33	216,640,531,373	527,219,190,000
2.	Repayments of borrowings	34	(749,858,802,506)	(468,759,694,593)
3.	Dividends and profits paid	36	-	(39,958,651,250)
	Net cash from financing activities	**40**	**(533,218,271,133)**	**18,500,844,157**
	Net decrease in cash during the year	**50**	**(1,658,333,875)**	**(1,926,420,017)**
	Cash and cash equivalents at the beginning of year	**60**	**1,778,084,645**	**3,560,560,094**
	Effect of changes in foreign exchange rates	61	(1,176,223)	143,944,568
	Cash and cash equivalents at the end of year	**70**	**118,574,547**	**1,778,084,645**

Binh Thuan, 31 March 2025

Preparer	Chief Accountant	Director
Truong Thuy Linh	Nguyen Van Thuy	Do Viet Ha

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

1. GENERAL INFORMATION

1.1 Structure of ownership

Binh Thuan Agricultrure Services Joint Stock Company ("the Company") has been incorporated in accordance with the first Enterprise Registration Certificate No. 3400382278 issued by Binh Thuan Province's Department of Planning and Investment on 11 May 2004 and the 25th amendment dated 13 March 2025.

The Company's shares have been listed on Ho Chi Minh Stock Exchange with the stock symbol of ABS.

According to the 27th amendment Enterprise Registration Certificate, the Company chartered capital is VND 800,000,000,000 equivalent to 80,000,000 shares, par value of 10,000 VND/share.

The Company's head office is located at No. 03 Nguyen Du, Lac Dao ward, Phan Thiet city, Binh Thuan province, Vietnam.

The number of the Company's employees as at 31 December 2024 was 42 (as at 31 December 2023: 45).

1.2 Business industry and principal activities

- Wholesale of petroleum and related products;
- Wholesale of fertilizers;
- Wholesale of agricultural machinery, equipment and spare parts;
- Construction, site preparation, complete construction;
- Inland waterway transportation of goods;
- Warehousing and storage;
- Real estate business, land use rights owned, used or leased;

...

1.3 Normal production and business cycle

The normal production and business cycle of the Company does not exceed 12 months.

1.4 The Company's structure

As at 31 December 2024, the Company have 08 branches and 05 petrol station were as follows:

No.	Name	Address
1.	Agricultural Materials Business No. 1 Branch	Phu Truong, Phu Long town, Ham Thuan Bac district, Binh Thuan province.
2.	Agricultural Materials Business No. 2 Branch	Phu Sum, Ham My commune, Ham Thuan Nam district, Binh Thuan province.
3.	Agricultural Materials Business No. 3 Branch	Village 1, Vo Xu town, Duc Linh district, Binh Thuan province.
4.	Agricultural Materials Business No. 4 Branch	92, Binh Thuy, Phan Ri Thanh commune, Bac Binh district, Binh Thuan province.
5.	Branch in Ninh Thuan province	388/1, 21/8 street, Phuoc My district, Phan Rang - Thap Cham city, Ninh Thuan province.
6.	Branch in Phu Yen province	Phuoc Loc, Hoa Thanh commune, Dong Hoa district, Phu Yen province.
7.	Branch in Binh Dinh province	85, Hoang Van Thu street, Quang Trung ward, Quy Nhon city, Binh Dinh province.
8.	Branch in Long An province	Long Dinh Industrial Park, hamlet 4, Long Dinh commune, Can Duoc district, Long An province
9.	No. 9 Petrol station	301, 19/4 street, Xuan An district, Phan Thiet city, Binh Thuan province.

10.	Nga Ba Gop Petrol station	Village 3, Hong Son commune, Ham Thuan Bac district, Binh Thuan province.
11.	Thuan Hoa Petrol station	National Highway 28, Dan Tri village, Thuan Hao commune, Ham Thuan Bac district, Binh Thuan province.
12.	Km 29 Petrol station	Lap Hoa, Thuan Nam town, Ham Thuan Nam district, Binh Thuan province.
13.	Thang Hai Petrol station	Thang Hai village, Thang Hai commune, Ham Tan district, Binh Thuan province.

2. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING CURRENCY

The Company's fiscal year begins on 1 January and ends on 31 December based on calendar year.

The monetary unit used in accounting period: Vietnam Dong (VND).

3. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM APPLIED

The financial statements are expressed in Vietnam Dong (VND) and prepared under the accounting principles in conformity with the Corporate accounting system in pursuance of Circular No. 200/2014/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 21 March 2016, Vietnamese Accounting Standards and legal regulations relating to financial reporting.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

4.1 Basis of preparation of financial statements

The financial statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows), under historical cost principle, based in the assumption of going concern.

4.2 Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements requires the Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the balance sheet date and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

4.3 Convention of foreign currency

Convention of foreign currency translation is applied in accordance with Vietnamese Accounting Standard (VAS) No. 10 - Effects of changes in foreign exchange rates and prevailing Corporate Accounting System.

During the year, transactions arising in foreign currencies are translated into VND at exchange rates ruling at the transaction dates or accounting book exchange rate. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognized in financial income (if gain) and financial expense (if loss). Monetary items denominated in foreign currencies are translated using exchange rate ruling at the balance sheet date. Foreign exchange differences arising from revaluation are reflected in the Foreign exchange rate differences account and the balance of this account is transferred to the financial income (if gain) or financial expense (if loss) at the end of the year.

4.4 Cash and cash equivalent

Cash reflects the full existing amount of the Company at the end of the year, comprising cash on hand, demand deposits and cash in transit.

Cash equivalents include short-term investments with maturity less than 03 months since the date of investment, which can be converted easily into a certain amount of cash without any risk in conversion into cash at the reporting date and recorded following Vietnamese Accounting Standard No. 24 - Cash flow statement.

4.5 Receivables and provision for doubtful debts

Receivables are monitored detailed under the original terms, remaining terms at the reporting date, the receivable objects, receivable foreign currencies and other factors for the Company's management purpose. The classification of receivables comprised of trade receivables, and other receivables shall comply with the principles:

- Trade receivables include commercial receivables incurred from purchase-sale transactions, including receivables from sale of exported goods under the trust for the other entities;
- Other receivables include non-commercial or non-trading receivables, including: receivables from loan interests, deposit interests, amount paid on behalf of another party; receivables which the export trustor must collect from the trustee; recieivables from penalties, compensation; advances; pledges, collaterals, deposits, assets lending,....

The company bases on the remaining term at the reporting date receivables to classify as long-term or short-term.

Receivables are recognised not exceeding the recoverable value. Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in difficulty of solvency due to dissolution, bankruptcy, or similar difficulties in accordance with the prevailing corporate accounting system.

4.6 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. Cost comprises purchase price, processing cost and other direct attributable expenses that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Inventories are calculated using the monthly. Net realizable value represents the estimated selling price less all estimated costs of completion and costs to be incurred in marketing and selling. Inventories are recorded by perpetual method.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations, which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories which have a book value higher than net realisable value as at the balance sheet date.

4.7 Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use.

The cost of self-made and self-constructed tangible fixed assets comprise construction costs, actually incurred manufacturing costs plus installation and testing costs.

Costs incurred after initial recognition are recorded as increase in the historical cost of assets if they actually improve the current status in comparison with the initial standard status of the assets, such as:

- Parts of the tangible fixed asset are modified to extend their useful life or to increase their capacity; or
- Parts of the tangible fixed asset are upgraded to significantly increase product quality; or
- New technology process is applied to reduce operation expenses of the assets.

The costs incurred for repairs and maintenance aims to restore or maintain the ability to bring the economic benefits of the assets according to the initial standard status, do not meet one of the above conditions, are recognized in the operation costs during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives, in accordance with Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 of the Ministry of Finance. The estimated useful lives are as follows:

	Year
Building and structures	10 - 25
Machinery and equipment	08 - 10
Transportation Vehicles	10 - 20

4.8 Intangible assets and amortisation

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortization. The cost of an intangible asset is measured initially at purchase cost. Intangible assets represent land use rights and computer software. Indefinite-term land use rights are not amortised. Definite-term land use rights are amortised over the duration specified in the land use right certificate. Computer software is amortised using the straight-line method over 5 years.

4.9 Investment properties

Investment property reflects the land use rights and costs related to the purchase of future-formed housing for three land lots and 19 shophouses within the Five Star Urban Area project, located in Phuoc Ly Commune, Can Giuoc District, Long An Province, these properties are owned by the Company and for the purpose of profiting from waiting for price increase to sell. The cost of investment real estate is the total cost in cash or cash equivalents that the Company spends to acquire the investment real estate up to the time of purchase or completion of construction.

4.10 Construction in progress

The construction in progress is recorded at cost, including expenses directly related to (including borrowing costs by the Company's accounting policy) properties in the course of construction for production, equipment installed for the purpose of manufacturing, rental and management as well as related expenses to repairs of fixed assets. Depreciation of these assets, on the same basis as other assets, commences when the assets are ready for their intended use.

4.11 Prepayments

Prepayments comprise incurred expenses relating to financial performance in many accounting periods. Prepayments comprise definite-term land use rights; substantial tools and supplies, repair costs, insurance costs.

Insurance costs is allocated over the insurance period.

Substantial tools and supplies and repair costs are allocated to the income statement, not exceeded 36 months.

Land rental costs represent expenses that have been paid in advance and are charged to the separate income statement using the straight-line method over the lease term.

4.12 Financial investments

Investment in other companies

Is the investments in equity instruments but the Company does not have right to control, joint-control or significant influence on the investee.

The investment in other entities shall be recorded at cost, including purchase price or capital contribution plus (+) directly-attributable expenses (if any), such as transactions, brokerage, consultancy, auditing, fees, taxes and bank charges, etc. In the case of a non-monetary asset is invested, the cost of the investment shall be recorded according to the fair value of the non-monetary asset at the incurring time.

Dividends and profits from previous periods before the investments are purchased are recorded as the decrease in value of such investments. Dividends and profits of the period after the investments are purchased are recognized as revenues from financial activities according to the fair value at the date of receiving rights, particularly for dividends received by shares, the Company only track the number of shares increased in the notes to the financial statements, not recorded as increase in the value of investments and income from financial activities.

Provision for impairment of investments in other entities:

Provision for impairment of investments in other entities is the excess of the cost of acquisition over the market value of the investment or equity of the Company in the equity of the investee in accordance with the current enterprise accounting regime.

4.13 Payables

The payables are monitored detailed under the original terms, the remaining terms at the reporting date, the payable objects, type of payables denominated in foreign currency and other factors according to the Company's management purpose. The classification of payables such as trade payables, other payables must be implemented the following principles:

- Trade payables include commercial payables incurred from purchase-sale transactions, including payables when imported goods under the trust;
- Other payables include non-commercial or non-trading payables, including: payables for loan interest, dividend and earning payables; payables for financial investments; amount paid for the third party; amount which the truster receives from relevant parties to pay under the entrusted import-export transactions; asset borrowings; payables for penalties, compensation; surplus assets without reason; payables for social insurance, medical insurance, unemployment insurance, trade union; collaterals, deposits received, etc.

The company bases on the remaining terms of payables at the reporting date to classify as long-term or short-term.

The payables are recorded not less than the payment obligations. In the case of there is evidence that a loss likely occurs, the Company recognizes immediately a payable under the precautionary principle.

4.14 Accrued expenses

Accrued expenses are recognized by the properly estimated cost of goods and services used during the period due to without or insufficient documents, accounting records.

4.15 Revenue recognition

Revenue is recognized when the outcome of such transactions can be measured reliably and it is probable that the economic benefits associated with the transactions will flow to the Company.

Revenue from sale of goods is recognized if it simultaneously meets the following five (5) conditions:

(a) The Company has transferred to the buyer the significant risks and reward of ownership of goods;

(b) The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;

(c) The amount of revenue can be measured reliably. When the contracts define that the customers are entitled to return goods purchased under specific conditions, the Company shall only record revenue if such specific conditions do not exist and the customers are not entitled to return goods (unless the customers are entitled to return the goods in the form of exchanging for other goods or service);

(d) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and

(e) The cost incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Financial income comprises deposit interest; gains from trading securities; gains from foreign exchange differences, etc. Detailed as follows:

- Interest income is accrued on the time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate;

Financial income comprises interest income; profits from selling trading securities; late payment interest; gains from foreign exchange differences, etc. Detailed as follows:

(a) Interest income is recognized reliably on the balances of deposits, loans, and periodic actual interest.

(b) Foreign exchange differences reflect profit from the actual exchange differences of arising transactions denominated in foreign currencies during the period and profit from the exchange differences due to the translation of monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date.

Other income reflects income arising from the events or separate transactions with normal business operations of the Company, besides the above revenue.

4.16 Taxation

Income tax expense represents the sum of the current tax payable and deferred income tax.

The current tax payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the separate income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the separate financial statements and the coresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the Company's tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are applied in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

4.17 Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

According to the Circular No. 210/2009/TT-BTC dated 6 November 2009 of the Ministry of Finance, financial assets are classified appropriately, for disclosure purpose in the financial statements, financial assets are recognized at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets. The Company determines the classification of its financial assets at initial recognition.

At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. The Company's financial assets comprise cash and cash equivalents, trading securities, held-to-maturity investments, trade accounts receivables, loan receivables and other receivables..

Financial liabilities

According to the Circular No. 210/2009/TT-BTC dated 6 November 2009 of the Ministry of Finance, financial liabilities are classified appropriately, for disclosure purpose in the financial statements, financial liabilities are recognized at fair value through profit or loss and financial liabilities measured at amortized cost. The Company determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

At the date of initial recognition, financial liabilities are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issue of these financial liabilities. The Company's financial liabilities comprise trade accounts payable, accrued expenses, other payables, loans and finance lease liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

The subsequent measurement of the financial instruments after initial recognition is the fair value. In the case of there is no regulation on revaluing the fair value of financial instruments, using the historical cost.

Offset of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount presented in the balance sheet, if and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognized amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to collect the assets and settle the liabilities simultaneously.

The Company has not presented notes related to financial instruments at the end of the accounting period because Circular 210 as well as current regulations do not have specific guidance on determining the fair value of financial instruments. financial assets and financial liabilities.

4.18 Related parties

The parties are regarded as related parties of the Company if they have the ability to control or exercise significant influence over the Company in making financial and operating decisions or have the same key management personnel or jointly managed by another company (the same Group, Corporation).

Individuals with the direct or indirect voting rights can impact significantly to the Company, including close family members of these individuals (parents, spouses, children, siblings).

Key management personnel have authority and responsibility for planning, managing and controlling the operation of the Company: the directors, the managers of the Company and close family members of these individuals.

The companies managed by these individuals mentioned above with direct or indirect voting rights or through these rights they can have a significant impact on the Company, including the companies owned by the leaders or owner of the Company and the companies have the same key management personnel.

5. CASH

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cash on hand	8,819,334	183,945,603
Cash in bank	109,755,213	1,594,139,042
Total	**118,574,547**	**1,778,084,645**

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
BIRA Investment Construction JSC	179,348,706,360	137,991,446,360
Mekong Plaza International JSC	76,423,214,469	307,774,241,482
Smart Eco City Town Development Investment JSC	196,127,643,000	228,978,158,301
Pearl Islands Investment General JSC	176,161,420,000	197,451,000,000
Others	12,049,454,922	38,133,868,894
Total	**640,110,438,751**	**910,328,715,037**
In which: Trade receivables from related parties (Details stated in Note 32)	*4,701,225,540*	*28,443,090,600*

7. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Agricultural and Materials Import Export JSC	-	2,845,160,000
Van Dien Fused Magnesium Phosphate Fertilizer JSC	8,019,500,000	-
Yen My Production, Trade and Service Co.,Ltd	3,172,750,000	3,172,750,000
Others	1,307,503,859	1,259,564,129
Total	**12,499,753,859**	**7,277,474,129**
In which: Advances to related parties (Details stated in Note 32)	*851,911,500*	*3,697,071,500*

8. OTHER RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
Short-term	**312,980,815,284**	**(9,549,814,389)**	**244,102,104,115**	**(11,139,098,309)**
Advance to employees	116,000,000	-	3,624,136,709	(3,334,500,000)
Deposit	345,268,722	-	282,065,018	-
Five Star Fertilizer Factory Branch	5,421,294,246	(4,125,233,033)	8,171,294,246	(5,719,905,973)
Five Star International Group Corporation	301,500,949,541	-	229,439,075,405	-
- Interest from investment cooperation contract, late payment interest (i)	*2,138,432,877*	-	*8,039,075,405*	-
- Investment cooperation contract No. 01/2016/HĐHTĐT	-	-	*221,400,000,000*	-
- Investment cooperation contract No. 01/HTĐT-NS-ABS (i)	*299,362,516,664*	-	-	-
Other receivables	5,597,302,775	(5,424,581,356)	2,585,532,737	(2,084,692,336)
Long-term	-	-	**357,025,000,000**	-
Five Star International Group Corporation (i)	-	-	357,025,000,000	-
Total	**312,980,815,284**	**(9,549,814,389)**	**601,127,104,115**	**(11,139,098,309)**

i. Receivables from Five Star International Group Corporation under Business cooperation contract No. 01/HTĐT-NS-ABS dated 16 October 2023 to invest in the project: Investment in the construction of OT-02 High-Rise Residential and Commercial Complex (with a total area of 8,386m²) of the Five Star Eco City project in Phuoc Ly Commune, Can Giuoc District, Long An Province. The total capital contribution of the Company is VND 451,837,080,000, equivalent to 18% of the total investment of the project. The parties will divide the after-tax profit according to the capital contribution ratio of each party. On 16 July 2024, the Board of Directors approved the liquidation of the business cooperation contract due to the extension of the implementation project and the parties signed the Agreement on liquidation the above-mentioned contract, the Company will receive back all contributed capital (without interest) within 06 months from the date of signing the Agreement. Up to now, The Company has worked with Five Star International Group Corporation to recover the outstanding receivable. the Board of Directors and the Management of the Company assess that there is not any loss.

9. OVERDUE DEBT

	31/12/2024				01/01/2024			
	Overdue	Historical cost	Recoverable amount	Provision	Overdue	Historical cost	Recoverable amount	Provision
	Year	VND	VND	VND	Year	VND	VND	VND
Trade receivables		**638,823,432,065**	**630,405,939,069**	**(8,417,492,996)**		**884,909,709,529**	**855,062,135,590**	**(29,847,573,939)**
Tan Dai Phat Food Import Export JSC	Over 3 years	3,805,474,500	-	(3,805,474,500)	Over 3 years	3,805,474,500	-	(3,805,474,500)
Five Star international Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	Over 3 years	4,701,225,540	2,344,955,240	(2,356,270,300)	2 to 3 years	4,953,640,600	2,476,820,300	(2,476,820,300)
Bira Investment Construction JSC (*)		179,348,706,360	179,348,706,360	-		137,991,446,360	129,840,372,452	(8,151,073,908)
	1-2 years	*34,229,946,360*	*34,229,946,360*	-	*6 month - 1 year*	*27,170,246,360*	*27,170,246,360*	*(8,151,073,908)*
	< 6 month	*145,118,760,000*	*145,118,760,000*	-	*< 6 month*	*110,821,200,000*	*110,821,200,000*	-
Mekong Plaza International JSC (*)		76,423,214,469	76,423,214,469	-		307,774,241,482	298,682,939,037	(9,091,302,445)
		-	-	-	*6 month - 1 year*	*30,304,341,482*	*30,304,341,482*	*(9,091,302,445)*
	< 6 month	*76,423,214,469*	*76,423,214,469*	-	*< 6 month*	*277,469,900,000*	*277,469,900,000*	-
Smart Eco City Town Development Investment JSC (*)		196,127,643,000	196,127,643,000	-		228,978,158,301	226,098,003,711	(2,880,154,590)
	1-2 years	*196,127,643,000*	*196,127,643,000*	-	*6 month - 1 year*	*9,600,515,301*	*9,600,515,301*	*(2,880,154,590)*
		-	-	-	*< 6 month*	*219,377,643,000*	*219,377,643,000*	-
Pearl Islands Investment General JSC (*)		176,161,420,000	176,161,420,000	-		197,451,000,000	197,451,000,000	-
	1-2 years	*152,164,970,000*	*152,164,970,000*	-		-	-	-
	< 6 month	*23,996,450,000*	*23,996,450,000*	-	*< 6 month*	*197,451,000,000*	*197,451,000,000*	-
Others	Over 3 years	2,255,748,196	-	(2,255,748,196)	Over 3 years	3,955,748,286	513,000,090	(3,442,748,196)

	31/12/2024				01/01/2024			
	Overdue	Historical cost	Recoverable amount	Provision	Overdue	Historical cost	Recoverable amount	Provision
	Year	VND	VND	VND	Year	VND	VND	VND
Prepayment to		**3,578,555,229**	**-**	**(3,578,555,229)**		**6,534,355,983**	**1,422,580,000**	**(5,111,775,983)**
Yen My Production, Trade and Service	Over 3 years	3,172,750,000	-	(3,172,750,000)	Over 3 years	3,172,750,000	-	(3,172,750,000)
Agricultural and Materials Import Export JSC	-	-	-	-	1 to 2 years	2,845,160,000	1,422,580,000	(1,422,580,000)
Others	Over 3 years	405,805,229	-	(405,805,229)	Over 3 years	516,445,983	-	(516,445,983)
Other receivables		**10,845,875,602**	**1,296,061,213**	**(9,549,814,389)**		**13,595,875,602**	**2,456,777,293**	**(11,139,098,309)**
Mr. Banh The Hung	Over 3 years	1,301,113,718	-	(1,301,113,718)	Over 3 years	1,301,113,718	-	(1,301,113,718)
Five Star Fertilizer Factory	Over 3 years	5,421,294,246	1,296,061,213	(4,125,233,033)	Over 3 years	8,171,294,246	2,451,388,273	(5,719,905,973)
Others	Over 3 years	4,123,467,638	-	(4,123,467,638)	Over 3 years	4,123,467,638	5,389,020	(4,118,078,618)
Total		**653,247,862,896**	**631,702,000,282**	**(21,545,862,614)**		**905,039,941,114**	**858,941,492,883**	**(46,098,448,231)**

(*) As at 31 December 2024, some of these debts were overdue however, the Company has reversed the provision for doubtful debts. The Management committed to work with customers to agree on a plan to collect receivables from customers. The Board of Directors and the Management assessed that there would be no loss on these receivables.

10. INVENTORIES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost	Provision	Historical cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	-	-	1,841,953,750	-
Raw materials	14,401,626	-	15,171,469	-
Merchandises	1,777,965,076	(58,423,650)	1,879,982,653	(51,029,900)
Goods on consignment	133,117,450	-	54,595,000	-
Total	**1,925,484,152**	**(58,423,650)**	**3,791,702,872**	**(51,029,900)**

11. PREPAYMENTS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	**236,063,362**	**128,492,025**
Insurance costs	69,757,916	52,483,114
Tools and supplies	61,859,602	35,789,370
Others	104,445,844	40,219,541
Long-term	**3,993,132,582**	**212,028,486**
Tools and supplies	332,249,314	135,323,326
Land rental fee	3,177,412,606	-
Others	483,470,662	76,705,160
Total	**4,229,195,944**	**340,520,511**

12. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and Structures	Machinery and Equipments	Transportation Vehicles	Total
	VND	VND	VND	VND
COST				
As at 01/01/2024	**7,838,300,394**	**1,051,730,256**	**4,305,605,745**	**13,195,636,395**
As at 31/12/2024	**7,838,300,394**	**1,051,730,256**	**4,305,605,745**	**13,195,636,395**
ACCUMULATED				
As at 01/01/2024	**4,770,104,908**	**895,969,877**	**1,855,941,073**	**7,522,015,858**
Depreciation	237,283,730	57,374,901	314,183,470	608,842,101
As at 31/12/2024	**5,007,388,638**	**953,344,778**	**2,170,124,543**	**8,130,857,959**
NET BOOK VALUE				
As at 01/01/2024	**3,068,195,486**	**155,760,379**	**2,449,664,672**	**5,673,620,537**
As at 31/12/2024	**2,830,911,756**	**98,385,478**	**2,135,481,202**	**5,064,778,436**
Cost of tangible fixed assets fully depriciated but still in use	*2,846,622,376*	*537,366,619*	*1,163,771,048*	*4,547,760,043*
Residual value of tangible fixed assets mortgaged for bank loans	*2,776,453,139*	*102,589,977*	*1,967,289,421*	*4,846,332,537*

13. INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights	Computer softwares	Total
	VND	VND	VND
COST			
As at 01/01/2024	**11,691,046,164**	**120,000,000**	**11,811,046,164**
Decrease due to ineligibility for recognition	(4,517,542,164)	-	(4,517,542,164)
As at 31/12/2024	**7,173,504,000**	**120,000,000**	**7,293,504,000**
ACCUMULATED AMORTISATION			
As at 01/01/2024	**3,527,345,839**	**120,000,000**	**3,647,345,839**
Amortisation	222,644,162	-	222,644,162
Decrease due to ineligibility for recognition	(1,268,861,615)	-	(1,268,861,615)
As at 31/12/2024	**2,481,128,386**	**120,000,000**	**2,601,128,386**
NET BOOK VALUE			
As at 01/01/2024	**8,163,700,325**	**-**	**8,163,700,325**
As at 31/12/2024	**4,692,375,614**	**-**	**4,692,375,614**
Cost of intangible fixed assets fully amortized but still in use	*78,249,700*	*120,000,000*	*198,249,700*

14. INVESTMENT PROPERTIES

	01/01/2024	Increase	Decrease	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Cost	**18,473,717,181**	**-**	**-**	**18,473,717,181**
Buildings	6,501,658,112	-	-	6,501,658,112
Land use rights	11,972,059,069	-	-	11,972,059,069
Loss due to impairment	**-**	**-**	**-**	**-**
Buildings	-	-	-	-
Land use rights	-	-	-	-
Net book value	**18,473,717,181**	**-**	**-**	**18,473,717,181**
Buildings	6,501,658,112	-	-	6,501,658,112
Land use rights	11,972,059,069	-	-	11,972,059,069

Investment property reflects the land use rights and costs related to the purchase of future-formed housing for 19 three land lots and 03 shophouses within the Five Star Urban Area project, located in Phuoc Ly Commune, Can Giuoc District, Long An Province, these properties are owned by the Company and for the purpose of profiting from waiting for price increase to sell.

15. INVESTMENT IN OTHER ENTITIES

	31/12/2024					01/01/2024				
	Number of shares	Ratio	Historical cost	Fair value	Provision	Number of shares	Ratio	Historical cost	Fair value	Provision
	Shares	%	VND	VND	VND	Shares	%	VND	VND	VND
Other long-term investments			**23,000,000,000**	**23,000,000,000**	**-**			**68,000,000,000**	**68,000,000,000**	**-**
Agricultural and Materials Import Export JSC	2,300,000	4.04%	23,000,000,000	23,000,000,000	-	6,800,000	11.95%	68,000,000,000	68,000,000,000	-
Total			**23,000,000,000**	**23,000,000,000**	**-**			**68,000,000,000**	**68,000,000,000**	**-**

On 27 June 2024, the Board of Directors issued Resolution No. 17/24/NQ/HĐQT-ABS approving the transfer of shares in Agricultural and Materials Import-Export JSC with price not lower than VND 14,000 per share. The Company has partially tranffered its shareholding in this entity to an individual investor, with a transfer value of VND 63 billion, generating a profit of VND 18 billion from the transaction.

16. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Repayment capability amount	Value	Repayment capability amount
	VND	VND	VND	VND
Lam Thao Fertilizers and Chemicals JSC	1,717,962,613	1,717,962,613	2,446,341,499	2,446,341,499
Diamond Eco City Travel Urban Development Investment JSC	885,324,699	885,324,699	-	-
Agritech High Technology JSC	-	-	4,888,475,000	4,888,475,000
Others	216,320,000	216,320,000	553,400,000	553,400,000
Total	**2,819,607,312**	**2,819,607,312**	**7,888,216,499**	**7,888,216,499**
In which: Trade payables from related parties (Details stated in Note 32)	-	-	*188,700,000*	*188,700,000*

17. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	01/01/2024	Payable during the year	Paid during the year	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Value added tax	85,043,435	458,254,651	464,923,838	78,374,248
Corporate income tax	14,098,661,875	6,707,161,794	14,098,661,875	6,707,161,794
Personal income tax	2,032,632,394	120,769,358	2,167,065,158	(13,663,406)
Fees, charge and others	713,692,611	2,276,451,982	2,990,144,593	-
Total	**16,930,030,315**	**9,562,637,785**	**19,720,795,464**	**6,771,872,636**
In which:				
- Tax and amounts receivables from State Budget	-			*13,663,406*
- Tax and amounts payable to State Budget	*16,930,030,315*			*6,785,536,042*

18. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Interest expense	228,219,858	39,280,858,280
Others	141,828,283	155,192,812
Total	**370,048,141**	**39,436,051,092**

19. OTHER PAYABLES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	**929,290,562**	**980,950,509**
Trade union and insurances	112,597,840	231,794,156
Excess assets awaiting resolution	176,719,665	146,048,279
Payables for equitization	14,526,000	14,526,000
Dividend, profit payable	117,004,375	117,004,375
Interest expense	258,000,000	258,000,000
Others	250,442,682	213,577,699
Long-term	**297,500,000**	**297,500,000**
Long-term collaterals and deposits received	297,500,000	297,500,000
Total	**1,226,790,562**	**1,278,450,509**

20. LOANS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

	01/01/2024		During the year		31/12/2024	
	Value	Repayment capability amount	Increase	Decrease	Value	Repayment capability amount
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Shor-term loans	**592,216,495,407**	**592,216,495,407**	**216,880,531,373**	**749,858,802,506**	**59,238,224,274**	**59,238,224,274**
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Binh Thuan Branch (1)	40,756,570,000	40,756,570,000	179,101,436,373	175,858,792,099	43,999,214,274	43,999,214,274
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Thuan Branch (2)	14,970,850,000	14,970,850,000	37,539,095,000	37,510,935,000	14,999,010,000	14,999,010,000
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank - Ha Dong Branch	536,249,075,407	536,249,075,407	-	536,249,075,407	-	-
Current portion of long-term loan						
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Thuan Branch (3)	240,000,000	240,000,000	240,000,000	240,000,000	240,000,000	240,000,000
Long-term loan	**640,000,000**	**640,000,000**	**-**	**240,000,000**	**400,000,000**	**400,000,000**
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Thuan Branch (3)	640,000,000	640,000,000	-	240,000,000	400,000,000	400,000,000
Total	**592,856,495,407**	**592,856,495,407**	**216,880,531,373**	**750,098,802,506**	**59,638,224,274**	**59,638,224,274**

Long-term borrowings are repayable as follows:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Within one year	240,000,000	240,000,000
From the second year to fifth year	400,000,000	640,000,000
Total	**640,000,000**	**880,000,000**

Details of the Company's loan agreement as at 31 December 2024 are as follows:

Note	Bank	Contract	Limit	Loan term and purpose	Rate	Collateral assets
(1)	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Binh Thuan Branch	Credit contract No. 1968/2024/3127435/HĐTD dated 18 December 2024	VND 48 billion	Credit limit maintenance period is 12 months from 18 December 2024; Purpose: Supplement working capital, open guarantee.	6,5% - 7,8%	02 land use rights in Phan Thiet city, Binh Thuan province owned by the Company
(2)	Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Thuan Branch	Credit contract No. 202025101967 dated 11 May 2023 and	VND 15 billion	Credit limit maintenance period is 12 months from 17 May 2024; Purpose: Supplement working capital.	7,8% - 10,0%	05 land use rights, 02 land use rights and assets attached to land owned by the Company in Ninh Thuan and Binh Thuan provinces
(4)	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Thuan Branch	Medium and long-term loan agreement No. 0721/KHBL/2022/TDH dated September 12, 2022	VND 1,2 billion	Term 60 months from disbursement date, divided into 60 principal repayment periods, paid once a month on the 26th, final principal repayment on 26 August 2027; Purpose: Payment for the purchase of a new 22 cubic meter HYUNDAI HD320 oil tanker	11.50%	Tangible fixed assets formed from loan capital

21. OWNER'S EQUITY

Movement in owner's equity

	Owners' contributed capital	Share premium	Investment and development fund	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
As at 01/01/2023	**800,000,000,000**	**42,560,127,000**	**59,516,176**	**63,056,573,432**	**905,676,216,608**
Profit for the year	-	-	-	8,287,009,671	8,287,009,671
As at 01/01/2024	**800,000,000,000**	**42,560,127,000**	**59,516,176**	**71,343,583,103**	**913,963,226,279**
Profit for the year	-	-	-	2,435,388,079	2,435,388,079
As at 31/12/2024	**800,000,000,000**	**42,560,127,000**	**59,516,176**	**73,778,971,182**	**916,398,614,358**

According to Resolution No.01/NQ-ĐHĐCĐTN2024 dated 29 June 2024 of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, they were agreed not to distribute profits in 2023.

Details of owners' equity

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Ratio	Value	Ratio
	VND	%	VND	%
Mr. Tran Van Muoi	100,000,000,000	12.50%	100,000,000,000	12.50%
Other shareholders	700,000,000,000	87.50%	700,000,000,000	87.50%
Total	**800,000,000,000**	**100%**	**800,000,000,000**	**100%**

Capital transactions with owners

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Owner's equity		
- Opening balance	800,000,000,000	800,000,000,000
- Increase during the year	-	-
- Decrease during the year	-	-
- Closing balance	800,000,000,000	800,000,000,000
Declared dividend, earning	-	-

Shares information

	31/12/2024	01/01/2024
Authorised shares	**80,000,000**	**80,000,000**
Issued shares	**80,000,000**	**80,000,000**
- Ordinary shares	80,000,000	80,000,000
Repurchased shares (treasury shares)	-	-
Outstanding shares	**80,000,000**	**80,000,000**
- Ordinary shares	80,000,000	80,000,000
Par value of an outstanding share (VND/share)	*10,000*	*10,000*

22. OFF BALANCE SHEET ITEMS

	31/12/2024	01/01/2024
Foreign currencies		
- USD	204.90	5,270.90

23. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Revenue from fertilizer sales	293,485,465,000	879,095,750,500
Revenue from sales of gasoline, oil, lubricants	102,655,392,414	146,126,765,212
Total	**396,140,857,414**	**1,025,222,515,712**

Revenue from related parties

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Five Star High Technology Fertilizer JSC	-	53,942,450,000
Total	**-**	**53,942,450,000**

24. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Cost of fertilizer sold	292,888,831,896	846,095,907,389
Cost of sales of gasoline, oil, lubricants	97,211,066,984	140,404,179,467
Provision for decline in value of inventories	7,393,750	24,454,900
Total	**390,107,292,630**	**986,524,541,756**

25. FINANCIAL INCOME

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Bank and loan interest	2,065,469	3,589,398
Gains from sale of trading securities, investments	18,000,000,000	96,452,000,000
Gains from investment cooperation contract	-	8,039,075,405
Interest on late payment	10,098,367,123	-
Gain on foreign exchange difference	247,175,204	153,933,695
Other financial income	11,719,333	9,254,667
Total	**28,359,327,129**	**104,657,853,165**

26. FINANCIAL EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest expense	35,962,657,538	76,016,457,355
Loss on foreign exchange difference	1,176,223	26,999
Total	**35,963,833,761**	**76,016,484,354**

27. OTHER EXPENSE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Penalties for late payment of taxes and insurance	2,278,813,462	806,962,333
Others	112,608,448	5,249,930
Total	**2,391,421,910**	**812,212,263**

28. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Selling expenses	**4,981,097,674**	**5,852,109,940**
Staff expenses	2,898,325,367	3,511,052,490
Cost of materials and packaging, tools and supplies	124,895,919	198,723,789
Depreciation expense	655,625,110	847,578,110
Outsourced expense	479,078,758	228,790,492
Other expenses	823,172,520	1,065,965,059
Administrative expenses	**(17,831,009,538)**	**38,766,279,452**
Staff expenses	3,432,126,422	3,895,206,806
Material expense for administration, tools and supplies	252,677,007	372,094,093
Depreciation expense	128,418,212	122,831,496
Tax, fee	58,977,974	49,390,885
Provision	(24,441,944,863)	31,668,458,617
Outsourced expense	348,838,388	395,474,863
Other expenses	2,389,897,322	2,262,822,692
Total	**(12,849,911,864)**	**44,618,389,392**

29. PRODUCTION COST BY NATURE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Material and consumables cost	377,572,926	570,817,882
Labor cost	6,330,451,789	7,406,259,296
Depreciation	784,043,322	970,409,606
Provision	(24,441,944,863)	31,668,458,617
Outsourced expense	827,917,146	624,265,355
Other expenses	3,272,047,816	3,378,178,636
Total	**(12,849,911,864)**	**44,618,389,392**

30. CORPORATION INCOME TAX EXPENSE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Accounting Profit before CIT	**9,142,549,873**	**22,233,146,900**
Adjustment for taxable income	***24,393,259,095***	***47,297,721,587***
- Add: Non-deductible interest expenses	*21,539,277,565*	*46,101,598,676*
- Add: Non-deductible expenses	*2,853,981,530*	*1,196,122,911*
Taxable income	**33,535,808,968**	**69,530,868,487**
Tax rate	20%	20%
Current corporate income tax expenses	**6,707,161,794**	**13,906,173,697**
Additional corporate income tax of previous years	-	39,963,532
Total current corporate income tax expenses	**6,707,161,794**	**13,946,137,229**

31. BACIS EARNING PER SHARE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Profit allocated to common shareholders	**2,435,388,079**	**8,287,009,671**
Welfare and bonus fund	-	-
Profit for the purpose of calculating basic earnings per share	**2,435,388,079**	**8,287,009,671**
Weighted average number of common shares during the year	80,000,000	80,000,000
Earnings per share	**30**	**104**

32. INFORMATION WITH RELATED PARTIES

In addition to member of the Board of Directors and the Management, the Company has the following related parties:

Related parties	Relationship
Five Star International Group Corporation	The company has the same Chairman
Five Star Fertilizer Factory Branch	Member unit of Five Star International Group
Five Star international Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	The company has the same Chairman
Vam Co Dong Corporation	The company has the same Chairman
Agricultural and Materials Import Export JSC	The company has the same Chairman
Viet Nam Agriculture Tourism Trading JSC	The company has the same Chairman
Five Star High Technology Fertilizer JSC	Member unit of Five Star International Group Corporation
Fivestar Holdings Corporation	Ms. Tran Thi Hien is the General Director and legal representative of this Company
IIC Sai Gon Co., Ltd	Ms. Bui Thi Ha Lam is legal representative of this Company

During the year, the Company entered into the following transactions and balances with its related parties as follows:

Transactions with related parties

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Five Star International Group Corporation		
Interest of business cooperation contract, late payment	10,098,367,123	8,039,075,405
Collect refund of business cooperation contract	354,062,483,336	-
Business cooperation money transfer	75,000,000,000	357,025,000,000

Related party's balances

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trade accounts receivable	**4,701,225,540**	**28,443,090,600**
Five Star International Fertilizer (Cambodia) Co., Ltd	4,701,225,540	4,953,640,600
Five Star High Technology Fertilizer JSC	-	23,489,450,000
Other receivable	**306,922,243,787**	**594,635,369,651**
Five Star Fertilizer Factory Branch	5,421,294,246	8,171,294,246
Five Star International Group Corporation	301,500,949,541	586,464,075,405
- Business cooperation contract	*299,362,516,664*	*578,425,000,000*
- Interest of business cooperation contract, late payment	*2,138,432,877*	*8,039,075,405*

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term advances to suppliers	**851,911,500**	**3,697,071,500**
Agricultural and Materials Import Export JSC	-	2,845,160,000
Five Star International Group Corporation	851,911,500	851,911,500
Trade payables	**-**	**188,700,000**
Five Star High Technology Fertilizer JSC	-	188,700,000
Other payables	**258,000,000**	**258,000,000**
Agricultural and Materials Import Export JSC	258,000,000	258,000,000

Salary, allowance and remuneration of the Board of Director, Management and Supervisory Board for the year:

Name	Position	Year 2024	Year 2023
		VND	VND
Board of Director and Management		**1,624,870,000**	**1,566,301,000**
Mr. Tran Van Muoi	Chairman	140,000,000	260,000,000
Mr. Dinh Quang Sang	Vice Chairman (Resigned on 29 June 2024)	21,000,000	39,000,000
Ms. Vu Thi Hai	Independent Board Member	21,000,000	39,000,000
Mr. Mai Quoc Hung	Member (Resigned on 29 June 2024)	21,000,000	39,000,000
Ms. Tran Thi Hien	Member	21,000,000	39,000,000
Ms. Bui Thi Ha Lam	Member (Appointed on 29 June 2024), Director (Appointed on 01 May 2024, resigned on 12 Decemeber 2024)	529,000,000	-
Ms. Tran Thi Huong	Director (Resigned on 26 April 2024)	304,380,000	637,080,000
Mr. Do Viet Ha	Member (Appointed on June 29, 2024), Director (Appointed on 10 March 2025) Deputy Director (resigned on 10 March 2025)	533,490,000	513,221,000
Mr. Tran Ba Mai Anh Vu	Director (Appointed on 12 Decemeber 2024, resigned on 10 March 2025)	2,000,000	-
Mr. Tran Duy Toan	Deputy Director (Appointed on 16 Decemeber 2024)	32,000,000	-
Supervisory Board		**260,601,563**	**254,476,833**
Ms. Truong Thuy Linh	Head of Supervisory Board (Resigned on 29 June 2024)	110,601,563	202,476,833
Ms. Mai Thi Thanh Hai	Head of Supervisory Board (Appointed on 29 June 2024) / Member (Resigned on 29 June 2024)	104,000,000	26,000,000
Ms. Nguyen Thi Cuoi	Member (Resigned on 29 June 2024)	14,000,000	26,000,000
Mr. Doan Dinh Chien	Member (Appointed on 29 June 2024)	16,000,000	-
Mr. Pham Van Hien	Member (Appointed on 29 June 2024)	16,000,000	-
Total		**1,885,471,563**	**1,820,777,833**

33. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENT

Geographical Segment

The Company operates solely within the territory of Vietnam, so, the Company does not preparing and presenting segment reports by geographical region.

Business Segment

Information on assets and liabilities by business segment

	Closing balance					
Items	Fertilizer business	Petroleum business	Investment activities (finance, business cooperation)	Real estate business	Other activities and allocated	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản ngắn hạn	639,083,482,838	2,806,998,606	301,500,949,541	851,911,500	2,117,813,260	944,243,342,485
Tài sản dài hạn	3,760,472,262	7,307,822,353	23,000,000,000	18,473,717,181	2,681,992,017	52,542,011,796
Tổng tài sản	**642,843,955,100**	**10,114,820,959**	**324,500,949,541**	**19,325,628,681**	**4,799,805,277**	**1,001,585,159,558**
Nợ phải trả	**62,759,622,238**	**8,805,339,400**	**-**	**-**	**13,621,583,562**	**85,186,545,200**

	Opening balance					
Items	Fertilizer business	Petroleum business	Investment activities (finance, business cooperation)	Real estate business	Other activities and allocated	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản ngắn hạn	887,897,165,358	2,827,410,308	229,439,075,405	851,911,500	3,976,215,398	1,124,991,777,969
Tài sản dài hạn	4,232,888,249	7,629,663,392	425,025,000,000	18,473,717,181	2,186,797,707	457,548,066,529
Tổng tài sản	**892,130,053,607**	**10,457,073,700**	**654,464,075,405**	**19,325,628,681**	**6,163,013,105**	**1,582,539,844,498**
Nợ phải trả	**543,538,140,547**	**9,570,007,407**	**106,002,402,941**	**-**	**6,131,567,324**	**665,242,118,219**

Information on revenue and expenses by business segment

Items	Fertilizer business	Petroleum business	Investment activities	Allocated	Total
Year 2024					
Revenue	293,485,465,000	102,655,392,414	-	-	396,140,857,414
Cost of goods sold	292,896,225,646	97,211,066,984	-	-	390,107,292,630
Financial income	-	-	28,098,367,123	260,960,006	28,359,327,129
Financial expenses	33,342,600,922	2,621,232,839	-	-	35,963,833,761
Selling expenses	3,219,766,642	1,761,331,032	-	-	4,981,097,674
General and administration expenses	(24,441,944,863)	-	-	6,610,935,325	(17,831,009,538)
Other income	-	-	-	255,001,767	255,001,767
Other expenses	-	-	-	2,391,421,910	2,391,421,910
Accounting profit before tax	(11,531,183,347)	1,061,761,559	28,098,367,123	(8,486,395,462)	9,142,549,873
Year 2023					
Revenue	879,095,750,500	146,126,765,212	-	-	1,025,222,515,712
Cost of goods sold	846,120,362,289	140,404,179,467	-	-	986,524,541,756
Financial income	-	-	104,491,075,405	166,777,760	104,657,853,165
Financial expenses	35,810,358,226	1,387,626,128	38,818,500,000	-	76,016,484,354
Selling expenses	3,914,447,785	1,937,662,155	-	-	5,852,109,940
General and administration expenses	31,668,458,617	-	-	7,097,820,835	38,766,279,452
Other income	-	-	-	324,405,788	324,405,788
Other expenses	-	-	-	812,212,263	812,212,263
Accounting profit before tax	(38,417,876,417)	2,397,297,462	65,672,575,405	(7,418,849,550)	22,233,146,900

34. SUBSEQUENT EVENTS

There was no significant event occurring after the balance sheet date, which would require adjustments to, or disclosures to be made in the financial statements for the year ended 31 December 2024.

35. COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures are from the audited financial statements for the year ended 31 December 2023 by another auditor. Some figures in the cash flow statement have been re-presented accordingly. Details are as follows:

ITEMS	Codes	Published number	Restated number	Difference
CASH FLOWS FROM OPERATING				
- (Gain)/Loss from investing activities	05	(104,787,853,165)	(8,172,664,803)	(96,615,188,362)
- Increase, decrease in receivables	09	(275,388,408,028)	(267,349,332,623)	(8,039,075,405)
- (Increase)/(Deacrease) Trading securities	13	-	340,200,000,000	(340,200,000,000)
Net cash from operating activities	**20**	**(454,578,354,158)**	**(9,724,090,391)**	**(444,854,263,767)**
CASH FLOWS FROM INVESTING				
Cash recoverd from lending, selling debt intrusments of other entities	24	340,200,000,000	-	340,200,000,000
Interest earned, dividend and profit received	27	104,657,853,165	3,589,398	104,654,263,767
Net cash from investing activities	**30**	**434,151,089,984**	**(10,703,173,783)**	**444,854,263,767**

Binh Thuan, 31 March 2025

Preparer	Chief Accountant	Director
Truong Thuy Linh	Nguyen Van Thuy	Do Viet Ha